DNP

Hoàng Anh Tuấn

Digitally signed by Hoàng Anh Tuấn
Date: 2024.04.19 21:50:33 +07'00'

# Báo cáo thường niên 2023

## NẮM BẮT CƠ HỘI VƯƠN TẦM QUỐC TẾ

CHƯƠNG

# 01

## Điểm nhấn 2023


04 Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi

06 Những con số nổi bật, Các chỉ tiêu tài chính nổi bật

10 Điểm nhấn năm 2023

# Tầm nhìn - Sứ mệnh Giá trị cốt lõi

## Tầm nhìn

DNP là lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực nước sạch, môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp và vật liệu xây dựng hoàn thiện.

## Sứ mệnh

Nâng cao chất lượng, trải nghiệm sống và tham gia giải quyết các thách thức về môi trường với các giải pháp toàn diện, sáng tạo về nước sạch, vật liệu xây dựng, hàng gia dụng cao cấp.

## Giá trị cốt lõi

# Điểm nhấn 2023

**Tổng tài sản**
16.077 Tỷ đồng

**Vốn hóa thị trường (29/12/2023)**
2.616 Tỷ đồng

**Tổng doanh thu thuần**
7.579 Tỷ đồng

**Tăng trưởng doanh thu thuần (CAGR 2012-2023)**
33,88 %

**Tăng trưởng lợi nhuận gộp (CAGR 2012-2023)**
35,34 %

**Tổng số nhân viên**
3.671 Người

## Vị thế trên thị trường

**Top 1**
Nhà đầu tư tư nhân ngành nước tại Việt Nam

**Top 1**
Vật tư thiết bị ngành nước

**Top 1**
Thương hiệu gia dụng cao cấp được yêu thích nhất trên kênh phân phối hiện đại (Modern trade)

**Top 1**
Dẫn đầu phân khúc Gạch Granite cao cấp

**Top 3**
Nhà sản xuất ngói tráng men lớn nhất Việt Nam

**Top 5**
Sản xuất bao bì tại Việt Nam

## Sở hữu thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

### Nước sạch & môi trường

**Công suất thiết kế**
1 triệu $m^3$/ ngày đêm

**Nước sạch đạt chuẩn cung cấp cho các hộ dân năm 2023**
125 triệu $m^3$

**Cung cấp nước tại**
11 tỉnh thành

**Vệ sinh môi trường tại**
5 tỉnh thành

### Sản phẩm gia dụng

**Tổng số mã sản phẩm gia dụng**
750 SKU

**Thị trường xuất khẩu**
Doanh thu xuất khẩu 2023 gấp ~6 lần 2022
20 nước

**Tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng với hơn**
140 sản phẩm/năm

**Hệ thống phân phối đa kênh (Modern trade và General trade)**

### Vật liệu xây dựng

**Công suất gạch ốp lát và ngói**
26 triệu $m^2$/năm

**Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng**
2.000 mẫu thiết kế

### Hệ sinh thái ngành nước

**Công suất ống và phụ kiện nhựa**
~5.500 tấn/tháng

**Ống nhựa và Vật tư thiết bị ngành nước, gạch ngói ốp lát hiện diện tại**
63/63 tỉnh thành

### Bao bì

**Công suất bao bì mềm**
24.000 tấn/năm

**Công suất bao bì cứng**
18.000 tấn/năm

## Quy mô Tổng tài sản qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

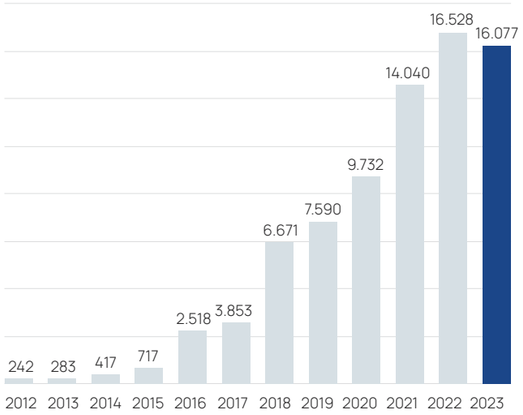


## Quy mô Vốn chủ sở hữu qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

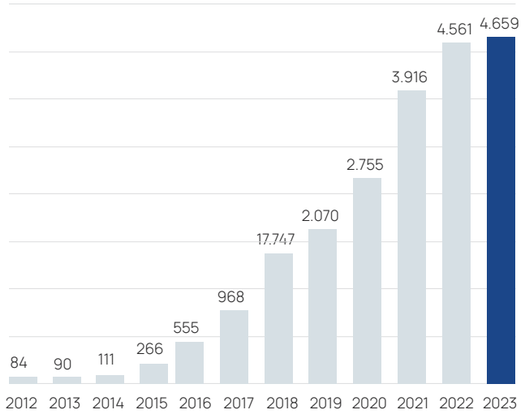


## Doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

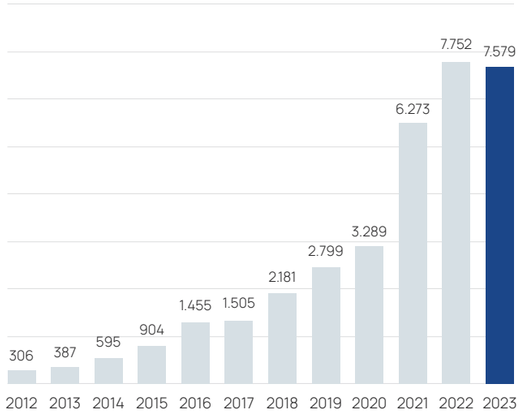


## EBITDA thực hiện qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

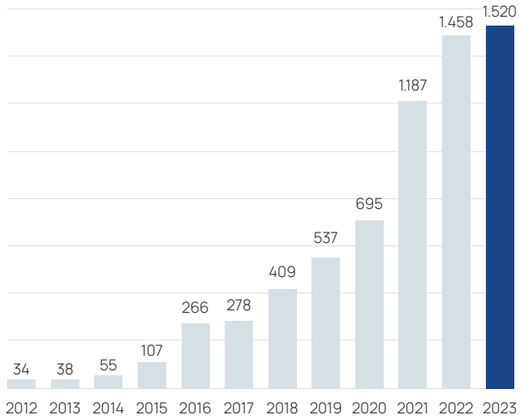


## Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

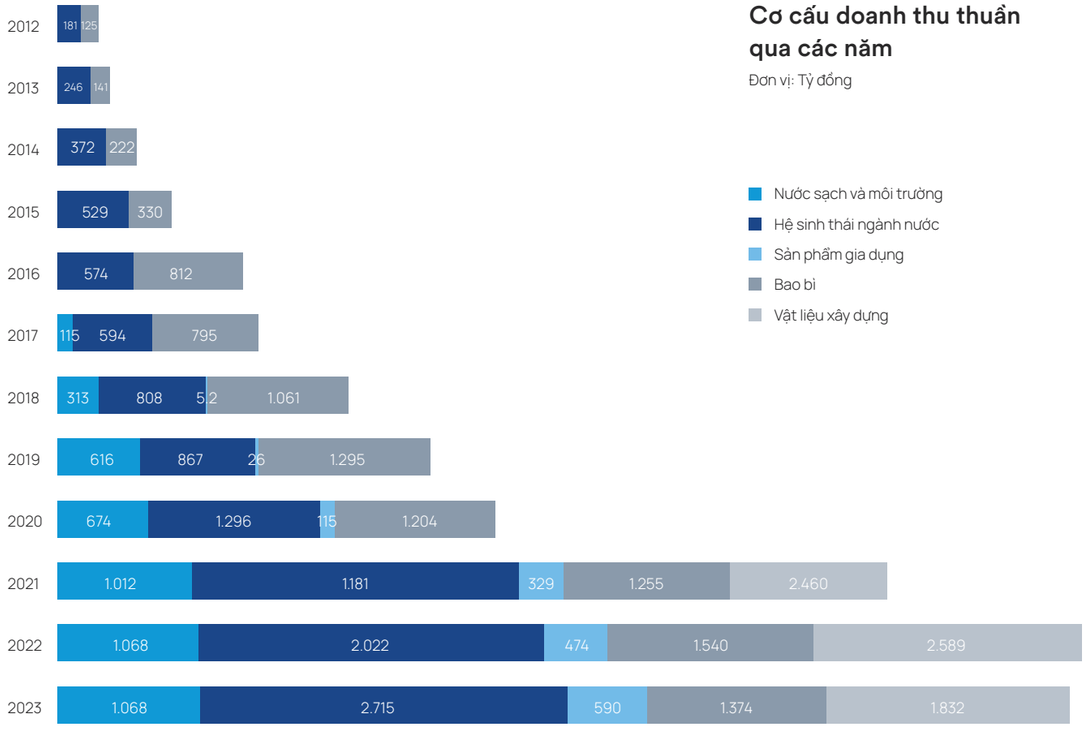


## Cơ cấu doanh thu thuần 2023

Tổng doanh thu 2023

**7.579** tỷ đồng

| | | |
|---|---|---|
| Nước sạch và môi trường | 1.068 | 14,1% |
| Hệ sinh thái ngành nước | 2.715 | 35,8 % |
| Sản phẩm gia dụng | 590 | 7,8 % |
| Bao bì | 1.374 | 18,1 % |
| Vật liệu xây dựng | 1.832 | 24,2 % |

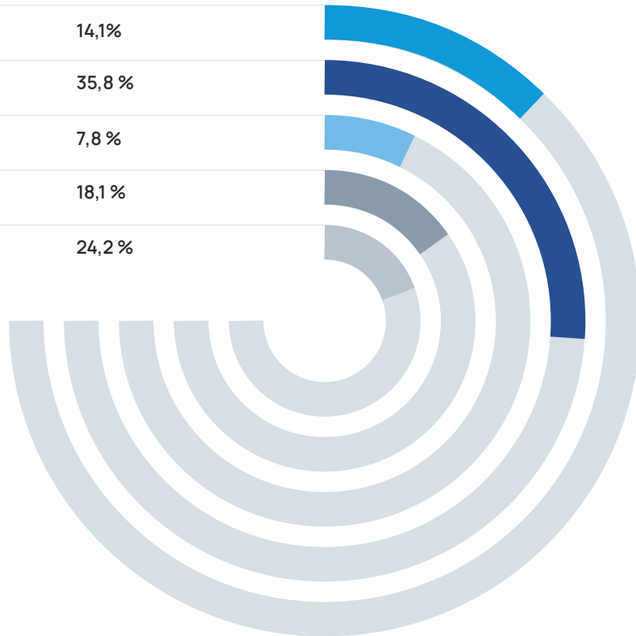

Ghi chú: Tổng tài sản của DNP Holding năm 2023 giảm nhẹ vì có sự sắp xếp và tái cấu trúc hệ thống các công ty trong Tập đoàn;
Doanh thu thuần của DNP Holding năm 2023 giảm nhẹ do tình hình vĩ mô gặp nhiều khó khăn, sức tiêu thụ trong năm cũng giảm.

# Điểm nhấn 2023 (tiếp theo)

## 1 DNP Holding xuất sắc ghi danh tại Bảng xếp hạng PROFIT500 - Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam

Với lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 171 tỷ đồng, tăng trưởng 297,3% so với 2021, các mảng cốt lõi đều ghi nhận tăng trưởng mạnh, DNP Holding vinh dự được vinh danh tại Bảng xếp hạng PROFIT500 - Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Vietnam Report phối hợp với Báo Vietnamnet tổ chức. DNP được vinh danh cùng nhiều doanh nghiệp tên tuổi như Petrovietnam, Viettel, BIDV... Trước đó, vào năm 2018 và 2017, doanh nghiệp cũng đã 2 lần liên tiếp được nhắc đến tại bảng xếp hạng uy tín này.

## 2 Động thổ Dự án Nhà máy nước Sơn Thạnh – Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP

Tháng 8/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) liên danh cùng Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh đã động thổ xây dựng Nhà máy nước Sơn Thạnh tại xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Dự án được tiến hành theo 2 giai đoạn: giai đoạn I công suất nhà máy đạt 25.000 $m^3$/ngày đêm, tương đương 9.125.000 $m^3$/năm; giai đoạn II sẽ được đầu tư, xây dựng để nâng công suất lên tới 100.000 $m^3$/ngày đêm và dài hạn có thể đạt tới 200.000 $m^3$/ngày đêm theo lộ trình phù hợp với quy hoạch hệ thống cung cấp nước sinh hoạt của địa phương. Dự kiến nhà máy nước Sơn Thạnh sẽ chính thức đi vào vận hành từ quý III năm 2024 và đảm bảo nước sạch đầu ra theo quy chuẩn cao nhất của Bộ y tế về tiêu chuẩn nước ăn uống, sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

## 3 Thúc đẩy xuất khẩu, gia tăng thị phần và tăng cường hợp tác quốc tế

Trong năm 2023, DNP Holding và các đơn vị thành viên đã không ngừng nỗ lực nghiên cứu, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển thị trường, từng bước vươn ra thế giới. Trong đó, tiêu biểu là thương hiệu gia dụng Inochi với việc đẩy mạnh quảng bá sản phẩm, tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế về đồ gia dụng như Ambiente (Đức), Home Instyle (Hồng Kong)..., thu hút được sự quan tâm và đánh giá cao của nhiều đối tác lớn trên thế giới. Inochi đã kết nối thành công, gia tăng thị phần để xuất khẩu đến gần 20 quốc gia, trong đó có nhiều thị trường cao cấp như Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sỹ, Australia,.. Doanh thu xuất khẩu năm 2023 của Inochi tăng trưởng gấp khoảng 6 lần so với năm 2022. Các đơn vị trong hệ thống cũng tăng cường mở rộng hợp tác với các nhà cung cấp, các thương hiệu uy tín trên thị trường để học hỏi công nghệ mới, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và tối ưu giá thành, từng bước tạo tiền đề để vươn ra trường quốc tế.

## 4 DNP Water hoàn tất sở hữu Saigon Water

CTCP Đầu tư Ngành nước DNP (DNP Water) đã hoàn tất mua vào 32.653.750 cổ phiếu SII của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Saigon Water) vào tháng 1 năm 2024. Sau giao dịch, DNP Water nâng sở hữu từ 19% lên 50,61%, qua đó trở thành công ty mẹ Saigon Water, đưa công ty này chính thức trở thành công ty con thuộc hệ thống DNP Water. Saigon Water là một tên tuổi lớn trong ngành cấp nước tại khu vực miền Nam với công suất thiết kế xấp xỉ 500.000 $m^3$/ngày đêm với các nhà máy nước trải dài từ Gia Lai, Lâm Đồng đến thành phố Hồ Chí Minh. Việc sở hữu Saigon Water sẽ góp phần hoàn thiện sứ mệnh của DNP Water, mở rộng và củng cố hoạt động kinh doanh của DNP Water tại miền Trung và miền Nam, nâng cao hiệu quả hoạt động và cùng nhau hợp tác trong việc phát triển các dự án tiềm năng.

## 5 DNP Water và Samsung Engineering đồng tổ chức triển lãm tại Diễn đàn kinh tế Tp. Hồ Chí Minh với chủ đề "Tăng trưởng xanh – Hướng tới Net Zero"

Gắn với chủ đề Tăng trưởng xanh, hướng tới Net Zero năm nay, DNP Water và Samsung Engineering đã mang đến câu chuyện chuyển đổi xanh thông qua những nỗ lực trong việc ứng dụng giải pháp công nghệ, chuyển đổi số để mang nước sạch về đến những vùng có nhu cầu cấp thiết về nước sạch như Quảng Bình, Sapa, Khánh Hòa, dự án cung cấp nước thô liên vùng tại Đồng bằng sông Cửu Long. Các dự án thoát nước, xử lý nước thải, rác thải tại một số tỉnh thành như TP HCM, Phan Thiết và một số dự án mà hai bên đang phối hợp nghiên cứu triển khai tại Bắc Giang, Bến Tre.

## 6 Ra mắt nhãn bình sữa và phụ kiện Aoi dành riêng cho mẹ và bé – Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam

Ngày 03/08/2023, Thương hiệu gia dụng cao cấp Inochi thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam đã ra mắt nhãn hàng dành riêng cho mẹ và bé Aoi. Lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt tự thiết kế, sản xuất và phát triển sản phẩm bình sữa cho bé từ nguyên liệu PPSU – một trong những vật liệu cao cấp nhất cho bình sữa trẻ em trên thị trường, được nhập khẩu từ BASF của Đức, một đơn vị sản xuất nhựa hàng đầu thế giới. Bên cạnh đó, núm ti bình sữa Aoi được sản xuất bởi nguyên liệu silicone đến từ một trong những thương hiệu silicone lớn nhất của Nhật Bản. Chất liệu này đáp ứng tiêu chuẩn ISO-9001 và 14001, đạt tiêu chuẩn FDA với đặc thù mềm dẻo, chống nấm, chống vi khuẩn và chịu nhiệt lên đến 120 độ C. Ngoài ra, thương hiệu Aoi còn mang đến những phụ kiện tiện ích cho mẹ và bé như bộ phụ kiện tập uống, bộ vệ sinh bình sữa, giá úp bình sữa, nước rửa bình sữa và phụ kiện,... Các sản phẩm trên được nghiên cứu phát triển và sản xuất hoàn toàn bởi Tân Phú Việt Nam, với các nguồn nguyên vật liệu an toàn, chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế.

CHƯƠNG

# 02

## Tổng quan


14 Thông tin khái quát

16 Lịch sử hình thành và phát triển

18 Lĩnh vực kinh doanh

22 Địa bàn kinh doanh

24 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị

26 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán

32 Định hướng chiến lược phát triển

40 Các yếu tố rủi ro

# Thông tin tổng quát

**DNP Holding** là Tập đoàn đầu tư vào lĩnh vực nước sạch và môi trường, hệ sinh thái ngành nước, vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình, sản phẩm gia dụng cao cấp và bao bì các loại.

| | |
|---|---|
| Tên giao dịch | Công ty Cổ phần DNP Holding |
| Mã chứng khoán | DNP (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX) |
| Vốn điều lệ | 1.189 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023) |
| Vốn chủ sở hữu | 4.659 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023) |
| Trụ sở chính | Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |

**Tổng công suất các nhà máy cấp thoát nước**

**1** triệu $m^3$/ngày đêm

**DNP Water** và các đơn vị thành viên sở hữu và vận hành các nhà máy cấp thoát nước có công suất khoảng 1.000.000 $m^3$/ngày đêm, đang đề xuất và thực hiện các giải pháp cấp nước cho các vùng khó khăn, chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như Sapa, Đồng bằng sông Cửu Long.

**Công suất gạch ốp lát cao cấp và ngói các loại**

**26** triệu $m^2$/năm

**CMC** sở hữu và vận hành các nhà máy với tổng công suất gạch ốp lát cao cấp và ngói các loại 26 triệu $m^2$/năm, được đánh giá là cái nôi của ngành, đơn vị tiên phong đổi mới sáng tạo, chất lượng sản phẩm cao cấp và là đơn vị có hiệu quả cao nhất trong ngành.

**Công suất ống nhựa và phụ kiện**

**5.500** tấn/tháng

**Nhựa Đồng Nai, DNP Hawaco, và Tân Phú Việt Nam** sở hữu và vận hành công suất ống nhựa và phụ kiện có tổng công suất trên 5.000 tấn/tháng, nhà cung cấp số 1 Việt Nam về các loại thiết bị vật tư và giải pháp cơ điện cho ngành cấp thoát nước và xây dựng dân dụng, công suất bao bì các loại rơi vào 3.500 tấn/tháng; INOCHI - thương hiệu gia dụng cao cấp thuộc Tân Phú Việt Nam được phân phối rộng khắp trên thị trường cả nước, và được đánh giá cao về tiêu chuẩn, cạnh tranh với các thương hiệu quốc tế.

**Công suất bao bì các loại**

**42.000** tấn/năm

**Công suất đồ gia dụng**

**4.200** tấn/năm

# Lịch sử hình thành và phát triển

**1976**

Thành lập với mô hình Công ty Nhà nước

**1996**

Bắt đầu sản xuất ống nhựa uPVC

**1998**

Bắt đầu sản xuất ống nhựa HDPE

**2004**

Cổ phần hóa doanh nghiệp

**2005**

Đầu tư nhà máy sản xuất bao bì mềm xuất khẩu

**2006**

Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) - mã chứng khoán DNP

**2007**

Xây dựng nhà máy sản xuất nhựa thứ 2 đặt tại Quảng Nam

**2008**

Là nhà sản xuất đầu tiên tại Việt Nam đầu tư sản xuất ống HDPE 1.000 mm

**2010**

Nâng công suất nhà máy ống nhựa lên 3.000 tấn/tháng

**2012**

Tái cấu trúc toàn diện theo mô hình DNP, thay đổi Hội đồng quản trị và Ban điều hành

**2014**

Trở thành nhà sản xuất và cung cấp ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam

**2015**

Đầu tư sở hữu nhà máy nước Bình Hiệp công suất 50.000 $m^3$/ngày đêm

Tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng

**2016**

Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng

Đầu tư sở hữu Nhựa Tân Phú (đã đổi tên thành Tân Phú Việt Nam)

Đầu tư sở hữu nhà máy nước Đồng Tâm công suất 90.000 $m^3$/ngày đêm

**2017**

Thành lập DNP Water với vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng

Trở thành công ty tư nhân đầu tiên trong ngành nước ở Việt Nam được IFC cam kết đầu tư 24,9 triệu USD

Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng

**2018**

Xây dựng Nhà máy nước sạch DNP - Bắc Giang, hoàn thành giai đoạn 1 công suất 30.000 $m^3$/ngày đêm

Tăng vốn điều lệ của DNP thêm 500 tỷ đồng, DNP Water thêm 680 tỷ đồng

Chính thức ra mắt thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI.

**2019**

Huy động thành công nguồn vốn lên tới 20 triệu USD từ trái phiếu chuyển đổi với Olympus Capital Asia

Ra mắt DNP Hawaco – công ty liên doanh giữa 2 thương hiệu hàng đầu lĩnh vực vật tư ngành nước tại Việt Nam

**2020**

Tăng vốn điều lệ của DNP thêm 91 tỷ đồng, DNP Water thêm 200 tỷ đồng

Thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI có trên 300 sản phẩm, có mặt ở tất cả các chuỗi siêu thị lớn ở Việt Nam

Nhựa Đồng Nai đưa vào hoạt động nhà máy bao bì số 5 sản xuất các loại túi thực phẩm cao cấp với công suất 120 tấn/tháng

**2021**

Ngày 25/03/2021, DNP trở thành cổ đông lớn sở hữu 51,14% CTCP CMC – một trong những công ty sản xuất gạch ốp lát lớn nhất Việt Nam. DNP trở thành nhà cung cấp số 1 Việt Nam về quy mô và sự đa dạng của vật liệu khâu hoàn thiện các công trình (giải pháp và thiết bị điện, thoát nước, bơm, van, gạch ốp lát...)

Tháng 04/2021, CTCP Nhựa Tân Phú đổi tên thành CTCP Tân Phú Việt Nam.

Nâng vốn điều lệ lên 1.189 tỷ đồng

**2022**

DNP cùng lúc đạt 3 thương hiệu quốc gia cho 3 sản phẩm thuộc các lĩnh vực trụ cột: Vật tư ngành nước (Nhựa Đồng Nai), gạch ngói xây dựng (CMC), sản phẩm gia dụng tiện ích (Inochi/thuộc Tân Phú Việt Nam) vào tháng 10/2022.

Tháng 06/2022, Samsung Engineering, tiếp nối Tập đoàn Tài chính Quốc tế IFC trở thành đối tác đầu tư chiến lược của DNP Water tại Việt Nam. Vốn điều lệ của DNP Water được tăng thêm 562 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Cổ phần DNP Holding từ tháng 04/2022.

**2023**

Thương hiệu gia dụng cao cấp Inochi thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam đã ra mắt Hệ sinh thái bình sữa và phụ kiện Aoi dành riêng cho mẹ và bé.

Động thổ khởi công xây dựng Nhà máy nước Sơn Thạnh thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.

DNP Holding xuất sắc ghi danh trong top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023.

# Lĩnh vực kinh doanh

## Nước sạch và môi trường

**Doanh thu nước sạch và môi trường**

**1.068** tỷ đồng

- Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng;
- Đầu tư tăng công suất và hiệu quả của các nhà máy nước hiện hữu;
- Phát triển các dự án xây dựng nhà máy nước mới với quy mô lớn, các dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch đến các khu vực đô thị và cận đô thị;
- Tiên phong phát triển các giải pháp cấp nước tại nông thôn, biển đảo và những khu vực chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu;
- Tham gia đầu tư và vận hành các dự án nước thải.
- Với hơn 30 nhà máy trải dài từ Bắc vào Nam, tổng công suất 1.000.000 $m^3$/ngày đêm, hệ thống quản lý vận hành tinh gọn, chuyên nghiệp, áp dụng chuyển đổi số, và sự quan tâm sâu sát của Ban Lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công nhân viên trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm làm việc nhiều năm, năm 2023, doanh thu của DNP Water vẫn giữ được mức tương tự năm 2022 dù nền kinh tế có nhiều biến động.



## Hệ sinh thái ngành nước

**Thị phần đồng hồ nước tại Việt Nam**

**56** %

**Tổng doanh thu Hệ sinh thái ngành nước**

**2.715** tỷ đồng

**Doanh thu mảng vật tư thiết bị ngành nước**

**700** tỷ đồng

**Doanh thu mảng ống nhựa và phụ kiện**

**1.178** tỷ đồng

### Vật tư thiết bị, giải pháp ngành nước

- DNP Hawaco là đơn vị số 1 về cung cấp đồng hồ đo nước trong ngành cấp nước tại Việt Nam, hàng năm cung cấp cho thị trường trên 350.000 đồng hồ mới các loại, chiếm 56% thị phần cả nước và hiện tại đã cung cấp cho 6.000.000 đấu nối hộ dân cho ngành cấp nước Việt Nam. DNP Hawaco còn là đơn vị cung ứng vật tư thiết bị ngành nước khác (bơm, van, hóa chất...); là đơn vị tiên phong nội địa hoá sản xuất (tấm lắng Lamela, module xử lý...), tích hợp giải pháp (SCADA, điện điều khiển...), tự động hoá, chuyển đổi số, công nghệ xử lý nước cho hạ tầng (nước sạch, nước thải, thuỷ lợi) và xây dựng dân dụng, toà nhà.
- DNP Hawaco được đánh giá là nhà cung cấp giải pháp công nghệ xử lý và vật tư thiết bị số 1 cấp thoát nước Việt Nam với quy mô doanh số 700 tỷ vào 2023 và phục vụ hơn 500 khách hàng chiến lược và thân thiết hàng năm.

### Ống nhựa và phụ kiện

- Nhựa Đồng Nai sản xuất và cung cấp ống nhựa và phụ kiện HDPE, uPVC, PPR... cho hạ tầng cấp thoát nước, các công trình xây dựng dân dụng, tưới tiêu nông nghiệp và thuỷ lợi.
- Công suất mảng ống nhựa và phụ kiện đạt 5.500 tấn ống/tháng, Nhựa Đồng Nai được thị trường ghi nhận là số 1 thị phần Việt Nam mảng hạ tầng cấp thoát nước.

# Sản phẩm gia dụng cao cấp

**Doanh thu năm 2023**

**590** tỷ đồng

+24,5% so với năm 2022

**CARG trong giai đoạn 2019-2023**

**86,2** %/năm

**Tổng số mã sản phẩm gia dụng**

**750** SKU

Inochi là thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (mã chứng khoán: TPP). Nền tảng kỹ thuật công nghệ tiên tiến của TPP chính là bệ đỡ vững chắc cho sự phát triển của Inochi.

Với sứ mệnh tiên phong trong lĩnh vực sản xuất đồ gia dụng, Inochi mang đến cho người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm chất lượng cao, mang đậm dấu ấn Nhật Bản:

- Tiêu chuẩn Nhật Bản: Inochi áp dụng tiêu chuẩn Nhật Bản trong quy trình sản xuất, đảm bảo sản phẩm an toàn cho sức khỏe và thân thiện với môi trường.
- Giàu tiện ích: Inochi luôn nghiên cứu và cải tiến để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, mang đến những sản phẩm tích hợp nhiều tiện ích thông minh.
- Chất lượng cao: Inochi sử dụng nguyên liệu cao cấp và dây chuyền sản xuất hiện đại, cho ra đời những sản phẩm bền bỉ, đẹp mắt và tiện dụng.
- An toàn cho người sử dụng: Inochi luôn đặt an toàn lên hàng đầu, đảm bảo sản phẩm không chứa chất độc hại, phù hợp với mọi lứa tuổi.

Trong điều kiện kinh tế thị trường năm 2023 gặp nhiều khó khăn, nhưng Inochi vẫn giữ vững tốc độ tăng trưởng khi đạt doanh thu 590 tỷ, tăng 24,5% so với năm 2022.

Kênh phân phối siêu thị (MT) tiếp tục giữ vững vai trò chủ đạo trong việc phát triển bền vững của Inochi, duy trì và phát triển thêm chiều sâu để gia tăng vị thế toàn ngành hàng chiếm vị thế số 1 ngành hàng gia dụng trong hệ thống các siêu thị kênh MT tại Việt Nam.

Ngoài ra trong năm 2023, Inochi cũng phát triển mạnh mẽ ở kênh dự án (kênh quà tặng doanh nghiệp) đã từng bước chứng minh vị thế Thương hiệu quốc gia khi hợp tác với các thương hiệu bán lẻ hàng đầu Việt Nam như Vinamilk, TH Truemilk, FPT Long Châu, Nutifood, ...

Năm 2023, thương hiệu Inochi đã tham gia vào các hội chợ đồ gia dụng nổi tiếng trên Thế giới như Ambiente (Đức), Home Instyle (Hồng Kong), Canton Fair (Trung Quốc), từng bước chứng minh vị thế thương hiệu Inochi đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Inochi đã có mặt ở gần 20 nước trên thế giới, điển hình một số thị trường như: Malaysia, Philippines, Indonesia, Myanmar, Hong Kong, Qatar, Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sỹ, Australia, ...

Bên cạnh đó, Inochi đã ra mắt Hệ sinh thái bình sữa và phụ kiện Aoi dành riêng cho mẹ và bé, với kỳ vọng sẽ mang lại những giá trị to lớn và bùng nổ về doanh số cho Inochi nói riêng và TPP nói chung trong thời gian sắp tới.



# Bao bì

**Tổng công suất**

**18.000** tấn/năm

## Bao bì cứng

Sản xuất bao bì cứng, cho các ngành thiết yếu:

- Kỹ thuật Công nghiệp: Vỏ ắc quy, thùng sơn.
- Hóa mỹ phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET.
- Bảo vệ thực vật: Chai 3 lớp, chai PET, can, thùng.
- Thực phẩm và đồ uống: Chai HDPE, PP, chai PET.
- Dược phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET
- Khuôn mẫu: Chế tạo khuôn mẫu phục vụ cho sản xuất ngành nhựa

Một số khách hàng lớn: Pinaco, Sữa Quốc tế,(IDP), Sữa Việt Nam (Vinamilk), Nestle, Lavie, P&G, Masan Consumer...

Trong năm 2023, mảng kinh doanh của bao bì cứng vẫn hoạt động ổn định, là nền tảng sản xuất vững chắc giúp tối ưu về mặt quản trị cộng hưởng ở các ngành hàng khác.

**Tổng công suất**

**24.000** tấn/năm

## Bao bì mềm

Sau khi thực hiện tái cơ cấu và chuyển mảng sản xuất kinh doanh từ Nhựa Đồng Nai về Tân Phú Việt Nam, bao bì mềm đã ổn định và từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất:

- Tổng công suất: 24.000 tấn/năm
- Sản xuất các loại bao bì mềm xuất khẩu: starseal, T-shirt shopping bags, sandwich, drawstring... đạt tiêu chuẩn châu Âu
- Các nước xuất khẩu bao bì mềm: Mỹ , Úc, Nhật, Đức, Anh, Pháp, Hà Lan...

Sản phẩm bao bì cao cấp liên quan đến thực phẩm: túi zipper, túi slider màng bọc.

# Vật liệu xây dựng

**Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng**

**>2.000** mẫu thiết kế

## Gạch ốp lát và ngói các loại CMC

- Sản xuất, cung cấp gạch ốp tường, gạch lát sàn, gạch trang trí và ngói trang men cao cấp cho các công trình xây dựng từ dân dụng tới công nghiệp và thương mại.
- Sở hữu 02 nhà máy với công suất đạt trên 26 triệu $m^2$ gạch, ngói mỗi năm; CMC được đánh giá là một trong những thương hiệu sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng với hơn 16 dòng kích thước, 10 định dạng bề mặt và hơn 2.000 mẫu thiết kế; cùng với chất lượng vượt trội và là một trong những thương hiệu được ưa thích nhất tại Việt Nam.

Ra mắt bộ sưu tập CMC Legacy với 50 mã sản phẩm có kích thước đa dạng, được sản xuất trên xương gạch Granite và Porcelain với độ hút nước gần như bằng 0 (≤0,5%), độ mài mòn và bền bỉ vượt trội hơn đá. CMC ứng dụng những công nghệ men hiện đại bậc nhất như vi tinh kim cương, nano bóng, matt microcid. Đặc biệt, hiệu ứng chạm khắc (Carving Effect) trên mặt men Microcid là một điểm sáng công nghệ mà CMC lần đầu tiên ứng dụng vào sản xuất các sản phẩm trong bộ sưu tập.

# Địa bàn kinh doanh

## Nước sạch và môi trường

Cấp nước tại 11 tỉnh thành, thoát nước và vệ sinh môi trường tại 5 tỉnh thành.

## Hệ sinh thái Ngành nước

63 tỉnh thành

## Vật liệu xây dựng

Kênh phân phối ở tất cả 63 tỉnh thành cả nước.

## Bao bì

Bao bì mềm xuất khẩu đi các thị trường châu Âu, Úc, Mỹ... Bao bì cứng gia công cho các doanh nghiệp.

## Sản phẩm gia dụng

Kênh phân phối hiện đại và truyền thống, hiện diện ở 63/63 tỉnh thành trên cả nước và đã xuất khẩu đi 20 thị trường quốc tế như: Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sỹ, Australia, Hồng Kông, Malaysia.

# Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị

DNP Holding (“DNP”) hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (investment holding), theo đó DNP thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu phát triển và tổ chức triển khai các dự án chuyển đổi số để gia tăng lợi thế cạnh tranh, nghiên cứu các giải pháp cải tiến về công nghệ.

Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP.

Mô hình quản trị gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và có Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ngoài ra, còn có Ban cố vấn cấp cao gồm các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực quản trị và vận hành, tài chính, truyền thông... tư vấn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và thực thi các chiến lược kinh doanh.

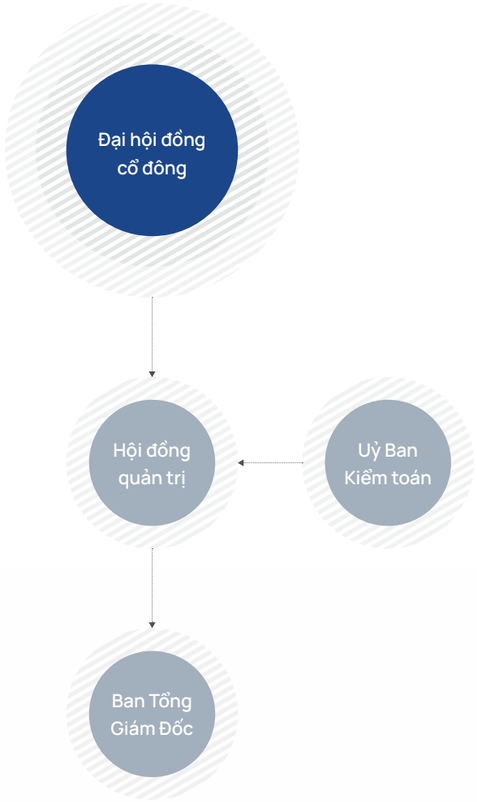




# Nền tảng tổ chức

## Khối Quản trị hoạt động Đơn vị thành viên

Xây dựng hệ thống quản trị hoạt động chung của các đơn vị ở các lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn, và tuân thủ các thông lệ tốt về môi trường xã hội (E&S).

- Khối Sản xuất: Các nhà máy sản xuất nhựa/nước sạch/gạch ngói tại các đơn vị thành viên.
- Khối Kinh doanh: Các đội kinh doanh được tổ chức theo mảng kinh doanh, nhóm ngành hàng, thị trường, kênh phân phối... cho các sản phẩm ống và vật tư ngành nước cho các công trình hạ tầng và dân dụng, vật tư thiết bị ngành nước, sản phẩm gia dụng, gạch ngói, bao bì cứng và mềm...
- Khối Phát triển: Gồm các nhóm nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển lĩnh vực kinh doanh và giải pháp mới.

## Khối Holding

- Khối Ngân hàng đầu tư (IB): Nghiên cứu phát triển, cấu trúc vốn, huy động vốn tăng trưởng quy mô và đảm bảo tính pháp lý trong quá trình hoạt động và phát triển.
- Khối Nguồn vốn và Quản trị tài chính (TAF): Quản trị dòng tiền, đầu tư tập trung, quản trị kế toán, thuế và quản trị hiệu quả hoạt động, rủi ro tài chính.
- Khối Nhân sự - Phát triển tổ chức (HR-OD): Xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, tổ chức tinh gọn chuyên nghiệp & linh hoạt.
- Khối Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số: Đưa công nghệ thông tin vào vận hành, kinh doanh và quản trị trên toàn hệ thống DNP, gia tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của DNP.
- Khối Hành chính (Administration): Thực hiện và giám sát các thủ tục hành chính, lễ tân, đón tiếp, văn thư lưu trữ, quản lý lịch trình, phối hợp tổ chức sự kiện và hỗ trợ các bộ phận khác trong tổ chức...
- Danh sách các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết, và các thông tin về vốn góp, tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích tại từng đơn vị được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tại Chương VI - Báo cáo thường niên 2023 của DNP Holding.

# Hội đồng Quản trị

## Ông Vũ Đình Độ

**Chủ tịch HĐQT**

Ông Vũ Đình Độ là nhà đầu tư, người đồng sáng lập và đồng hành cùng sự phát triển của các công ty phát triển hạ tầng cấp nước, các công ty sản xuất vật tư hạ tầng ngành nước, vật liệu xây dựng,... trong hệ thống Công ty Cổ phần DNP Holding. Ông có kiến thức sâu rộng và 20 năm kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển, kiến trúc tổ chức, hoạt động đầu tư và hoạt động quản trị, sản xuất, vận hành doanh nghiệp tại các tổ chức lớn của Việt Nam.

Ông gia nhập DNP từ năm 2012 với vai trò Giám đốc điều hành và trở thành Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT từ 2014. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Vũ Đình Độ tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

## Ông Ngô Đức Vũ

**Phó Chủ tịch HĐQT**

Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tên cũ: CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung), Tổng Giám đốc DNP Holding. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Ngô Đức Vũ tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

## Bà Phan Thùy Giang

**Thành viên HĐQT**

Bà Phan Thùy Giang là Thạc sỹ chuyên ngành tài chính với gần 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng... Gia nhập công ty từ năm 2017, bà Giang từng giữ vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư và đã có nhiều đóng góp quan trọng về đầu tư, tài chính doanh nghiệp, công tác vận hành... cho công ty. Tháng 8/2021, bà được bầu làm Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Bà Phan Thùy Giang tiếp tục được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

## Ông Hoàng Anh Tuấn

**Thành viên HĐQT**

Ông Hoàng Anh Tuấn là Thạc sĩ Quản lý kinh tế với 15 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh, tài chính - kế toán và vận hành doanh nghiệp. Gia nhập DNP Holding từ năm 2012, ông Tuấn từng đảm nhận các vị trí Kế toán trưởng và Giám đốc vận hành và được bổ nhiệm vào nhiều vị trí chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc (2018), Tổng Giám đốc (2019-2022) tại Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam. Ông Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc DNP Holding từ ngày 6/2/2023 đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Ông Hoàng Anh Tuấn được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

## Bà Nguyễn Thị Huyền

**Thành viên HĐQT**

Bà Nguyễn Thị Huyền là Thạc sỹ Kế toán – Kiểm toán và đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc tại CTCP DNP Holding. Bà Huyền gia nhập Công ty từ năm 2007 và đã từng đảm nhận các vị trí phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Vật tư, Giám đốc mảng Bao bì mềm của CTCP Nhựa Đồng Nai và thành viên HĐQT CTCP Tân Phú Việt Nam. Hiện Bà đang là Giám đốc vận hành CTCP DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Bà Nguyễn Thị Huyền được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

# Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

## Ông Bùi Thành Việt

**Thành viên HĐQT độc lập**

Ông Bùi Thành Việt có bằng Thạc sỹ Tài chính Đầu tư. Trước đây, ông từng là Chủ nhiệm Kế toán – CT Ernst & Young Việt Nam, chuyên viên Ban Tài chính – Tập đoàn Vingroup, Phó Giám đốc Khối Tài chính Tập đoàn MIK Group, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Tập đoàn INFINITY GROUP. Năm 2022, ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Khối quản trị Tài chính Công ty Cổ phần Tasco và Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Ông Bùi Thành Việt được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

## Ông Akhil Jain

**Thành viên HĐQT độc lập**

Ông Akhil Jain có bằng thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ. Từ năm 2010 - 2015, ông lần lượt làm việc tại quỹ đầu tư tư nhân Argonaut và Quản lý mảng đầu tư của Navis Capital Partner. Hiện tại, ông Akhil Jain đang là Giám đốc tại Quỹ đầu tư Olympus Capital Asia. Tháng 7.2021, ông được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Akhil Jain tiếp tục được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



# Ban Tổng Giám đốc

## Ông Hoàng Anh Tuấn

**Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Anh Tuấn là Thạc sĩ Quản lý kinh tế với 15 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh, tài chính - kế toán và vận hành doanh nghiệp. Gia nhập DNP Holding từ năm 2012, ông Tuấn từng đảm nhận các vị trí Kế toán trưởng và Giám đốc vận hành và được bổ nhiệm vào nhiều vị trí chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc (2018), Tổng Giám đốc (2019-2022) tại Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam. Ông Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc DNP Holding từ ngày 6/2/2023 đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam.

## Ông Trần Hữu Chuyền

**Phó Tổng Giám đốc**

Ông Trần Hữu Chuyền – Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội, chuyên ngành Kỹ sư công nghệ hóa học. Ông Chuyền đã gắn bó với công ty gần 40 năm và có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình phát triển DNP, đặc biệt là trong các mảng kỹ thuật, sản xuất và vận hành. Ông từng giữ nhiều vị trí chủ chốt trong Công ty như: Trưởng phòng kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng, Tổng Giám đốc công ty… Tháng 4 năm 2017, ông Chuyền được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

# Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

## Bà Phan Thùy Giang

**Phó Tổng Giám đốc**

Bà Phan Thùy Giang là Thạc sỹ chuyên ngành tài chính với gần 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng... Gia nhập công ty từ năm 2017, bà Giang từng giữ vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư và đã có nhiều đóng góp quan trọng về đầu tư, tài chính doanh nghiệp, công tác vận hành... cho công ty. Tháng 8/2021, bà được bầu làm Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

## Bà Phạm Thị Thu Hằng

**Kế toán trưởng**

Bà Phạm Thị Thu Hằng tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP HCM, khoa Kế toán Kiểm tóan, sau đó học thêm văn bằng 2 Đại học Kinh tế TP.HCM, khoa Luật Doanh nghiệp. Trước khi gia nhập CTCP DNP Holding, bà từng làm Kế toán trưởng Ban quản lý xây dựng tỉnh Đồng Nai - Sở Xây Dựng, Giám sát Kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam. Sau khi gia nhập CTCP DNP Holding, bà đã giữ các chức như Kế toán tổng hợp, Phó phòng Kế toán. Tháng 4/2023, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng CTCP DNP Holding.



# Ủy Ban Kiểm toán

## Ông Bùi Thành Việt

**Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán**

Ông Bùi Thành Việt có bằng Thạc sỹ Tài chính Đầu tư. Trước đây, ông từng là Chủ nhiệm Kế toán – CT Ernst & Young Việt Nam, chuyên viên Ban Tài chính – Tập đoàn Vingroup, Phó Giám đốc Khối Tài chính Tập đoàn MIK Group, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Tập đoàn INFINITY GROUP. Năm 2022, ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Khối quản trị Tài chính Công ty Cổ phần Tasco và Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Ông Bùi Thành Việt được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

## Ông Ngô Đức Vũ

**Thành viên Ủy Ban Kiểm toán**

Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tên cũ: CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung), Tổng Giám đốc DNP Holding. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Ngô Đức Vũ tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

# Chiến lược phát triển đến 2026

DNP định hướng trở thành lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực nước sạch, môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp và vật liệu xây dựng hoàn thiện dựa trên nền tảng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:

## Nước sạch và môi trường

Giữ vững vị thế Công ty giải pháp, dịch vụ và đầu tư hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.

Cam kết tham gia giải quyết những thách thức về nguồn nước và môi trường với công nghệ tiên tiến, giải pháp đột phá và toàn diện.

## Hệ sinh thái ngành nước

Duy trì vị thế Top 3 Việt Nam về ống nhựa và vật tư thiết bị ngành nước.

Trở thành nhà cung cấp số 1 Việt Nam về giải pháp công nghệ, vật tư trang thiết bị cho ngành cấp thoát nước và xử lý nước thải, từng bước mở rộng ra thị trường quốc tế.

## Gia dụng cao cấp

Phát triển INOCHI thành thương hiệu gia dụng cao cấp, top 2 thương hiệu được yêu thích ở Việt Nam.

Hướng đến gia tăng quy mô và tốc độ tăng trưởng bình quân 30%/ năm.

Phát triển Thương hiệu Mẹ và bé "AOI" thông qua chiến lược phủ mạnh các điểm phân phối Mẹ và Bé trong nước, mở rộng phân khúc, tạo tiền đề hướng ra thế giới.

## Vật liệu xây dựng

Trở thành đơn vị Top 3 Việt Nam về gạch ốp lát và ngói tráng men cao cấp.

## Bao bì

Phát triển bền vững mảng bao bì cứng và bao bì mềm, nâng cao hiệu quả, đạt mức tăng trưởng cơ hữu 5-10%/năm.

Sở hữu hệ sinh thái có sức cộng hưởng lớn, DNP Holding có nhiều lợi thế để cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường thông qua các giải pháp:

| | |
|---|---|
| Phát huy lợi thế hệ sinh thái | Tạo lợi thế cộng hưởng nhờ sức mạnh hợp lực của các đơn vị trên toàn hệ thống. |
| Tăng cường ứng dụng công nghệ và máy móc hiện đại | Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quy trình vận hành, sản xuất kinh doanh tại các nhà máy và văn phòng, nhằm nâng cao hiệu quả, tăng năng suất lao động và tối ưu hóa các nguồn lực; Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại; Hợp tác với các đối tác, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước để rút ngắn thời gian chuyển giao công nghệ và quản trị. |
| Tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường | Xây dựng phát triển thị trường mới, mở rộng xuất khẩu quốc tế cho chuỗi sản phẩm mà DNP có thế mạnh. |
| Phát triển Nguồn nhân lực | Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ; xây dựng cơ chế tưởng thưởng xứng đáng và có lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo kế nhiệm. |
| Quản trị công ty | Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, tối ưu nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực có ưu thế; Tích hợp các vấn đề ESG trong hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro hoạt động, hướng tới phát triển bền vững. |

# Chiến lược ngành nước

## Triển vọng ngành nước

Mức tiêu thụ nước sạch của Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR 8,7% trong giai đoạn 2022-2030, tương đương mức 8,8% trong giai đoạn 2005-2022 (the Báo cáo HSC, 2023). Động lực đằng sau đà tăng trưởng này đến từ việc gia tăng tốc độ đô thị hoá, quy mô dân số, thu hút vốn FDI tích cực vào ngành sản xuất Với lợi thế là công ty hàng đầu trong việc phát triển các dự án mới, những năm qua, DNP Water đã và đang phát triển nhiều dự án có quy mô lớn như Dự án Nhà máy nước thô Vùng 1 với công suất thiết kế 300.000 $m^3$/ngày đêm, Dự án Nhà máy nước Sơn Thạnh với công suất thiết kế 100.000 $^3$/ngày đêm.., và nghiên cứu để phát triển thêm tại các địa bàn đang gặp khó khăn về nước sạch để giải quyết các vấn đề cấp thiết về nước sạch như hạn mặn, ô nhiễm nguồn nước... Ước tính mức tiêu thụ nước bình quân đầu người của Việt Nam vào năm 2023 sẽ tăng gấp đôi so với năm 2022 lên 158 lít/ngày. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân cũng như các khối sản xuất, thương mại, dịch vụ với chất lượng nước đạt tiêu chuẩn, giá nước sạch được dự báo sẽ tăng lên để có thể đảm bảo nguồn lực cho đầu tư xây dựng nhà máy mới, phát triển các dự án tăng công suất và nâng cao tiêu chuẩn nhà máy nước.

## Định hướng chiến lược

**Trong bối cảnh ngành nước còn nhiều dư địa tăng trưởng, DNP Water, thông qua các chiến lược phát triển sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là công ty tư nhân số 1 về ngành nước sạch tại Việt Nam.**

- Tích cực tăng quy mô thông qua việc phát triển các dự án cấp nước mới với quy mô lớn tại những địa bàn có nhu cầu sử dụng nước cao phục vụ cho sinh hoạt, hoạt động công nghiệp, dịch vụ - du lịch, giải quyết các thách thức về nguồn nước, nâng công suất các nhà máy hiện hữu, tham gia đối tác chiến lược trong các công ty cấp nước có nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước, và tham gia đầu tư, vận hành các dự án nước thải. Hướng tới mục tiêu tăng tỷ lệ người dân được tiếp cận với nước sạch đạt tiêu chuẩn đến mức 100% tại các khu vực DNP Water hoạt động.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động tại các công ty cấp nước thành viên thông qua chương trình chuyển đổi số triệt để ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động, từ xây dựng hệ thống đến áp dụng các mô hình quản trị dựa vào quá trình số hóa nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện hoạt động sản xuất, đảm bảo an toàn sản xuất và đảm bảo chất lượng nước cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; cải thiện công tác quản lý mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn và phát triển tệp khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đấu nối; thực hiện các dự án nhằm giảm thất thoát nước, đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước và chất lượng nước cấp tới người tiêu dùng.
- Phát triển nguồn nhân lực nội tại thông qua việc tổ chức các chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng và học tập để hỗ trợ người lao động phát triển sự nghiệp, xây dựng những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Dưới sự lãnh đạo của đội ngũ quản lý có năng lực cao, có nhiều thành tựu trong các lĩnh vực cốt lõi; đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kiến thức và kinh nghiệm, kết hợp với thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, quản trị ... của các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, DNP Water phát huy các nguồn lực hướng tới mục tiêu trở thành nhà điều hành hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.



# Hệ sinh thái ngành nước

## Triển vọng mảng Vật tư thiết bị cho hệ sinh thái ngành nước

Mảng kinh doanh ống nhựa hạ tầng và vật tư thiết bị, giải pháp cho ngành nước được dự báo tiếp tục tăng trưởng theo nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng cấp thoát nước tại các địa phương, khu công nghiệp... với xu hướng FDI tăng và dịch chuyển nhiều nhà máy sản xuất vào Việt Nam.

Cùng với đó, giải ngân đầu tư công vào xây dựng hạ tầng và tốc độ đô thị hóa nhanh sẽ là động lực tăng trưởng cho ngành nước nói chung và vật tư thiết bị nói riêng.

## Định hướng chiến lược

**Trở thành nhà cung cấp số 1 về giải pháp và vật tư thiết bị ngành nước.**

Làm giàu hệ sinh thái các công ty cấp nước truyền thống, mở rộng ngành thoát nước, thuỷ lợi, mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước. Từng bước chuyển đổi DNP Hawaco thành 1 công ty giải pháp, công nghệ, tăng năng lực triển khai tích hợp giải pháp, công nghệ lõi của ngành nước, tiến đến chuyển đổi số.

Về Ống nhựa và phụ kiện, DNP đặt mục tiêu:

- Duy trì và giữ vững TOP 3 Việt Nam về ống nhựa và phụ kiện.
- Trở thành nhà cung cấp số 1 Việt Nam về giải pháp công nghệ, vật tư trang thiết bị ngành cấp thoát nước và nước thải. Từng bước mở rộng ra thị trường quốc tế (Đông Nam Á)

Để hoàn thành mục tiêu chiến lược, DNP vẫn tiếp tục theo định hướng tập trung làm giàu hệ sinh thái các công ty cấp nước truyền thống, mở rộng ngành thoát nước, thuỷ lợi, mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước và hội nhập quốc tế.

Từng bước chuyển đổi DNP Hawaco thành 1 công ty giải pháp, công nghệ, tăng năng lực triển khai tích hợp giải pháp, công nghệ lõi của ngành nước và xử lý nước thải, tiến đến chuyển đổi số, đa dạng hóa các sản phẩm chất lượng theo nhu cầu thị trường.

Chiến lược hợp tác sâu rộng đối với các đối tác quốc tế hàng đầu: hợp tác sản xuất, chuyển giao công nghệ,... là ưu tiên số 1 tại Nhựa Đồng Nai.

Về ống nhựa và phụ kiện, DNP tiếp tục củng cố vị thế số 1 mảng ống nhựa hạ tầng và mục tiêu 5 năm sau trở thành số 01 MEP Cao tầng dựa trên định hướng chiến lược như sau:

- Phát huy lợi thế làm chủ công nghệ sản xuất ống nhựa và phụ kiện chất lượng cao; sở hữu tệp khách hàng chất lượng (cấp thoát nước, công ty BĐS thương mại và KCN), dịch vụ cung ứng 24/07 xuất sắc đã bồi đắp xây dựng thương hiệu tại thị trường miền Bắc và duy trì quan hệ sâu rộng với khách hàng tới 63 tỉnh thành trong cả nước.
- Vững bước Phát triển phân khúc ống nhựa và phụ kiện cho toà nhà, khu dân cư, bệnh viện, nghỉ dưỡng gắn liền với xu hướng đô thị hoá; Nâng cao vị thế trên thị trường dự án với năng lực và uy tín đã được khẳng định thông quá triển khai hầu hết các dự án của các chủ đầu tư lớn, điển hình như Masterise, Nam Long, Keppel, Đất Xanh group, Khang Điền... Nhựa Đồng Nai được công nhận là nhà cung cấp dẫn đầu các giải pháp ống và phụ kiện cho công trình cao tầng.
- Phát triển mạnh mẽ hơn nữa các giải pháp phụ kiện thông minh và đa dạng nhằm giúp khách hàng có thể gia tăng hiệu quả thi công cũng như tối ưu hóa không gian cho kiến trúc công trình. Phát triển thị trường kênh bán lẻ: tiếp nối sự hiện diện trên kênh bán lẻ trong 3 năm vừa qua, Nhựa Đồng Nai tiếp tục đẩy mạnh phương thức tiếp cận hiện đại kết hợp giữa bán hàng trực tiếp và gián tiếp online; Phát triển những đối tác nhà phân phối có năng lực tốt; Nắm bắt xu hướng tiếp thị số hiện đại để tiếp cận khách hàng mục tiêu một cách hiệu quả cao cho cả hai miền Nam Bắc.
- Làm chủ công nghệ sản xuất đa dạng hóa các sản phẩm cung ứng cho hệ sinh thái ngành nước như tấm lắng, đan lọc, keo dán ống PVC, hóa chất và các sản phẩm khác thông qua thương mại.

# Chiến lược sản phẩm gia dụng cao cấp

## Triển vọng ngành gia dụng

Theo thống kê của Bộ Công Thương, sức chi cho hàng gia dụng tại thị trường Việt Nam chiếm khoảng 9% tổng gói tiêu dùng cá nhân. Trong 11 nhóm ngành hàng chính, nhóm hàng gia dụng đứng thứ tư về quy mô tiêu dùng, vào khoảng 13 tỷ USD. Triển vọng của ngành hàng gia dụng là rất lớn, nguyên nhân nhờ dân số trẻ dẫn đến nhu cầu hàng gia dụng lớn (độ tuổi 18-45 tuổi chiếm 57%-60%), thu nhập tăng (trên 2.000 USD) dẫn đến thay đổi nhu cầu về chất lượng mẫu mã nhiều hơn. Theo Euromonitor, độ tuổi trung bình ở Việt Nam là 31 tuổi – độ tuổi mua sắm, trong khi thu nhập bình quân cải thiện (3.000 USD/người/năm), nhu cầu mua mới hoặc đổi các mặt hàng điện máy gia dụng cơ bản vẫn tăng dù 70% hộ gia đình Việt Nam đã sở hữu đầy đủ các mặt hàng gia dụng cơ bản. Số người tiêu dùng quan tâm đến hàng gia dụng trong nước cũng ngày càng tăng. Nếu trước đây thị trường chủ yếu là các tập đoàn nước ngoài lớn ở phân khúc cao cấp, các công ty Việt Nam ở phân khúc trung cấp và bình dân, thì hiện tại nhiều doanh nghiệp Việt đã đầu tư hơn về phát triển sản phẩm và năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng, mẫu mã... để tham gia vào phân khúc cao hơn.

Trong đó, Tân Phú Việt Nam có thể nói là doanh nghiệp tiên phong với thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp INOCHI phát triển nhanh và mạnh từ 2018, đến nay đã có dải sản phẩm 750 (T12/2023) SKU gồm nhiều nhóm tiện ích gia dụng và đa dạng chất liệu (nhựa, gốm sứ, thủy tinh, silicon). Song song với việc phát triển sản phẩm, thị trường gia dụng đòi hỏi các doanh nghiệp tham gia sâu rộng vào các kênh phân phối để đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng.

## Định hướng chiến lược

**Phát triển INOCHI thành thương hiệu gia dụng cao cấp, thương hiệu Quốc gia, vươn tầm Quốc tế**

- Phát triển INOCHI thành thương hiệu gia dụng cao cấp, thương hiệu Quốc gia vươn tầm Quốc Tế, top 2 thương hiệu gia dụng được yêu thích ở Việt Nam, với đa dạng các loại vật liệu như nhựa, gốm sứ, thủy tinh, kim loại, đồ điện tử nhỏ. Hướng đến quy mô ~ 2.500 tỷ doanh số vào năm 2028, tốc độ tăng trưởng bình quân 30%/năm. Trong vòng 05 năm tới tập trung phát triển các thị trường xuất khẩu để gia tăng về quy mô doanh thu và hiệu quả.
- Thương hiệu Mẹ và bé ra "AOI" ra mắt năm 2023 được Phát triển thương hiệu thông qua chiến lược phủ mạnh các điểm phân phối Mẹ và Bé trong nước, tạo tiền đề hướng đến Global trong các năm tiếp theo. Với đặc thù ngành nghề, kỳ vọng với biên lãi nhuận cao, Aoi sẽ góp phần mở rộng phân khúc và gia tăng hiệu quả kinh doanh cho Tân Phú Việt Nam.



# Chiến lược ngành bao bì

## Triển vọng ngành bao bì

Tăng trưởng bình quân của ngành bao bì được dự báo trên 13%/năm trong giai đoạn 2021-2027 (theo Vietnam Report), với các động lực: (1) Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do; (2) Sự phát triển của thương mại điện tử. Tính bền vững và chuyển đổi số (đặc biệt là thương mại điện tử) là 2 xu hướng được kỳ vọng sẽ tạo ra cơ hội đáng kể bên cạnh những thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành, từ đó định hình thị trường ngành bao bì trong thời gian tiếp theo.

## Định hướng chiến lược

**Duy trì Mảng bao bì cứng và bao bì mềm phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả, tăng trưởng cơ hữu 5-10%/năm.**

### Bao bì mềm

- Duy trì sản lượng cao mảng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống trên 1.800 tấn/tháng.
- Nâng cấp và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm lên chuỗi giá trị gia tăng cao hơn thông qua đầu tư mở rộng nhà máy túi thực phẩm zipper, slider và màng bọc thực phẩm.
- Chiếm lĩnh số 1 thị trường bao bì mềm tại các kênh siêu thị.

### Bao bì cứng

- Công ty định hướng khai thác tối ưu công suất sản xuất hiện hữu, tận dụng được tăng trưởng cơ học của ngành, chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, tập trung vào các tệp khách hàng lớn và các ngành hàng có hiệu quả cao như thực phẩm đồ uống, nông dược và hóa chất ...

# Chiến lược ngành vật liệu xây dựng

## Triển vọng ngành Vật liệu Xây dựng

DNP tập trung phát triển vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện. Đây là mảng kinh doanh có nhu cầu lớn vì tốc độ đô thị hoá và thị trường xây dựng Việt Nam được đánh giá có dư địa tăng trưởng cao, trên 10%/năm, trong 10 - 20 năm tới. Công ty thực hiện chiến lược tái cơ cấu nền tảng sản xuất kinh doanh và chuyển đổi mô hình sang giai đoạn tăng trưởng nhanh, đồng thời củng cố nền tảng phát triển dài hạn một cách bền vững.

## Định hướng chiến lược

### Gạch ốp lát và ngói tráng men

**Trở thành thương hiệu gạch, ngói được ưa chuộng nhất tại Việt Nam. Tiên phong giải pháp sản phẩm đa dạng, sáng tạo, chất lượng phù hợp với nhu cầu khách hàng.**

Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2023 với nhiều khó khăn và thách thức. Xu hướng đó vẫn còn tiếp tục trong năm 2024 và ảnh hưởng đến ngành vật liệu xây dựng. Trước bối cảnh đó, CMC đặt kế hoạch thận trọng và đưa ra các giải pháp linh hoạt, nhận diện và xác định tập trung chiến lược vào 3 mũi nhọn cụ thể như sau:

- **Nâng cao năng lực sản xuất, đưa CMC trở thành đơn vị có hiệu quả sản xuất hàng đầu trong ngành:** Thông qua hợp tác với các chuyên gia nước ngoài, thực hiện các chương trình cải tiến công nghệ và thiết bị, quản trị sản xuất tinh gọn hiện đại, đầu tư cho R&D, nhằm giảm giá thành sản phẩm và tối ưu lợi nhuận gộp.
- **Cải thiện hiệu quả kinh doanh, đưa CMC trở lại quỹ đạo tăng trưởng với lợi nhuận tốt:** Cơ cấu lại danh mục sản phẩm và chính sách bán hàng để tối ưu hóa lợi nhuận sản phẩm; Thúc đẩy tăng trưởng ở các kênh bán hàng Dự án thông qua đầu tư nguồn lực khai thác các dự án công và mở rộng hoạt động xuất khẩu đi các thị trường tiềm năng như Lào, Campuchia, Philippines, Hàn Quốc, Đài Loan.
- **Tối ưu hóa sức mạnh nội lực của CMC:** Thông qua xây dựng văn hóa thực thi tốc độ, đẩy mạnh chia sẻ thông tin và hợp tác xuyên phòng ban, tập trung vào hiệu quả công việc. Bộ máy nhân sự được tổ chức tinh gọn, có sự phân quyền và chịu trách nhiệm cao

# Các yếu tố rủi ro

## Rủi ro chính sách

Hoạt động của công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đầu tư... và các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật liên quan đến ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước, tiêu biểu như:

- Vấn đề khai thác nguồn nước, xả thải nước vào các nguồn nước đều được điều tiết chung bởi Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ Môi trường...
- Công tác đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát, chất lượng nước được điều tiết bởi Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước...
- Công tác sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được điều tiết bởi Nghị định 124/2011/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP)

Hướng tới phát triển bền vững ngành Nước, thời gian tới, các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp, thoát nước; ban hành cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cấp thoát nước, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, cơ quan, hội nghề nghiệp liên quan nghiên cứu xây dựng Luật Cấp thoát nước, trình Quốc hội thông qua trước năm 2025.

Vì vậy, Công ty cần liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp, cũng như cải thiện môi trường pháp lý cho các hoạt động của doanh nghiệp.

## Rủi ro Pháp lý

Với hoạt động ở nhiều mảng kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, ngoài hệ thống Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định liên quan, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật, quy định và chính sách về xây dựng, bất động sản, quản lý ngành nước sạch... Một số văn bản pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty có thể kể đến Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục...

Để quản lý rủi ro về mặt pháp lý, bộ phận Pháp chế và các đơn vị chuyên môn tham mưu, tư vấn cho HĐQT và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến luật pháp, thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong các văn bản pháp luật và các ảnh hưởng nếu có đến hoạt động kinh doanh của công ty, rà soát các văn bản liên quan đến chính sách, định hướng phát triển của công ty để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ quy định pháp luật.

# Các yếu tố rủi ro (tiếp theo)

## Rủi ro về môi trường

Cùng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội thì tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tài nguyên môi trường cũng diễn ra phức tạp, có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững của ngành nước. Hiện nay, nguồn nước sạch đã bị ô nhiễm, chủ yếu là ô nhiễm nước thải sinh hoạt.

Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình còn hạn chế. Theo Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ xây dựng), năm 2022, cả nước mới có khoảng 71 nhà máy xử lý nước thải tập trung đi vào vận hành. Và hiện nay, tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt đô thị vẫn còn ở mức thấp, mới chỉ đạt khoảng 15%, còn lại hầu hết nước thải từ các hộ dân đều xả trực tiếp vào hệ thống cống, rãnh, sông ngòi.

Tại các KCN, cụm KCN việc đầu tư và áp dụng công nghệ xử lý nước thải chưa đáp ứng yêu cầu, Nhiều KCN, cụm KCN không có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hoặc một số cơ sở sản xuất có xử lý nước thải nhưng không đạt quy chuẩn cho phép. Ngoài ra, còn một lượng lớn nước thải công nghiệp từ các làng nghề tiểu thủ công nghiệp, từ các hộ sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ gần như không được xử lý trước khi xả vào các nguồn nước tiếp nhận.

Để giải quyết tình trạng này cần có giải pháp tổng thể cấp bách và lâu dài. Trước tiên phải thực hiện giải pháp song song là cải thiện chất lượng các nguồn nước cấp qua việc đầu tư các công trình thu gom, xử lý nước thải, rác thải và cơ chế đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hiệu quả các công trình cấp nước tập trung.

Để bảo đảm cho người dân được sử dụng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế thì việc bảo vệ các nguồn cấp nước, bao gồm cả nước mặt và nước dưới đất, cũng vô cùng cần thiết. Công ty và các đơn vị thành viên trong mảng cấp thoát nước thường xuyên phối hợp với các cơ quan ban ngành phụ trách kiểm tra nguồn nước đầu vào, báo cáo nếu có hiện tượng bất thường và đưa ra biện pháp giải quyết khẩn cấp, tránh để xảy ra các rủi ro, cũng như thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, tránh xả rác thải xuống nguồn nước cấp. Bên cạnh đó, công ty cũng kiểm tra chất lượng nước đầu vào thường xuyên để đánh giá chất lượng nguồn nước đầu vào một cách toàn diện và đưa ra giải pháp xử lý nước phù hợp. Tất cả những biện pháp trên nhằm đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước, và cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn đến người tiêu dùng cuối cùng.

## Rủi ro về giá nước

Hiện nay, giá nước sạch được điều tiết bởi Nhà nước. Cụ thể, Bộ Tài chính quy định khung giá, phương thức tính giá, lợi nhuận định mức trên cả nước, UBND cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá nước sạch tại địa phương mình nhưng không vượt quá khung giá do Bộ Tài chính quy định, với sự tham mưu của các cơ quan ban ngành. Do đó, giá nước ở các địa phương là khác nhau.

Ngoài ra, theo Điều 4 của Thông tư 44/2021/TT-BTC quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt ("Thông tư 44") cũng quy định: "Hàng năm, đơn vị cấp nước chủ động rà soát việc thực hiện phương án giá nước sạch và giá nước sạch dự kiến cho năm tiếp theo. Trường hợp các yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch biến động làm giá nước sạch năm tiếp theo tăng hoặc giảm, đơn vị cấp nước lập hồ sơ phương án giá nước sạch gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh".

Trong những năm qua, sự biến động về giá cả thị trường đã làm nhiều yếu tố chi phí đầu vào cho quá trình sản xuất nước sạch của các doanh nghiệp nước sạch gia tăng như điện, mức lương tối thiểu, nguyên vật liệu, hóa chất... Mặt khác, nhu cầu người dân dùng nước tăng cao, trong khi công suất và năng lực phục vụ của một số hệ thống cấp nước lâu đời đang bị hạn chế. Nhu cầu vốn dùng cho việc sửa chữa và cải tạo nâng cấp, đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước là rất lớn.

Tuy nhiên, nhiều lúc đơn giá nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời, do đó, để vượt qua những khó khăn nhất định về mặt tài chính.

**Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn chủ động công tác dự báo để có chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu chi phí, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.**

CHƯƠNG

# 03

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc


46 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2023 và dự báo 2024

48 Kết quả hoạt động kinh doanh 2023

52 Kết quả hoạt động từng mảng sản xuất kinh doanh

54 Tình hình tài chính

58 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024

60 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

# Tổng quan kinh tế vĩ mô 2023 và dự báo 2024

## Thế giới

Năm 2023, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, lạm phát vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới tăng lên mức kỷ lục. Trong khi đó, bất ổn chính trị liên tục xảy ra ở nhiều điểm nóng trên thế giới gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng. Các vấn đề an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

## Việt Nam

**GDP Việt Nam năm 2023 đạt khoảng**

**430 tỷ USD**

**CPI bình quân năm 2023 tăng**

**3,25 %**

**GDP bình quân đầu người năm 2023 đạt**

**4.280 USD**

Bên cạnh việc xử lý các tác động, thách thức từ bối cảnh quốc tế, Việt Nam cũng phải giải quyết các vấn đề nội tại của nền kinh tế, đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Năm 2023, GDP của Việt Nam đạt khoảng 430 tỷ USD, tương đương với mức tăng 5,05% so với năm 2022. Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.280 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra và thuộc nhóm các nước có mức lạm phát thấp trong khu vực. Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá đạt mức xuất siêu 28 tỷ USD. Thu hút FDI tiếp tục có những tín hiệu tích cực, vốn FDI đăng ký đạt 36,6 tỷ USD, tăng 32,1%, vốn FDI giải ngân đạt 23,2 tỷ USD tăng 3,5%.

### Tăng trưởng GDP và CPI

Nguồn: GSO

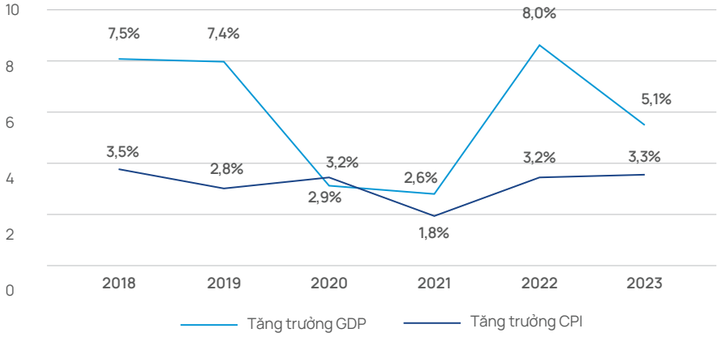


**Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt**

**732,5 tỷ USD**

### Quy mô xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2018-2023

Đơn vị: Tỷ USD

Nguồn: GSO

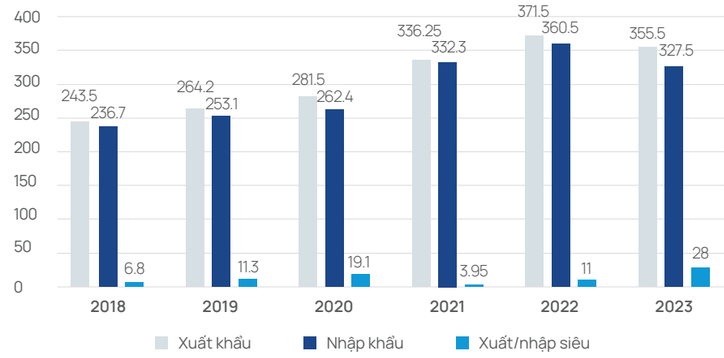


**FDI đã giải ngân**

**23,2 tỷ USD**

**GDP của Việt Nam năm 2024 dự kiến**

**6,5 %**

**Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024**

**4 - 4,5 %**

### Giải ngân FDI giai đoạn 2018-2023

Đơn vị: Tỷ USD

Nguồn: GSO

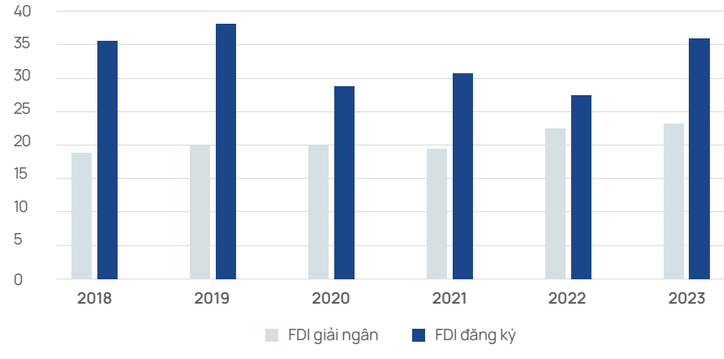


Năm 2024, theo mục tiêu của Quốc hội đề ra, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 khoảng 6,5%; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4% - 4,5%. Tuy nhiên, rủi ro lạm phát trong ngắn hạn và thương mại toàn cầu phục hồi chậm sẽ là những nhân tố tiếp tục ảnh hưởng tới nền kinh tế năm 2024.

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023

**Năm 2023, mặc dù không thể tránh khỏi xu hướng suy thoái chung của kinh tế thế giới, song nền kinh tế Việt Nam vẫn có những dấu hiệu phục hồi nhờ các nỗ lực của Chính phủ trong việc ban hành các chính sách kích cầu, điều tiết nền kinh tế vĩ mô, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo.**

Trong bối cảnh thách thức, tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên DNP Holding và các đơn vị trong hệ thống đã nỗ lực không ngừng, linh hoạt thích ứng với bối cảnh biến động bằng việc đẩy mạnh quá trình tinh gọn, tối ưu các nguồn lực hiện hữu trong hệ thống, nắm bắt cơ hội để tạo đà vững chắc cho DNP tiếp tục phát triển về quy mô và cải thiện chất lượng hoạt động, cụ thể:

Dựa trên các hoạt động đã triển khai từ năm 2022, 2023 tiếp tục là năm các công ty thành viên trong lĩnh vực nước sạch và hệ sinh thái ngành nước của DNP đẩy mạnh việc triển khai, chuyển đổi số và đạt được những kết quả tích cực. Cụ thể: 100% các công ty ngành nước đều áp dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, với tỷ lệ ứng dụng trung bình trên 80%; một số đơn vị đã áp dụng thanh toán điện tử hoàn toàn như CTCP Sản xuất kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội, CTCP Cấp thoát nước Bình Phước. Trong năm 2023, DNP Water cũng bắt tay vào xây dựng WOP (Water Operation Platform) - nền tảng vận hành đa chức năng, mang tính hệ thống, tổng thể nhất từ trước đến nay trong ngành nước, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và công tác vận hành. Hiện phần mềm đã đi vào ứng dụng ở các lĩnh vực quản lý tài sản, quản lý mạng lưới, tích hợp Scada... và tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện trong thời gian tới. Ngoài ra, các chương chương trình nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty thành viên cũng liên tục được thực hiện thông qua các dự án cải tạo, nâng công suất, tự động hóa các khâu vận hành, đầu tư trang thiết bị hiện đại để quản lý mạng mưới, giảm thất thoát, đưa tỷ lệ thất thoát của cả hệ thống về mức trung bình là 9,05%, tốt hơn mức trung bình ngành (17,5%). Tổng thể các công ty ngành nước đều tăng cả về năng suất và sản lượng, tiêu biểu nhất là CTCP đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang với tỷ lệ tăng trưởng khách hàng mới là 24,2%; sản lượng tiêu thụ tăng trưởng 9,1%.

Công ty cũng triển khai hàng loạt các dự án mới, trong đó điểm nhấn là:

- Khởi công dự án nhà máy nước sạch Sơn Thạnh (Khánh Hòa) - giai đoạn 1 với công suất 25.000 ngày/đêm với tổng mức đầu tư 400 tỷ đồng;
- Triển khai xây nhà máy nước sạch DNP - Bắc Giang giai đoạn 2, nâng tổng công suất lên 60.000m³/ ngày đêm với tổng vốn đầu tư 1.302 tỷ đồng và tiếp tục mở rộng mạng cấp nước thị trấn Vôi, thị trấn Kép, xã Tân Dĩnh... huyện Lạng Giang;
- Được cấp giấy phép cho dự án cấp nước thô Vùng 1, giải quyết bài toán căn cơ về nước sạch cho các tỉnh Tiền Giang - Long An - Bến Tre. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực triển khai công tác chuẩn bị cho các dự án xây dựng nhà máy nước Tràng Bàng - Tây Ninh, nhà máy nước Nha Bích - Bình Phước.. và kết hợp cùng Samsung Engineering nghiên cứu về thị trường nước thải tại một số khu vực tiềm năng của Việt Nam.

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023 (tiếp theo)

DONGNAI Water Pipes

Nhựa Đồng Nai tiếp tục khẳng định vị thế nhà cung cấp dẫn đầu các giải pháp tuyến ống cấp thoát nước tại các công trình hạ tầng cấp thoát nước trọng điểm quốc gia và hệ thống cơ điện MEP toà nhà cao tầng. Năm 2023, Nhựa Đồng Nai được lựa chọn là nhà cung cấp giải pháp ống và phụ kiện cho các dự án của các chủ đầu tư lớn, điển hình như Masterise, Nam Long, Keppel, Đất Xanh group, Khang Điền... Bên cạnh đó, Nhựa Đồng Nai cũng định vị là nhà cung cấp giải pháp, vật tư số 1 cho ngành cấp thoát nước với dãy sản phẩm hoàn thiện gồm ống, vật tư, thiết bị bơm, van và cả giải pháp phần mềm chất lượng cao, góp phần giải quyết các thách thức ngày càng gia tăng về nguồn nước.

TANPHU

Tân Phú Việt Nam duy trì hiệu quả hoạt động mảng bao bì cứng cho khách hàng công nghiệp và phát triển kinh doanh mạnh mẽ với thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI, thâm nhập sâu vào các kênh phân phối với dãy sản phẩm đa dạng, hiện đã có mặt tại các hệ thống siêu thị, được người tiêu dùng yêu thích vì thiết kế và chất lượng. Đối với mảng bao bì mềm đã gặp nhiều thách thức trong năm 2023 khi mảng xuất khẩu bao bì mềm bị ảnh hưởng từ nhu cầu thị trường tiêu dùng trên thế giới bị suy giảm do các yếu tố khách quan về vĩ mô.

CMC

Năm 2023 mặc dù đối mặt với những ảnh hưởng khó khăn và thách thức của nền kinh tế vĩ mô và ngành bất động sản: Tổng doanh thu thuần mảng gạch ốp lát và ngói tráng men đạt 1.832 tỷ đồng, bằng 91% doanh thu của năm 2022. Trong đó, các mảng kinh doanh mới của CMC như kênh bán hàng dự án và xuất khẩu vẫn đạt được sự tăng trưởng ấn tượng: Doanh thu đạt gần 100 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần so với cùng kỳ.

CMC đã hoàn thiện tái cấu trúc bộ máy với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả và hướng tới khách hàng và nâng cao năng suất. Đồng thời CMC cũng triển khai mạnh mẽ các dự án cải tiến, tiết kiệm chi phí đảm bảo tối ưu sản xuất và vận hành trước tình hình mới. Lũy kế cả năm 2023 các chương trình và hoạt động Kaizen của Nhà máy giúp tiết kiệm gần 30 tỷ chi phí giá thành sản xuất mà không làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm. Các dự án tinh gọn tiết kiệm được đẩy mạnh giúp giảm ngân sách vận hành khoảng 20 tỷ đồng. Các hoạt động marketing gắn kết khách hàng được triển khai theo hướng hiệu quả cao về mặt hình ảnh nhưng tối ưu về mặt chi phí, với các dự án commando phủ xanh thương hiệu CMC tiếp cận gần 2.000 đại lý cấp 2 với chỉ trung bình 1 triệu đồng/ đại lý.



**Doanh thu hợp nhất đạt**

**7.579 tỷ đồng**

**-1,5%** so với 2022

**Về kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023**, DNP Holding vẫn duy trì ổn định với Doanh thu hợp nhất đạt 7.579 tỷ đồng, giảm 1,5% so với năm 2022 và đạt 89,9% kế hoạch năm 2023. Tiêu biểu có nhóm ngành nước sạch và hệ sinh thái nước sạch đạt tổng doanh thu 3.783 tỷ đồng vượt 14,2% kế hoạch.

**Về chỉ tiêu lợi nhuận:** Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 189 tỷ đồng, tăng 10,5% so với năm 2022 và cao hơn so với mức kế hoạch đặt ra cho năm 2023 là 52,4%. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế ở mức 128 tỷ đồng, tăng trưởng 34,7% so với năm 2022.

**Nhóm ngành nước sạch và hệ sinh thái nước sạch đạt tổng doanh thu**

**3.783 tỷ đồng**

**Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt**

**189 tỷ đồng**

**+10,5%** so với 2022

**Lợi nhuận hợp nhất sau thuế ở mức**

**128 tỷ đồng**

**+34,7%** so với năm 2022

(*) Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ Lợi thế thương mại các giá trị tài sản tăng thêm) đạt 400 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2022

## Kết quả hoạt động kinh doanh 2023

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2023 | Kế hoạch năm 2023 | % hoàn thành kế hoạch năm | Thực hiện năm 2022 | % thực hiện 2023 so với 2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 7.579 | 8.432 | 89,9% | 7.693 | 98,5% |
| 2 | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế | 189 | 124 | 152,4% | 171 | 110,5% |

# Kết quả hoạt động kinh doanh theo từng mảng

## Nước sạch và môi trường

**Doanh thu nước sạch của công ty năm 2023**

**1.068** tỷ đồng

Đạt **105,6%** kế hoạch năm

Doanh thu nước sạch của công ty năm 2023 là 1.068 tỷ đồng, đạt 105,6% kế hoạch năm, tương đương năm 2022. Công ty tiếp tục tăng quy mô thông qua việc đầu tư vào các công ty nước mới, sắp xếp lại các khoản đầu tư tại các công ty con hiện hữu/liên kết và phát triển dự án tại các khu vực tiềm năng trong đó tập trung các dự án liên vùng góp phần giải quyết vấn đề khan hiếm nước sạch, ô nhiễm, biến đổi khí hậu và hậu quả khai thác nước ngầm quá mức.

## Hệ sinh thái ngành nước

**Doanh thu hệ sinh thái ngành nước đạt**

**2.715** tỷ đồng

**+4,9%** so với 2022

**Mảng ống và phụ kiện:** Đạt doanh số 1.178 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định thị phần số 1 mảng ống nhựa hạ tầng. Gia tăng nhanh chóng thị phần mảng toà nhà, xây dựng dân dụng.

**Mảng nguyên vật liệu:** Doanh thu 2023 đạt 837 tỷ đồng, tăng 4,5% so với 2022.

**Mảng vật tư thiết bị ngành nước:** Doanh thu 2023 đạt 700 tỷ đồng, tăng 5,4% so với 2022. Đặt nền tảng vững chắc cho kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước năm 2023 trong việc mở rộng địa bàn toàn quốc, bổ sung chuỗi sản phẩm, mở rộng ngành thoát nước, thuỷ lợi.

## Vật liệu xây dựng

**Doanh thu ngành vật liệu xây dựng đạt**

**1.832** tỷ đồng

**-9,4%** so với 2022

Mảng vật liệu xây dựng gạch ốp lát và ngói tráng men: Doanh thu mảng gạch ốp lát và ngói tráng men đạt 1.832 tỷ đồng, giảm 9,4% so với năm 2022.

## Sản phẩm gia dụng cao cấp

**Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng đạt**

**590** tỷ đồng

**+24,5%** so với 2022

Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng năm 2023 tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt 590 tỷ đồng, tăng 24,5% so với 2022. Tỷ trọng doanh thu INOCHI trên tổng doanh thu TPP đạt 23,5%.

Doanh thu đạt được tăng trưởng vượt bậc nhờ dãy sản phẩm đạt đủ độ lớn và sự đa dạng sau ba năm tập trung đầu tư phát triển và việc thâm nhập sâu rộng vào hệ thống phân phối đa kênh gồm các siêu thị hiện đại, nhà phân phối truyền thống, các kênh phân phối mới như siêu thị mẹ và bé, thương mại điện tử, shop thương hiệu INOCHI, kênh doanh nghiệp với nhóm sản phẩm quà tặng.

Đến cuối năm 2023, với tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng với hơn 140 sản phẩm mới/năm, thương hiệu gia dụng INOCHI đã có 750 SKU với đủ các nhóm sản phẩm gia dụng gồm các bộ thau rổ, hộp thực phẩm, sản phẩm mẹ và bé, đồ dùng vệ sinh, các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh, nhóm giữ nhiệt, độ điện tử..., có mặt tại tất cả hệ thống siêu thị lớn và các tỉnh thành trên cả nước. Năm 2023, thương hiệu Inochi tự hào có mặt ở gần 20 nước trên thế giới như: Malaysia, Philippines, Indonesia, Myanmar, Hong Kong, Qatar, Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sỹ, Australia,...

## Bao bì

**Ngành bao bì đạt doanh số**

**1.374** tỷ đồng

**Bao bì mềm:** Năm 2023, doanh thu đạt 704 tỷ đồng, giảm 15,6% so với 2022. Bao bì mềm đã gặp nhiều thách thức trong năm khi mà tình hình vĩ mô, địa chính trị của thế giới gặp nhiều bất lợi, lãi suất tăng cao dẫn đến nhu cầu tiêu dùng của các thị trường trên thế giới bị ảnh hưởng nặng nề đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của mảng kinh doanh bao bì mềm. Điểm sáng trong năm với bao bì mềm là đã từng bước thay đổi mô hình kinh doanh khi dần mở rộng các đối tượng khách hàng là nhà bán lẻ ở các nước thay vì các đối tác thương mại trước đây, góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động và hướng đến năm 2024 nhiều kỳ vọng đột phá.

**Bao bì cứng:** Đạt doanh thu 670 tỷ đồng năm 2023, duy trì hoạt động ổn định so với năm 2022. trong bối cảnh thị trường tiêu dùng ở Việt Nam phần nào bị sụt giảm do bối cảnh chung của nền kinh tế.

**Bao bì mềm**

**704** tỷ đồng

**-15,6%** so với 2022

**Bao bì cứng**

**670** tỷ đồng

**-5,1%** so với 2022

# Tổng quan tình hình tài chính công ty

## Tình hình tài chính năm 2023 so với cùng kỳ năm trước

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Hợp nhất | | Thay đổi |
|---|---|---|---|---|
| | | 31/12/2023 | 31/12/2022 | |
| 1 | Tổng tài sản | 16.077 | 16.529 | -2,7% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 4.659 | 4.561 | 2,1% |
| 3 | Doanh thu thuần | 7.579 | 7.693 | -1,5% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 189 | 171 | 10,5% |
| 5 | EBITDA | 1.520 | 1.458 | 4,3% |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM giá trị tài sản tăng thêm) | 400 | 357 | 12,0% |

**Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là**

**189 tỷ đồng**

**+10,5%** so với năm 2022

Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 189 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty đạt 16.077 tỷ, vốn chủ sở hữu đạt 4.659 tỷ đồng, tăng 2,1% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần đạt 7.579 tỷ- tương đương 99% so với số liệu năm 2022. Nếu không loại trừ ảnh hưởng của bút toán phân bổ lợi thế thương mại và và giá trị tài sản tăng lên sau M&A trên báo cáo hợp nhất thì Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 400 tỷ đồng, tăng trưởng 12%.

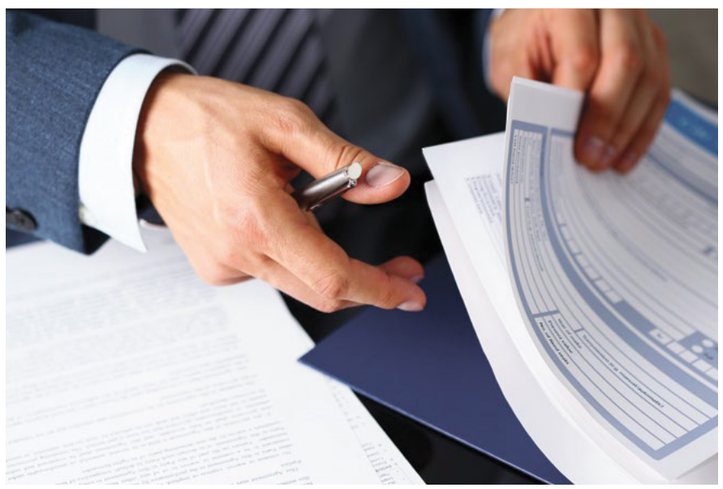



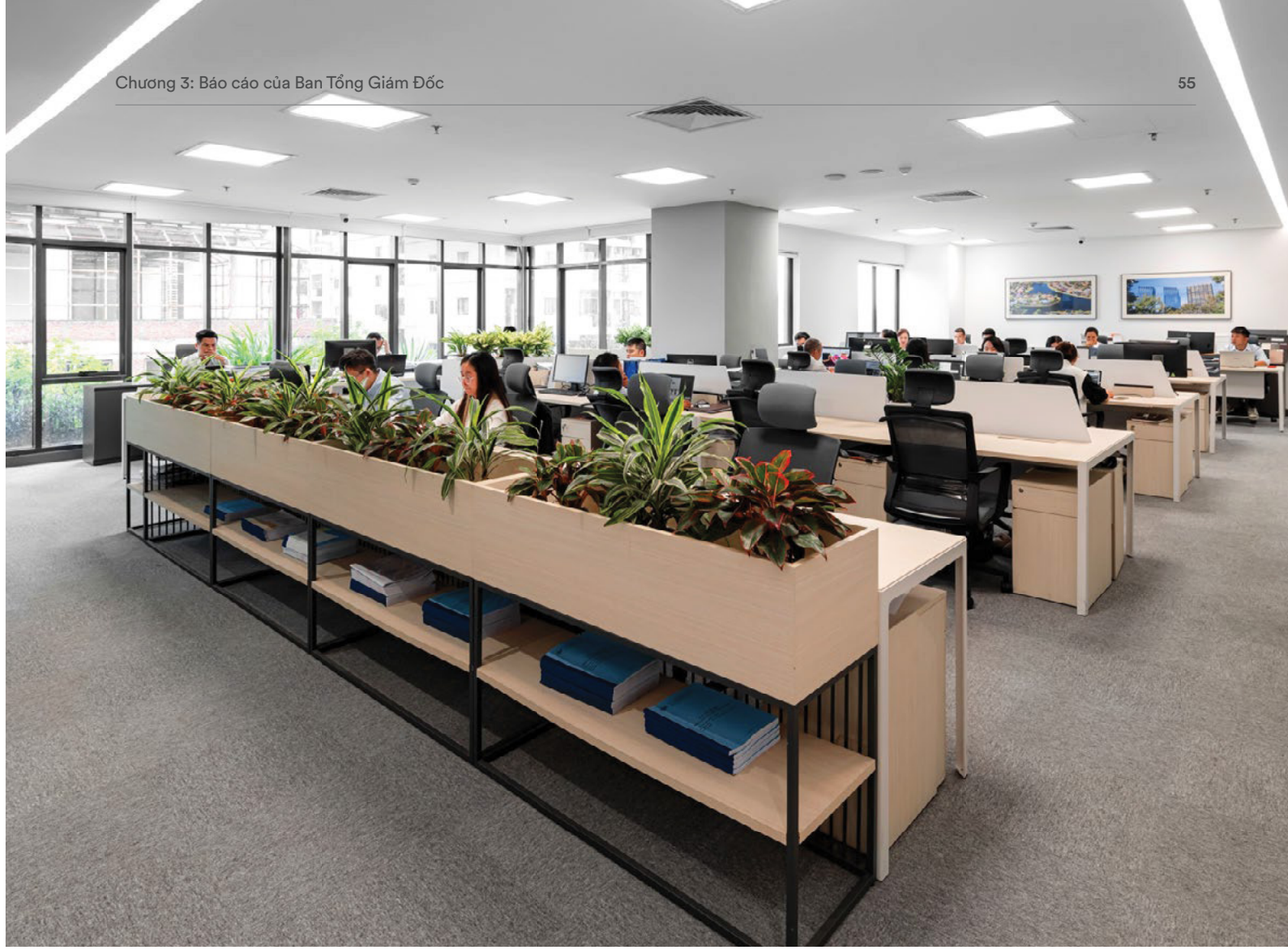

## Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Hợp nhất | | Thay đổi |
|---|---|---|---|---|
| | | 31/12/2023 | 31/12/2022 | |
| **1** | **NỢ PHẢI TRẢ** | **11.418** | **11.968** | **-4,6%** |
| **2** | **Nợ ngắn hạn** | **6.099** | **6.178** | **-1,3%** |
| 3 | Phải trả người bán ngắn hạn | 969 | 1.303 | -25,6% |
| 4 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 24 | 68 | -64,7% |
| 5 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 119 | 96 | 24,0% |
| 6 | Phải trả người lao động | 86 | 97 | -11,3% |
| 7 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 152 | 180 | -15,6% |
| 8 | Phải trả ngắn hạn khác | 602 | 438 | 37,4% |
| 9 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 4.138 | 3.983 | 3,9% |
| 10 | Nợ dài hạn | 5.319 | 5.790 | -8,1% |
| **11** | **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **4.659** | **4.561** | **2,1%** |
| 12 | Lợi ích của cổ đông thiểu số | 3.089 | 3.034 | 1,8% |
| | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **16.077** | **16.529** | **-2,7%** |

# Tổng quan tình hình tài chính công ty (tiếp theo)

## Cơ cấu tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Hợp nhất | | Thay đổi |
|---|---|---|---|---|
| | | 31/12/2023 | 31/12/2022 | |
| **Tài sản ngắn hạn** | | 8.307 | 7.604 | 9,2% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 980 | 921 | 6,4% |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 326 | 880 | -63,0% |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 5.415 | 4.157 | 30,3% |
| 4 | Hàng tồn kho | 1.503 | 1.488 | 1,0% |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 83 | 158 | -47,5% |
| **Tài sản dài hạn** | | 7.770 | 8.925 | -12,9% |
| 6 | Các khoản phải thu dài hạn | 192 | 343 | -44,0% |
| 7 | Tài sản cố định | 5.858 | 6.974 | -16,0% |
| 8 | Bất động sản đầu tư | 31 | 31 | 0,0% |
| 9 | Tài sản dở dang dài hạn | 469 | 758 | -38,1% |
| 10 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 864 | 410 | 110,7% |
| 11 | Lợi thế thương mại | 211 | 263 | -19,8% |
| 12 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 16 | 5 | 220,0% |
| 13 | Chi phí trả trước dài hạn | 129 | 141 | -8,5% |
| **Tổng cộng tài sản** | | 16.077 | 16.529 | -2,7% |



Kết thúc năm 2023, cơ cấu nguồn vốn của DNP Holding vẫn ở mức an toàn khi hệ số nợ/tổng tài sản duy trì ở mức 0,71 ngang bằng so với các năm trước. Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ vẫn ở mức tốt khi hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh vẫn giữ mức an toàn và có xu hướng cải thiện, lần lượt đạt 1,36 và 0,21. Năng lực hoạt động của Tập đoàn cũng tiếp tục được cải thiện.

## Các chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Hợp nhất | |
|---|---|---|---|
| | | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
| **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| 1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,36 | 1,23 |
| 2 | Hệ số thanh toán nhanh | 0,21 | 0,29 |
| **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| 3 | Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,71 | 0,72 |
| 4 | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 2,45 | 2,62 |
| **Chỉ tiêu năng lực hoạt động** | | | |
| 5 | Vòng quay hàng tồn kho | 4,18 | 4,68 |
| 6 | Vòng quay các khoản phải thu | 1,58 | 2,25 |
| 7 | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,47 | 0,47 |
| **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| 8 | Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần | 1,7% | 1,2% |
| 9 | Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu | 0,9% | 0,1% |
| 10 | Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản | 0,8% | 0,6% |
| 11 | Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 2,5% | 2,0% |
| 12 | Thu nhập trên cổ phần (EPS) | 340 | 37 |

# Kế hoạch kinh doanh 2024

Trên cơ sở phân tích các yếu tố thách thức và thuận lợi của thị trường vĩ mô và ngành trong năm 2024, cũng như năng lực cạnh tranh của Tập đoàn, DNP Holding đặt mục tiêu kinh doanh theo hướng thận trọng, cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2023 | % so với thực hiện 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Doanh thu hợp nhất** | Tỷ đồng | 7.986 | 7,579 | 105.2% |
| i | Nước sạch và môi trường | Tỷ đồng | 1.381 | 1,068 | 129.3% |
| ii | Hệ sinh thái ngành nước | Tỷ đồng | 2.630 | 2,715 | 96.9% |
| iii | Vật liệu xây dựng | Tỷ đồng | 1.917 | 1,832 | 104.6% |
| iv | Gia dụng | Tỷ đồng | 754 | 590 | 127.8% |
| v | Bao bì | Tỷ đồng | 1.304 | 1,374 | 94.9% |
| 2 | **Lợi nhuận trước thuế** | Tỷ đồng | 73 | 189 | 38,6% |
| | Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM và khấu hao sau M&A) | Tỷ đồng | 294 | 400 | 73,5% |

**Mục tiêu doanh thu nước sạch năm 2024**

**1.381 tỷ đồng**

**Nước sạch và môi trường:** DNP đặt mục tiêu đạt 1.381 tỷ doanh thu nước sạch năm 2024, tăng 29,3% so với năm 2023. Tăng trưởng đến từ các yếu tố (i) hợp nhất CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn vào hệ thống của DNP Water, (ii) tăng trưởng tự nhiên của thị trường hiện hữu, (ii) nâng công suất và mở rộng địa bàn cấp nước tại một số khu vực như Bắc Giang, Củ Chi – TP.Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Bình Phước, (iii) điều chỉnh tăng giá nước, góp phần tăng doanh thu tại một số công ty con.

Năm 2024, Tập đoàn sẽ tiếp tục tập trung công tác chuyển đổi số và tự động hóa vận hành sản xuất, nhằm cải thiện năng suất, đem lại hiệu quả cao trong hoạt động cũng như tạo ra những tiện ích, sự hài lòng cho người dân, khách hàng, cụ thể: (i) **Dịch vụ khách hàng:** đồng bộ quy trình, tập trung dữ liệu, điều hành hoạt động dựa trên dữ liệu, 100% tương tác khách hàng được xác nhận/phản hồi, (ii) **Quản lý vận hành nhà máy:** bao gồm quản lý tài sản nhà máy nước trên phần mềm; giám sát và xử lý bất thường, tích hợp lưu dữ liệu lịch sử vận hành, công việc hiện trường, hỗ trợ lập kế hoạch và nhắc lịch bảo trì bảo dưỡng thiết bị định kỳ, (iii) **Quản lý vận hành mạng lưới phần CDS và phần nghiệp vụ đơn vị bán lẻ** như tạo bản đồ mạng lưới cấp nước, tích hợp đồng hồ tổng, CRM, tính toán tỷ lệ thất thoát toàn mạng lưới, cảnh báo được bất thường, tích hợp xử lý hiện trường và cập nhật chuỗi dữ liệu, (iv) **Tự động hóa hạ tầng mạng lưới** thông qua việc thúc đẩy các đơn vị phân vùng tách mạng triệt để, áp dụng thiết bị công nghệ (van điện, cảm biến áp lực, cảm biến nghe rò, đồng hồ đo xa).



**Mục tiêu doanh thu hệ sinh thái ngành nước năm 2024**

**2.630 tỷ đồng**

**Hệ sinh thái ngành nước:** Tổng doanh thu đạt 2.630 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,6% so với năm 2023, do những lo ngại về thị trường vĩ mô vẫn đang trong đà suy thoái và thị trường bất động sản có sự trầm lắng nhẹ. Trong đó, 1.223 tỷ đến từ mảng ống và phụ kiện, 681 tỷ đến từ mảng vật tư thiết bị ngành nước và 726 tỷ đến từ mảng nguyên vật liệu. Trong năm 2024, Công ty dự kiến sẽ thúc đẩy doanh thu tại thị trường miền Bắc, bao gồm cả ống hạ tầng và ống dân dụng. Về sản phẩm, tập đoàn tập trung đa dạng các sản phẩm tấm lắng, đan lọc, keo dán ống Upvc, hóa chất và các sản phẩm khác thông qua thương mại.

**Mục tiêu doanh thu vật liệu xây dựng năm 2024**

**1.917 tỷ đồng**

**Vật liệu xây dựng:** Tổng doanh thu đạt 1.917 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,6 % so với năm 2023. Năm 2024, Công ty dự kiến: (i) Cải thiện hiệu quả sản xuất, giảm giá thành thông qua việc hợp tác với các chuyên gia quốc tế, cải tiến thiết bị công nghệ, tinh chỉnh hệ thống, (ii) Đưa CMC trở lại quỹ đạo tăng trưởng với lợi nhuận tốt thông qua việc mở rộng thị trường: đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác phân khúc dự án công, nhà ở xã hội, quy hoạch kênh phân phối miền Nam/OEM và cải thiện biên lợi nhuận: tập trung khai thác các dòng sản phẩm có biên tốt, ra mắt dòng sản phẩm Granite cao cấp với chất lượng hoàn thiện cao.

**Mục tiêu doanh thu sản phẩm gia dụng năm 2024**

**754 tỷ đồng**

**Sản phẩm gia dụng:** Với thương hiệu đã tạo dựng được chỗ đứng trên thị trường, chuỗi sản phẩm đa dạng, và hệ thống phân phối đa kênh, mục tiêu của INOCHI trong năm 2024 là tăng trưởng đột phá, đạt 754 tỷ doanh thu, tăng 27,8% so với năm trước. Động lực tăng trưởng của Inochi đến từ việc đẩy mạnh kênh xuất khẩu, hiện diện tại 20 quốc gia trên toàn thế giới. Từ thương hiệu quốc gia, INOCHI sẽ vươn tầm trở thành thương hiệu quốc tế. Nhân tố khác thúc đẩy sự tăng trưởng đến từ việc phát triển thương hiệu Mẹ và Bé Aoi, thông qua việc hoàn thiện chuỗi sản phẩm Aoi và phủ sóng tại hơn 3.000 đại lý, cửa hàng mẹ và bé trên toàn quốc. Về Nghiên cứu & Phát triển, Công ty dự kiến tiếp tục phát triển thêm các mẫu SKU mới, tiện ích, mẫu mã đẹp, giá thành hợp lý đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống của khách hàng.

**Mục tiêu doanh thu bao bì năm 2024**

**1.304 tỷ đồng**

**Bao bì:** Năm 2024, bao bì mềm tiếp tục khai thác các khách hàng, sản phẩm mới mang lại hiệu quả cao với mục tiêu doanh thu 650 tỷ, tương đương năm 2023 do những lo ngại về tình trạng suy thoái toàn cầu. Bao bì cứng duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, và chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, tập trung vào các tệp khách hàng lớn thuộc mảng nông dược/hóa chất/thực phẩm đồ uống với chỉ tiêu doanh thu năm 2024 là 654 tỷ đồng.

**Doanh thu hợp nhất dự kiến đạt**

**7.972 tỷ đồng**

**Lợi nhuận toàn Tập đoàn:** Với việc đặt mục tiêu tăng trưởng thận trọng trong bối cảnh vĩ mô có những khó khăn và thuận lợi đan xen, Tập đoàn dự kiến tiếp tục hoạt động ổn định và phát triển mạnh mảng nước sạch và môi trường cũng như đồ gia dụng, doanh thu hợp nhất năm 2024 của DNP dự kiến sẽ tăng 5,1% so với năm 2023, đạt 7.986 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế, nếu không bị ảnh hưởng bởi các bút toán phân bổ lợi thế thương mại và khấu hao sau M&A được đặt mục tiêu là 294 tỷ đồng.

# Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn

Về tình hình thực hiện các dự án lớn: Trong năm 2023, DNP đã triển khai một số dự án trong đó điểm nhấn là dự án Nhà máy nước Sơn Thạnh tại xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Dự án được động thổ vào tháng 8/2023 do Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) liên danh cùng Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh.

Dự án được tiến hành theo 2 giai đoạn: giai đoạn I công suất nhà máy đạt 25.000 $m^3$/ngày đêm, tương đương 9.125.000 $m^3$/năm; giai đoạn II sẽ được đầu tư, xây dựng để nâng công suất lên tới 100.000 $m^3$/ngày đêm và dài hạn có thể đạt tới 200.000 $m^3$/ngày đêm theo lộ trình phù hợp với quy hoạch hệ thống cung cấp nước sinh hoạt của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu sử dụng nước của địa phương trong tương lai. Dự kiến nhà máy nước Sơn Thạnh sẽ chính thức đi vào vận hành từ quý III năm 2024 và đảm bảo nước sạch đầu ra đạt tiêu chuẩn cao nhất của Bộ y tế về tiêu chuẩn nước ăn uống, sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

## Đầu tư phát triển thương hiệu gia dụng AOI

Aoi là thương hiệu thuộc Inochi, ra mắt vào giữa năm 2023 với mục tiêu trở thành người bạn đồng hành cùng mẹ và bé trong hành trình nuôi dưỡng và chăm sóc con từ khi chào đời đến khi trưởng thành.

### Sứ mệnh

Aoi mong muốn mang đến cho mẹ và bé những sản phẩm chất lượng cao, an toàn và tiện lợi, giúp mẹ nuôi con một cách khoa học và hiệu quả nhất. Aoi cũng đồng hành cùng bé trong từng giai đoạn phát triển, giúp bé khám phá thế giới xung quanh một cách tự tin và đầy hứng khởi.

### Sản phẩm

Aoi cung cấp hệ sinh thái sản phẩm đa dạng đến nay đã gần 40 SKU, bao gồm các nhóm Dụng cụ cho bé; Chăm sóc da bé ; Dụng cụ ăn dặm ; Đồ chơi ...

DNP kỳ vọng Tân Phú Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ với định hướng đưa thương hiệu AOI phủ rộng khắp các hệ thống phân phối và điểm bán tại nội địa làm bàn đạp hướng đến thế giới, nhằm gia tăng giá trị thương hiệu cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động khi ngành hàng Mẹ và Bé có đặc điểm là biên lợi nhuận cao.

CHƯƠNG

# 04

## Quản trị doanh nghiệp


64 Tổng quan về Mô hình Quản trị DNP

65 Báo cáo của Hội đồng Quản trị

70 Thông tin Cổ phiếu và Cơ cấu Cổ đông

# Tổng quan về Mô hình quản trị DNP

Với định hướng quản trị tinh gọn, DNP đã xây dựng mô hình quản trị nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc ra quyết định để phù hợp với tốc độ phát triển của doanh nghiệp với cơ cấu như sau:

### Đại hội đồng cổ đông

Là Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của DNP, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

### Hội đồng quản trị

Hoạch định chiến lược phát triển, tầm nhìn của Công ty.

### Ban Tổng Giám đốc

Tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt.

### Ban Kiểm toán nội bộ

Vai trò giúp việc HĐQT trong việc giám sát, quản trị rủi ro.

Với định hướng hoạt động hiệu quả trong dài hạn, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo DNP luôn tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế.
DNP cam kết thực hành quản trị Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Công ty đang tham chiếu, hoàn thiện, áp dụng theo các thông lệ quản trị tốt như Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho Công ty đại chúng Việt Nam, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, các nguyên tắc ESG nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp trên nguyên tắc trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

# Báo cáo của Hội đồng quản trị

## Thành viên và cơ cấu của HĐQT

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày được bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Ông Vũ Đình Độ | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 26/4/2022 |
| Ông Ngô Đức Vũ | Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị | 26/4/2022 |
| Bà Phan Thùy Giang | Thành viên HĐQT | 26/4/2022 |
| Ông Hoàng Anh Tuấn | Thành viên HĐQT | 13/5/2023 |
| Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên HĐQT | 13/5/2023 |
| Ông Akhil Jain | Thành viên HĐQT độc lập | 26/4/2022 |
| Ông Bùi Thành Việt | Thành viên HĐQT độc lập | 13/5/2023 |

| Sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị | Số lượng cổ phần nắm giữ | % sở hữu | Chức vụ |
|---|---|---|---|
| Ông Vũ Đình Độ | 12.780.770 | 10,75% | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Ngô Đức Vũ | 36 | 0% | Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT |
| Ông Hoàng Anh Tuấn | 6.038.524 | 5,08% | Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Thị Huyền | 105 | 0% | Thành viên HĐQT |

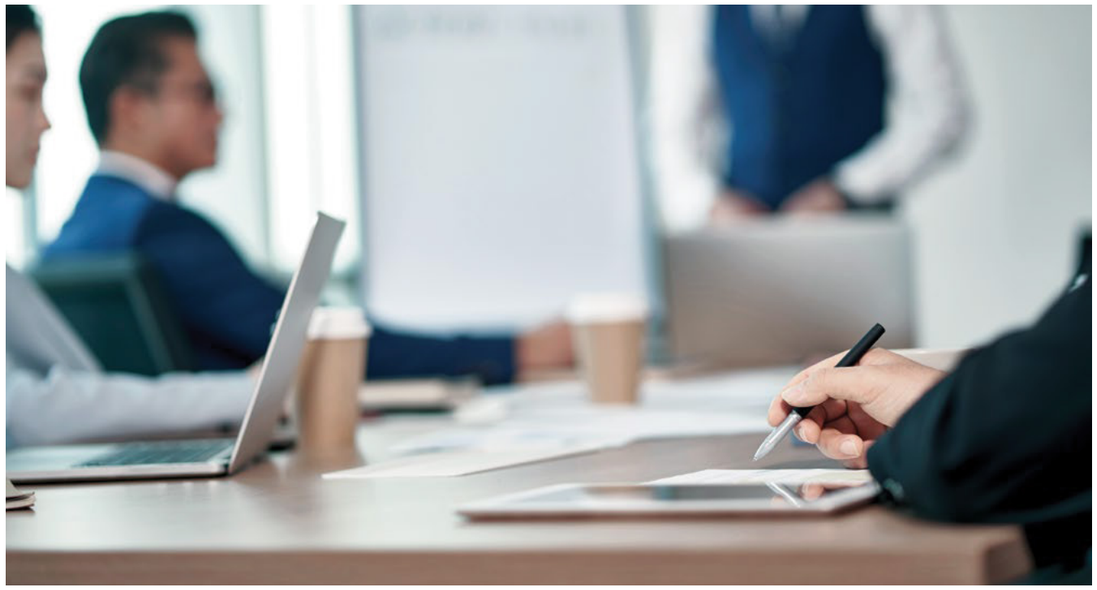

# Hoạt động của HĐQT

Năm 2023, Hội đồng quản trị (HĐQT) có 07 thành viên, bao gồm, 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 02 thành viên HĐQT độc lập và 01 thành viên HĐQT không điều hành. Hoạt động của HĐQT được duy trì theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, được phân công cụ thể cho các thành viên để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

## Về hoạch định chiến lược, đầu tư

Trong năm 2023, HĐQT đã cùng với Ban Tổng Giám đốc thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển của DNP Holding. Trong bối cảnh kinh tế xã hội đối mặt với các thách thức từ lạm phát, lãi suất, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng,... HĐQT đã định hướng và đề ra những kế hoạch thích ứng với thị trường như thay đổi cơ cấu sản phẩm, kênh bán hàng để tiếp cận với khách hàng, tinh gọn bộ máy vận hành để tối ưu chi phí... Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch, đồng thời đưa ra các định hướng, giải pháp để tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tiến độ dự án và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.

## Về công tác quản trị

HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty. Năm 2023, HĐQT đã thực hiện 05 cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, theo đó ban hành 07 Nghị quyết. Chi tiết xem tại website DNP mục Công bố thông tin Báo cáo quản trị.

HĐQT thực hiện tốt vai trò, theo đó vai trò của thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số. HĐQT giám sát việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc đối với các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.



## Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua một số công việc cụ thể như sau:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, phân tích những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp khắc phục và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- Kiểm tra, giám sát việc duy trì áp dụng Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và các quy định của Pháp luật.

## Kết quả giám sát

**Doanh thu hợp nhất năm 2023 của Công ty đạt**

**89,9 %**

Kế hoạch 2023

**Doanh thu mảng gia dụng tăng trưởng tích cực**

**24,5 %**

So với 2022

Qua quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao năm 2023. Cụ thể:

- Chủ động và tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin bán hàng, hỗ trợ giải phóng hàng tồn; đẩy mạnh hoạt động marketing, bán hàng và dịch vụ;
- Tập trung quản trị nguồn vốn, tiết kiệm chi phí, tăng khả năng xoay vòng vốn để chủ động giảm thiểu áp lực thanh toán;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, mô hình tổ chức, đào tạo và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ kế thừa; tiến hành các hoạt động truyền thông, văn hóa nội bộ tạo gắn kết.

Trong năm 2023, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm tăng năng suất lao động, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, phát triển kinh doanh. Kết quả là các đơn vị thành viên tăng trưởng tích cực so với năm trước trên nhiều khía cạnh, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.

Doanh thu hợp nhất năm 2023 của Công ty đạt 89,9% kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của những diễn biến bất lợi từ kinh tế toàn cầu trong 2023 và thị trường vĩ mô trong nước còn nhiều biến động.

## Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 diễn ra, Hội đồng Quản trị Công ty có 02 thành viên độc lập là ông Bùi Thành Việt, ông Akhil Jain và 01 thành viên không điều hành là ông Ngô Đức Vũ, đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Xem xét, đánh giá độc lập báo cáo của Tổng giám đốc và các bộ phận khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, đầu tư chiến lược mới của Công ty.

Các thành viên đều tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, đóng góp những phản biện tốt cho các đề xuất định hướng chiến lược, cũng như các giải pháp hiệu quả, kịp thời giúp Ban TGĐ vượt qua thách thức trong quá trình vận hành, đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật và tuân thủ Điều lệ công ty.

## Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo về quản trị công ty do Công ty tự tổ chức để cập nhật các thay đổi của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp luật hướng dẫn và các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của doanh nghiệp.



## Thành viên Ủy ban Kiểm toán

| Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn |
|---|---|---|---|
| Ông Bùi Thành Việt | Chủ tịch | 29/05/2023 | Thạc sỹ Tài chính Đầu tư |
| Ông Ngô Đức Vũ | Thành viên | 29/05/2023 | Thạc sỹ Quản trị Tài chính |

## Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán

Trong năm 2023, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp để thảo luận, thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán. Theo đó, các nhiệm vụ chính trong năm 2022 của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, các dịch vụ phi kiểm toán khác;
- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

## Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc năm 2023

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, các thành viên HĐQT điều hành và thành viên HĐQT kiêm nhiệm không nhận thù lao. Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách và thành viên Ban Tổng Giám đốc, DNP Holding đã thực hiện chi trả thu nhập và thù lao trong năm 2023. Thông tin chi tiết về thu nhập và thù lao của từng thành viên được trình bày tại thuyết minh số 32 Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần DNP Holding.

# Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

## Thông tin cổ phiếu

Cổ phiếu của CTCP DNP Holding (DNP) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNP. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần DNP Holding

Mã giao dịch chứng khoán

DNP

Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại 31.12.2023

118.909.913

### Trong đó

| STT | Loại cổ phần | Số lượng cổ phần lưu hành |
|---|---|---|
| 1 | Số lượng cổ phần lưu hành | 118.909.913 |
| 2 | Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng | 0 |

### Diễn biến giá cổ phiếu

| Mức giá cổ phiếu giao dịch | Ngày | Giá (đồng/cổ phiếu) |
|---|---|---|
| Đóng cửa | 29.12.2022 | 22.000 |
| Cao | 29.06.2023 | 31.500 |
| Thấp | 26.10.2023 | 21.400 |
| Khối lượng cổ phiếu giao dịch cao nhất trong 52 tuần | 26.05.2023 | 6.076.546 cổ phiếu |



## Diễn biến giá cổ phiếu DNP và HNX Index 2023

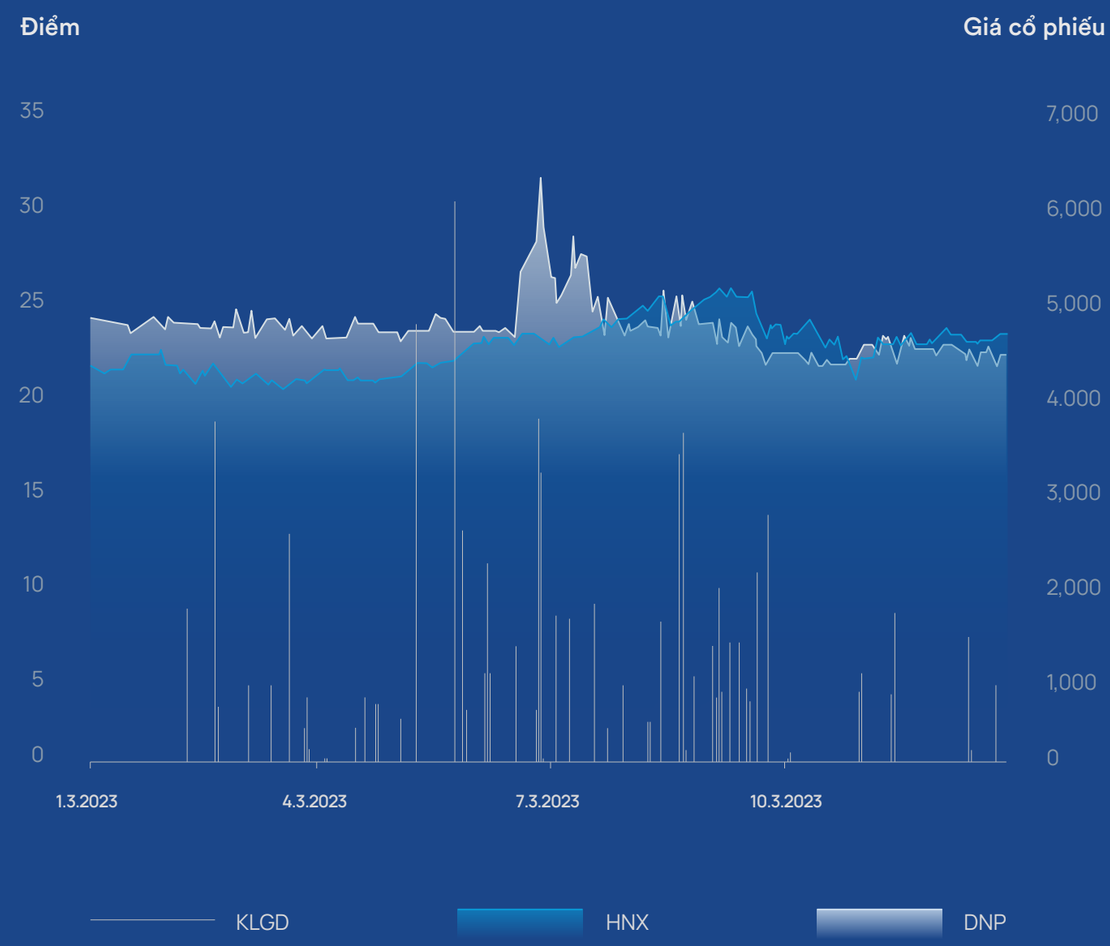

# Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông (tiếp theo)

## Số lượng cổ phiếu

| Nội dung | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|---|---|---|
| Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 118.901.103 | 118.901.103 |
| Tổng số cổ phiếu quỹ | 8.810 | 8.810 |
| Tổng số lượng cổ phiếu | 118.909.913 | 118.909.913 |

## Tỷ lệ sở hữu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Họ và tên | Chức vụ tại Công ty | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Vũ Đình Độ | Chủ tịch HĐQT | 12.780.770 | 10,75% |
| 2. | Ngô Đức Vũ | Phó Chủ tịch thường trực HĐQT | 36 | 0 |
| 3. | Hoàng Anh Tuấn | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc | 6.038.524 | 5,08% |
| 4. | Nguyễn Thị Huyền | Thành viên HĐQT | 105 | 0% |
| 5. | Trần Hữu Chuyền | Phó Tổng Giám đốc | 4 | 0 |

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Công ty Cổ phần SAM Holdings | Người có liên quan đến Ông Bùi Quang Bách – Thành viên HĐQT độc lập (tại thời điểm giao dịch) | 3.707.110 | 3,12% | 0 | 0 | Bán |



# Hoạt động Quan hệ cổ đông

**Năm 2023, điểm nhấn trong hoạt động quan hệ cổ đông là việc Công ty đã xây dựng lại website mục Quan hệ cổ đông nhằm tạo trải nghiệm thuận tiện cho cổ đông và các bên liên quan trong việc tra cứu và tiếp cận thông tin.**

Phòng quan hệ Cổ đông (IR) đã triển khai nhiều hoạt động gặp gỡ nhà đầu tư, công ty chứng khoán, đối tác trong và ngoài nước thông qua hình thức online và trực tiếp để chia sẻ thông tin và giải đáp câu hỏi về hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển của DNP và đơn vị thành viên. DNP cũng triển khai tuyến bài chia sẻ thông tin chuyên sâu đến công chúng và nhà đầu tư về các chủ đề nước sạch, vật tư thiết bị ngành nước, gia dụng cao cấp, hệ sinh thái sản phẩm cho mẹ và bé, vật liệu xây dựng, đây vốn là các hoạt động cốt lõi của DNP. Tổng số tin bài chủ động cung cấp cho công chúng lên đến gần 60 tin bài, bản tin...

Năm 2024, bên cạnh các hoạt động thường niên, DNP dự kiến đầu tư nâng cao chất lượng báo cáo thường niên để tăng cường tính minh bạch và toàn diện đối với thông tin cung cấp đến cổ đông, tổ chức các hoạt động truyền thông định kỳ thông qua earning calls, đăng tải Tài liệu thuyết trình nhà đầu tư trên website mục Quan hệ cổ đông nhằm tạo kênh thông tin kịp thời, cập nhật với cộng đồng cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Phòng Quan hệ Cổ đông và Nhà Đầu tư của DNP Holding sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động của mình trong tương lai, tích cực phản hồi những yêu cầu, câu hỏi của nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích một cách nhanh chóng nhất. Quý vị vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: ir@dnpcorp.vn

CHƯƠNG

05

# Phát triển bền vững


76 Tổng quan Chiến lược Phát triển Bền vững

78 Báo cáo Tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội

86 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với Cộng đồng địa phương

# Tổng quan Chiến lược phát triển bền vững

Nhận diện các cơ hội và sự ảnh hưởng từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, DNP đã định hướng và nghiêm túc triển khai hoạt động kinh doanh theo hướng Phát triển bền vững, phù hợp với Mục tiêu quốc gia của Việt Nam và Chương trình nghị sự vì sự phát triển bền vững (PTBV) toàn cầu của Liên Hợp Quốc.

Chương trình Nghị sự 2030, được tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thông qua, kêu gọi sự chung tay hành động xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo đến năm 2030 tất cả cư dân toàn cầu đều được hưởng hòa bình và thịnh vượng. Chương trình đưa ra 17 mục tiêu PTBV, 169 mục tiêu cụ thể, định hướng phương thức thực hiện, các quan hệ đối tác toàn cầu và các hành động triển khai.

**17 Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030**

Tại Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26) vào năm 2021, Chính phủ Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ cùng gần 150 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Theo đó, Chính phủ đã đề ra chương trình hành động quốc gia kêu gọi các doanh nghiệp chung tay thực hiện.

Với đặc thù là Tập đoàn có hoạt động kinh doanh cốt lõi phục vụ nhiều nhu cầu thiết yếu của xã hội như nước sạch & môi trường, vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình, đồ gia dụng cao cấp và bao bì, DNP xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với tầm nhìn của doanh nghiệp và gắn kết với theo mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và Mục tiêu trong chương trình hành động quốc gia của Việt Nam.

Bên cạnh mục tiêu kinh tế, DNP luôn chủ trọng thực hiện các mục tiêu ESG về Bảo vệ môi trường (E), Trách nhiệm xã hội (S) và Quản trị doanh nghiệp (G) tinh gọn, hiệu quả - các yếu tố đóng góp quan trọng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn của DNP. Định hướng chiến lược này được cụ thể hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu OKRs, được truyền thông đến các cấp Lãnh đạo thông qua các cuộc họp chiến lược, và phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chương trình Leader's Talk, các khóa đào tạo, chương trình truyền thông nội bộ. Các mục tiêu chính được cụ thể hóa tại bảng sau đây.



Tầm nhìn: DNP sẽ phát triển thành công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực nước sạch và môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp, vật liệu xây dựng cho hoàn thiện công trình. DNP luôn khát vọng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chất lượng cao và nâng tầm vị thế của thương hiệu Việt.

| Mục tiêu của Liên Hợp Quốc, Mục tiêu Quốc gia | Mục tiêu của DNP |
|---|---|
| **Mục tiêu**<br>3 Cuộc sống khỏe mạnh<br>6 Nước sạch và vệ sinh<br>15 Tài nguyên và môi trường trên đất liền | • Đảm bảo 100% các chỉ tiêu nước sạch cấp ra mạng đều đạt quy chuẩn của QCVN 01-1:2018/BYTBộ Y tế;<br>• Giải quyết các bài toán khó của ngành nước như:<br>› Giải quyết vấn đề hạn mặn cho vùng ĐBSCL bằng dự án cấp nước thô, nước sạch;<br>› Giải quyết bài toán thiếu nước sinh hoạt cho vùng núi và hải đảo;<br>› Giải quyết vấn đề ô nhiễm nước sông ở hạ nguồn phục vụ phát triển kinh tế thông qua việc sử dụng nguồn nước tốt từ thượng nguồn cung cấp cho các hộ tiêu thụ.<br>• An toàn, sức khỏe, tính mạng người lao động là trên hết;<br>• Cuộc sống tốt hơn cho người lao động. |
| **Mục tiêu**<br>1 Xoá nghèo<br>2 Xoá đói<br>11 Đô thị và cộng đồng bền vững<br>17 Hợp tác để hiện thực hóa các mục tiêu | Phát triển mạnh mẽ tại các nơi có sự hiện diện của DNP thông qua:<br>• Tạo việc làm, thu nhập để đảm bảo đời sống cho người dân;<br>• Phát triển kinh tế, hạ tầng mạnh mẽ;<br>• Thường xuyên đóng góp và ủng hộ Quỹ vì Người nghèo cũng như trực tiếp đến các hộ gia đình và cộng đồng;<br>• Tạo sự công bằng, văn minh thông qua các dự án, chương trình xã hội như Trụ uống nước sạch tại vòi... |
| **Mục tiêu**<br>5 Bình đẳng giới<br>10 Giảm bất bình đẳng<br>12 Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm<br>13 Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu | • Luôn tuân thủ các quy định về môi trường, trách nhiệm với con người, phát triển cộng đồng, xã hội thông qua tuân thủ đầy đủ các quy định trong nước và quốc tế như Tiêu chuẩn Thực hiện về Môi trường, Sức Khỏe và An toàn của IFC (IFC Performance Standards); các Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe & An toàn của Ngân hàng Thế giới (WB EHS Guidelines); Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB Safeguard Policy Statement);<br>• Nâng cao hiệu suất đồng thời giảm tối đa lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào cho mỗi đơn vị sản phẩm thông qua các chương trình như Kaizen, 6S, cải tiến không ngừng, áp dụng công nghệ tiên tiến, tối đa hóa sử dụng năng lượng sạch như năng lượng mặt trời...;<br>• Giảm thiểu tối đa các sản phẩm phải thải bỏ và áp dụng triệt để nguyên tắc của Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy) để biến chất thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hoặc cho chính nội tại doanh nghiệp thông qua các hoạt động tái chế và tái sử dụng... |

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Báo cáo tác động môi trường được DNP giám sát và đánh giá thông qua: Quản lý nguồn nguyên vật liệu; Tiêu thụ năng lượng (trực tiếp và gián tiếp) và các sáng kiến tiết kiệm năng lượng; Tiêu thụ nước và các sáng kiến tiết kiệm nước; Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Báo cáo tác động xã hội được đánh giá thông qua thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng bền vững.

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Các hoạt động sản xuất của DNP năm 2023 trong 3 lĩnh vực chính gồm Nhựa, Nước sạch và Gạch ngói có mức tiêu thụ nguyên, nhiên liệu như sau:

| Nội dung | Sản lượng | Tổng điện tiêu thụ (kWh) | Tổng nước tiêu thụ ($m^3$) | Điện tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (kWh) | Nước tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm ($m^3$) |
|---|---|---|---|---|---|
| **2023** | | | | | |
| Nhựa (tấn) | 46.591 | 52.414.875 | 1000.637 | 1.125 | 2,16 |
| Nước sạch ($m^3$) | 125.149.728 | 35.522.237 | | 0.28 | |
| Gạch ngói ($m^2$) | 18.734.400 | 60.325.768 | 288.690 | 3.22 | 0.01 |
| **2022** | | | | | |
| Nhựa (tấn) | 30.000 | 33.800.000 | 65.000 | 1.127 | 2,17 |
| Nước sạch ($m^3$) | 112.540.000 | 34.000.000 | | 0.30 | |
| Gạch ngói ($m^2$) | 21.900.000 | 71.000.000 | 251.000 | 3.24 | 0,01 |
| **2021** | | | | | |
| Nhựa (tấn) | 47.000 | 53.000.000 | 143.000 | 1.130 | 3,04 |
| Nước sạch ($m^3$) | 104.000.000 | 32.000.000 | | 0.31 | |
| Gạch ngói ($m^2$) | 16.000.000 | 52.000.000 | 193.000 | 3,25 | 0,01 |

## Lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa

**Ngành nhựa sản xuất được**

**46,6 nghìn tấn**

Sản phẩm nhựa

Hai đơn vị sản xuất nhựa thuộc DNP là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và Tân Phú Việt Nam là các đơn vị hàng đầu trong sản xuất ống nhựa hạ tầng và gia dụng tại Việt Nam với các sản phẩm đa dạng như ống nhựa phục vụ cho các ngành cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; sản xuất và xuất khẩu sang Châu Âu các sản phẩm bao bì mềm, bao bì công nghiệp... Trong năm 2023, ngành nhựa sản xuất được 46,6 nghìn tấn sản phẩm nhựa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, tạo việc làm và thu nhập cho hàng nghìn người lao động.

Trong quá trình sản xuất, tỷ lệ sản phẩm lỗi của toàn ngành chiếm khoảng 7%, tương đương với khoảng 3,2 nghìn tấn/năm. Các sản phẩm này được tái chế 100% để đảm bảo tiết kiệm chi phí cho đơn vị và góp phần bảo vệ môi trường.

## Lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch

**Cung cấp khoảng**

**125 triệu $m^3$**

Nước sạch

Việc cung cấp nước sạch đến người dân là một sứ mệnh của DNP để đảm bảo cung cấp 100% nước sạch cho người tiêu dùng. Trong năm 2023, DNP Water (một công ty thành viên của DNP) đã cung cấp khoảng 125 triệu $m^3$ nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn đến các hộ tiêu thụ.

## Lĩnh vực sản xuất gạch ngói

**Đưa ra thị trường khoảng**

**19 triệu $m^2$**

Gạch ngói

Trong năm 2023, CMC (một công ty thành viên của DNP) đã đưa ra thị trường khoảng 19 triệu $m^2$ gạch ngói giúp góp phần vào việc cung ứng nguyên vật liệu xây dựng cho thị trường.

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

## Tiêu thụ năng lượng

### Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Nguồn năng lượng chủ yếu sử dụng trong các đơn vị sản xuất là năng lượng điện, phục vụ cho hoạt động của các thiết bị máy móc sản xuất và các hoạt động sinh hoạt khác. Trong đó, lượng điện tiêu thụ trong năm 2023 cho ngành nhựa, nước và gạch ngói lần lượt là 34,6 triệu kWh, 35,5 triệu kWh và 60,3 triệu kWh.

### Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

**Tiêu thụ điện năng trên 1 đơn vị sản phẩm qua các năm (kwh)**

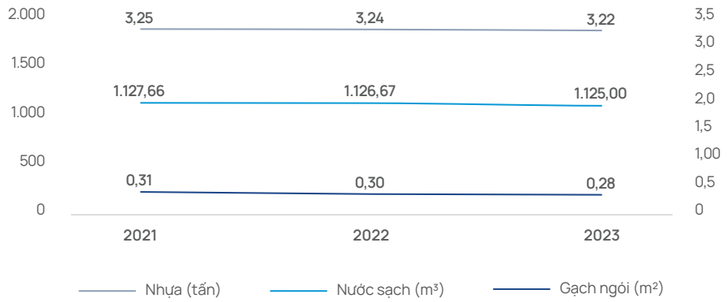


Nhờ tối ưu quy trình kiểm soát và áp dụng triệt để các sáng kiến tiết kiệm năng lượng, từ năm 2021 đến nay, lượng điện tiêu thụ trung bình trên 1 đơn vị sản phẩm của DNP Holding đã giảm đến mức tối đa và không có nhiều biến động.

Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển của quốc gia cũng như của Liên Hợp Quốc đề ra cũng đồng nghĩa giúp doanh nghiệp giảm thiểu tiêu thụ các nguồn tài nguyên, giảm thiểu chi phí sản xuất... Trong đó, theo bảng thống kê tiêu thụ điện, nước nêu trên có thể thấy, so với năm 2022 các ngành vẫn duy trì được mức giảm tiêu thụ nguyên vật liệu nhưng con số giảm không đáng kể do đã và đang áp dụng triệt để các giải pháp tối ưu sử dụng năng lượng điện, tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Theo sản lượng sản xuất năm 2023, so với năm 2022, các ngành của DNP nhựa tiết kiệm được:

| Ngành | Giảm tiêu thụ điện so với 20221 (kWh) |
|---|---|
| Nhựa | 93.182 |
| Nước sạch | 2.502.994 |
| Gạch ngói | 374.688 |



### Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

**Tiết kiệm hơn**

**129** tỷ đồng

**Giảm thiểu**

**2.199** tấn $CO_2$

Để đạt được kết quả trên là tất cả nỗ lực không ngừng nghỉ của người lao động trong các đơn vị để triển khai mạnh mẽ chương trình Kaizen đến từng cá nhân, phân xưởng, nhằm tìm tòi, nghiên cứu, cải tiến không ngừng cũng như duy trì các hoạt động tốt đang thực hiện để:

- Giảm thiểu các nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cả tiêu thụ năng lượng trong các khâu, công đoạn, thiết bị sản xuất;
- Giảm thiểu các sản phẩm lỗi, các phế phẩm;
- Tăng năng suất và tăng hiệu quả công việc,
- Các hoạt động Kaizen đã giúp DNP tiết kiệm khoảng hơn 129 tỷ đồng trong năm 2023 với hàng chục các cải tiến lớn nhỏ, đóng góp đáng kể nhất trong các hoạt động này là:

› Cải tiến quy trình vận hành bơm công suất lớn trong các nhà máy nước, tăng số lượng bơm chạy với tần số thấp thay vì chạy ít bơm với tần số cao, vượt tải vừa gây tổn thất do sinh nhiệt cao vừa giảm tuổi thọ của bơm;

› Lắp đặt hệ thông quan trắc, các biến tần cho các mô tơ công suất lớn như hệ thống bơm trong nhà máy nước, các mô tơ động cơ nghiền... giúp điều chỉnh liên tục việc vận hành phù hợp với sản xuất, giảm điện năng tiêu thụ;

› Cải tiến về công nghệ, nhiên liệu, quy trình kiểm soát giúp tiết kiệm chi phí, tăng năng suất đồng nghĩa với với giảm điện năng tiêu thụ so với trước kia. Ngoài ra, thông qua hệ thống điều khiển, giám sát tự động như SCADA tại các nhà máy đã giúp can thiệp, tối ưu công tác vận hành, giảm thiểu tối đa tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất.

DNP cũng đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng sạch mà cụ thể là năng lượng mặt trời trong quá trình sản xuất của mình với việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại một số nhà máy và định hướng tiếp tục nhân rộng ra các nhà máy còn lại.

Năm 2023, các nhà máy đã tiêu thụ khoảng 2,6 GWh điện mặt trời, tương ứng với việc giảm thiểu được khoảng 2.199 tấn $CO_2$ quy đổi (theo hệ số phát thải quốc gia năm 2019).

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

## Tiêu thụ nước

### Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Ngoài các nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông, suối, hồ làm nguồn nguyên liệu sản xuất đầu vào thì đối với các ngành nhựa và gạch ngói sử dụng 100% nước máy. Trong năm 2023, lượng nước sử dụng trong ngành nhựa và gạch ngói tương ứng là 65 nghìn và 251 nghìn $m^3$. Riêng ngành nước sản xuất được 125.149.728 $m^3$ nước thương phẩm.

### Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào trong đó có nước là một trong các ưu tiên hàng đầu của DNP trong quá trình sản xuất giúp giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào và sản xuất có trách nhiệm với tài nguyên, môi trường. Nước từ quá trình sản xuất không bị thải bỏ ra ngoài môi trường mà được tái sử dụng, trong đó:

- Lượng nước dùng để làm mát các thiết bị sản xuất, ngoài lượng bốc hơi tự nhiên thì phần còn lại cũng được quay vòng và tái sử dụng 100% cho các mục đích khác nhau của nhà máy;
- Với nước có lẫn các thành phần tạp chất sẽ được lắng lọc trước khi được tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất;
- Nước rửa lọc chiếm khoảng 1 - 4% lượng nước sản xuất, trong các nhà máy nước thông thường nước này sẽ được thải bỏ ra ngoài môi trường. Tuy nhiên, tại các nhà máy của DNP lượng nước này được đưa quay trở lại quá trình xử lý để tái xử lý thành nước sạch. Do vậy, nếu tính theo sản lượng năm 2023 lượng nước tiết kiệm được của DNP khoảng 1 - 4 triệu $m^3$;

Ngoài ra, qua bảng tổng hợp trên, thông qua công tác Kaizen cũng giúp việc giảm tiêu thụ nước của ngành gạch ngói trong năm 2023 so với năm 2022 khoảng 58 nghìn $m^3$. Lượng nước tiêu thụ trên mỗi đơn vị sản phẩm cũng có xu hướng được tiết giảm qua các năm.

**Xu hướng giảm lượng tiêu thụ nước qua các năm ($m^3$)**

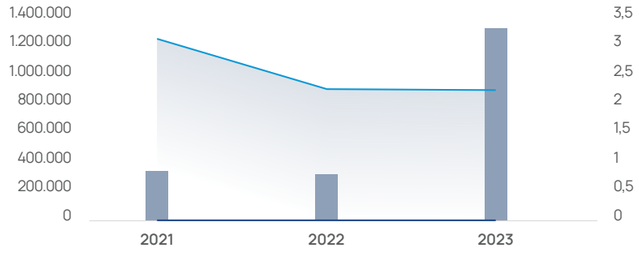


**Tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào trong đó có nước là một trong các ưu tiên hàng đầu của DNP.**

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Để đảm bảo cho việc quản lý hiệu quả và thực hiện tốt các quy định về Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS) cho toàn hệ thống, DNP đã phối hợp với IFC, AEP xây dựng và ban hành cho toàn bộ các đơn vị trực thuộc tài liệu Hệ thống Quản lý Môi trường & Xã hội (ESMS). Hệ thống Quản lý Vận hành (OMS cho ngành nước, nhựa) đáp ứng các quy định của Việt Nam và Quốc tế để làm cơ sở cho quá trình hoạt động của mình; tuyển dụng 01 chuyên gia chuyên trách thực hiện các công tác EHS từ năm 2018; bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách EHS tại mỗi đơn vị thành viên. Do vậy, công tác EHS tại DNP luôn được đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định, được các cơ quan quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế liên quan công nhận.

Tại DNP, chúng tôi góp phần bảo vệ môi trường bằng việc hướng tới sản xuất các sản phẩm "xanh", an toàn và thân thiện với môi trường.

**Nhựa Đồng Nai là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nhận được chứng nhận "Nhãn xanh" - Green Building Product từ Hội đồng Công trình Singapore (SGBC) cho nhóm sản phẩm ống nhựa và phụ kiện PP-R.**

100% các đơn vị thành viên tại DNP đều có các Đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng địa phương phê duyệt trước khi xây dựng nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất. Các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc công tác giám sát chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường lao động với tần suất giám sát 02 – 04 lần/năm và báo cáo cho cơ quan chức năng địa phương;

100% các đơn vị thành viên thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý các chất thải rắn; Bố trí đầy đủ các kho chứa chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định; Ký hợp đồng thu gom. xử lý rác với các đơn vị chức năng;

100% phế liệu/phế phẩm từ quá trình sản xuất được tái chế, tái sử dụng (ngành nhựa);

Không thải nước sản xuất ra môi trường - quay vòng 100% nước làm mát (ngành nhựa) và tái xử lý 100% nước thải sản xuất thành nước cấp (ngành nước);

100% các đơn vị sản xuất đều đã được trang bị đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực hoặc môi trường.

Tăng cường sử dụng nguồn năng lượng xanh bằng việc sử dụng tối đa nguồn điện từ năng lượng mặt trời tại nhà máy nước Bình Hiệp, Bình Thuận và nhà máy nhựa Tân Phú - Long An, định hướng mở rộng ra các đơn vị khác của DNP.

Nhờ các nỗ lực và chính sách nhất quán về công tác Bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống của DNP, đến nay, chưa có đơn vị nào của DNP bị xử phạt vì vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng như có các phản đối, đơn thư, khiếu nại từ các cộng đồng dân cư địa phương.

Trong năm 2023, Inochi - thương hiệu gia dụng cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam tiếp tục thực hiện chương trình "Thu cũ đổi mới" tại một số shop Inochi trên cả nước nhằm thu gom rác thải nhựa để đổi lấy các sản phẩm Inochi. Chương trình đã góp phần vào nâng cao ý thức cộng đồng trong việc thu gom và tái chế rác thải nhựa cũng như phân loại rác tại nguồn. Tổng kết Chương trình thu cũ đổi mới năm 2023, kết quả đạt được như sau:

**Tổng số lượng nhựa thu gom**

**5.994 kg**

**Tổng số lượng quà tặng**

**655 phần quà**

# Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

## Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng.

Do đó, tại DNP, bên cạnh những định hướng phát triển hoạt động kinh doanh, chúng tôi luôn xác định trách nhiệm của mình với cộng đồng, nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội theo đúng tinh thần "See Ahead - Nhìn xa Nghĩ lớn".

Tại DNP, chúng tôi quan niệm rằng mỗi cá nhân tốt hơn, mỗi đội nhóm tốt hơn, mỗi doanh nghiệp tốt hơn thì đất nước cũng sẽ tốt hơn. Với tinh thần đó, vượt lên trên những khó khăn bởi khủng hoảng kinh tế thời kỳ hậu Covid, năm 2023 tiếp tục ghi nhận những dấu ấn của người DNP với các dự án cộng đồng ý nghĩa.

### Những con số nổi bật

Tổng ngân sách dành cho cộng đồng năm 2023

**2,4** tỷ đồng

Tài trợ gạch ốp lát để xây dựng trường mầm non Ban Mai, xã Suối Tọ, Sơn La

**300** $m^2$

Trụ nước sạch miễn phí được lắp đặt tại 10 tỉnh thành trên cả nước

**34** trụ nước

Hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn trên cả nước

**350** phần quà

Suất quà tặng, học bổng cho học sinh, sinh viên (Học bổng tặng Đại học Kiến trúc, Quỹ học bổng thường niên CEDUM, Học bổng cho chương trình Chắp cánh ước mơ, quà tặng cho các em nhỏ khuyết tật tại Sóc Sơn – Hà Nội...)

**520** suất quà

Đồng hành cùng các sự kiện thể thao, góp phần nâng cao nhận thức về tinh thần rèn luyện thể dục và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng (Giải chạy BIDVRUN,, Giải chạy Press Marathon, Giải vô địch cờ vua các CLB Quốc gia 2023)

**08** sự kiện

## DNP ưu tiên đầu tư cho giáo dục

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Với phương châm đó, trong suốt nhiều năm qua, DNP đã luôn đặc biệt ưu ái, dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực tài trợ cho các dự án giáo dục, đặc biệt là các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, ở vùng sâu vùng xa.

Năm 2023, DNP đã tài trợ toàn bộ gạch ốp lát, phục vụ xây dựng mầm non Ban Mai, tại điểm trường bản Lũng Khoai. Những viên gạch nhỏ bé, sắc màu đã góp phần tạo nên ngôi trường mơ ước, viết tiếp giấc mơ đến trường cho hàng trăm em nhỏ người dân tộc thiểu số của xã vùng cao Suối Tọ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Hàng trăm suất quà cũng đã được trao tặng cho các em nhỏ khuyết tật trong chương trình thiện nguyện "Sát cánh yêu thương" tại trường Nuôi Dưỡng & Giáo Dục Trẻ Em Tàn Tật huyện Sóc Sơn, Hà Nội; đồng hành cùng Quỹ học bổng CEDUM; hỗ trợ cho các em học sinh là con của các bệnh nhân ung thư; tài trợ 7 năm liên tiếp cho chương trình học bổng "Chắp cánh ước mơ" tại tỉnh Bắc Giang; trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó tại tỉnh Khánh Hòa, Bình Phước...

Đặc biệt, trong năm 2023, Công ty Cổ phần CMC - Một đơn vị thành viên của DNP Holding cũng đã đồng hành cùng Giải thưởng Thành tựu Kiến trúc AA Awards 2023. Đây là giải thưởng do trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tổ chức nhằm tôn vinh những đồ án có tính sáng tạo, thẩm mỹ và thân thiện với môi trường trong hệ thống chương trình đào tạo kiến trúc sư, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bền vững đối với ngành xây dựng nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung.

CMC và Đại học Kiến trúc Hà Nội cũng đã ký kết thỏa thuận hợp tác lâu dài, góp phần thể hiện trách nhiệm cộng đồng, khích lệ, truyền cảm hứng sáng tạo và chắp cánh ước mơ cho thế hệ tương lai trong lĩnh vực Xây dựng.

# Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương (tiếp theo)

## Đồng hành cùng các hoạt động thể dục thể thao - Vì một Việt Nam khỏe

Năm 2023 là năm thứ 2 DNP Holding và các đơn vị thành viên tiếp tục đồng hành cùng hàng loạt các hoạt động thể dục thể thao nhằm khuyến khích lối sống khỏe, sống xanh cho cộng đồng.

DNP đã tài trợ cho nhiều giải chạy như Giải chạy BIDVRUN – Cho cuộc sống xanh – sự kiện chào mừng lễ kỷ niệm 66 năm thành lập Ngân hàng BIDV; cho ra mắt phiên bản giới hạn của bình nước Kita Active, dành tặng riêng hơn 1000 Vận động viên của giải đua Vinfast IROMAN 70.3 Việt Nam 2023; tài trợ giải chạy Press Marathon được tổ chức bởi Vietnam ICT Press Club nhằm hưởng ứng Kỷ niệm 98 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam; tiếp lửa bước chạy cùng Dalat Music Night Run 2023…

Ngoài ra, Inochi – thương hiệu gia dụng cao cấp của DNP cũng đồng hành cùng nhiều sự kiện thể thao lớn khác như Giải vô địch Cờ vua các câu lạc bộ Quốc gia tại Bà Rịa Vũng Tàu; tài trợ cho sự kiện "Ngày hội Yoga Dân Trí" do báo Dân Trí tổ chức, tài trợ độc quyền nước uống tinh khiết Jovita cho Giải đấu mùa thu 202 thuộc sự kiện giải 72+ Golf Academy…

DNP Holding mong muốn được chung tay lan tỏa năng lượng tích cực đến với cộng đồng, cùng xây dựng lối sống khỏe mạnh năng động bằng cách chú trọng luyện tập thể thao.

## Tài trợ trụ nước sạch miễn phí tại vòi đến 10 tỉnh thành trong cả nước

Tính đến năm 2023, dự án tài trợ xây dựng các trụ nước uống tại vòi là một trong những án thiện nguyện có ý nghĩa rất lớn của DNP được duy trì triển khai từ năm 2019, được thực hiện xuyên suất trong nhiều năm qua. Tính đến hết năm 2023, DNP đã triển khai xây dựng được 34 trụ nước uống sạch, đặt tại các điểm du lịch, bệnh viện, khu dân cư đông đúc ở 10 tỉnh thành phố trên cả nước, với tổng chi phí tài trợ khoảng 4,2 tỷ đồng.

Dự án đã được người dân và chính quyền đánh giá cao vì những giá trị thiết thực, không chỉ mang lại nguồn nước uống sạch miễn phí cho hàng ngàn người dân và du khách mỗi ngày mà còn góp phần giảm thiểu rác thải nhựa, gây ô nhiễm môi trường, nâng cao tiện ích giúp diện mạo địa phương thêm phần khang trang, hiện đại, nâng cao hình ảnh trong mắt du khách và bạn bè quốc tế. Đây cũng là động lực để DNP cố gắng thực hiện thêm nhiều dự án có ý nghĩa hơn nữa, mang nước sạch đến muôn nơi phục vụ cộng đồng.

## Tổ chức triển lãm hướng tới chủ đề "Tăng trưởng xanh – Hướng tới Net Zero"

Tại Diễn đàn kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh 2023 (HEF 2023), DNP Water – đơn vị thành viên của DNP Holding đã phối hợp cùng Samsung Engineering tổ chức không gian triển lãm để giới thiệu về các giải pháp gắn với chủ đề Tăng trưởng xanh, hướng tới Net Zero. Hai đơn vị đã mang đến câu chuyện chuyển đổi xanh của mình thông qua những nỗ lực trong việc ứng dụng giải pháp công nghệ, chuyển đổi số để mang nước sạch về đến những vùng có nhu cầu cấp thiết về nước sạch như Quảng Bình, Sapa, Khánh Hòa, dự án cung cấp nước thô liên vùng tại Đồng bằng sông Cửu Long. Các dự án thoát nước, xử lý nước thải, rác thải tại một số tỉnh thành như TP HCM, Phan Thiết và một số dự án mà hai bên đang phối hợp nghiên cứu triển khai tại Bắc Giang, Bến Tre. Thông qua sự kiện, DNP Water thể hiện quyết tâm và định hướng phát triển bền vững, gắn các hoạt động phát triển kinh doanh với mục tiêu nghiên cứu, áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để ứng phó với việc ô nhiễm nguồn nước, suy giảm nước ngầm, xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu và xử lý nước thải tại Việt Nam.

CHƯƠNG

# 06

## Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023


92 Thông tin chung

94 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

96 Báo cáo kiểm toán độc lập

97 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

101 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

102 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

104 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

# Thông tin chung

## Công ty

Công ty Cổ phần DNP Holding ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004 và giấy GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 ngày 7 tháng 2 năm 2023.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Cổ phần DNP Holding. Việc thay đổi này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 vào ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã chứng khoán là DNP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét, hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

## Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Vũ Đình Độ | Chủ tịch | |
| Ông Ngô Đức Vũ | Phó Chủ tịch HĐQT thường trực | |
| Ông Bùi Quang Bách | Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập | miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |
| Bà Phan Thùy Giang | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên | bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Hoàng Anh Tuấn | Thành viên | bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Akhil Jain | Thành viên độc lập | |
| Ông Bùi Thành Việt | Thành viên độc lập | bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Văn Hiếu | Thành viên | miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Hồ Anh Dũng | Thành viên | miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |



## Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Bùi Thành Việt | Chủ tịch | bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Bùi Quang Bách | Chủ tịch | miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Ngô Đức Vũ | Thành viên | bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Hồ Anh Dũng | Thành viên | miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2023 |

## Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Hoàng Anh Tuấn | Tổng Giám đốc | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Hiếu | Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023 |
| Ông Trần Hữu Chuyển | Phó Tổng Giám đốc | |
| Bà Phan Thùy Giang | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Lê Cát Hanh | Phó Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2024 |

## Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Hoàng Anh Tuấn | Tổng Giám đốc | từ ngày 6 tháng 2 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Văn Hiếu | Tổng Giám đốc | đến ngày 6 tháng 2 năm 2023 |

## Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần DNP Holding ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.



## Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

**Hoàng Anh Tuấn**
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

# Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 12845954/66923155-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần DNP Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần DNP Holding ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 60, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

**Trần Phú Sơn**
Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0637-2023-004-1

**Nguyễn Phan Anh Quốc**
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2759-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: triệu VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **8.307.329.570.423** | **7.603.842.882.014** |
| **110** | **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **5** | **980.472.894.157** | **921.222.811.837** |
| 111 | 1. Tiền | | 253.300.610.657 | 262.284.548.691 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 727.172.283.500 | 658.938.263.146 |
| **120** | **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | | **325.709.359.310** | **879.691.929.474** |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | - | 541.911.500.000 |
| 123 | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6 | 325.709.359.310 | 337.780.429.474 |
| **130** | **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **5.415.352.824.914** | **4.157.053.577.579** |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 7 | 1.570.310.253.205 | 1.348.987.494.779 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 8 | 754.701.886.322 | 824.424.635.870 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 9 | 351.744.793.000 | 188.555.231.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 10 | 2.871.807.115.783 | 1.900.656.583.676 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 7, 8, 9, 10 | (133.211.223.396) | (105.570.367.746) |
| **140** | **IV. Hàng tồn kho** | | **1.503.263.286.642** | **1.487.603.780.913** |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | 11 | 1.517.533.076.273 | 1.500.651.183.991 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 11 | (14.269.789.631) | (13.047.403.078) |
| **150** | **V. Tài sản ngắn hạn khác** | | **82.531.205.400** | **158.270.782.211** |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 24.623.868.488 | 16.897.224.367 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 53.674.001.088 | 126.579.245.212 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 4.233.335.824 | 14.794.312.632 |
| **200** | **B.TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **7.769.415.418.062** | **8.925.010.253.788** |
| **210** | **I. Các khoản phải thu dài hạn** | | **191.230.511.457** | **342.049.741.177** |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 10 | 191.230.511.457 | 342.049.741.177 |

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **220** | **II. Tài sản cố định** | | **5.858.291.012.578** | **6.974.456.588.695** |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 13 | 4.113.555.696.990 | 5.129.407.241.168 |
| 222 | Nguyên giá | | 8.495.013.788.481 | 9.080.918.705.650 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (4.381.458.091.491) | (3.951.511.464.482) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 14 | 137.088.078.796 | 190.513.358.251 |
| 225 | Nguyên giá | | 168.418.162.137 | 242.687.057.901 |
| 226 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (31.330.083.341) | (52.173.699.650) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | 15 | 1.607.647.236.792 | 1.654.535.989.276 |
| 228 | Nguyên giá | | 1.766.713.785.232 | 1.761.266.902.050 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (159.066.548.440) | (106.730.912.774) |
| **230** | **III. Bất động sản đầu tư** | | **30.711.000.000** | **31.240.500.000** |
| 231 | Nguyên giá | | 31.770.000.000 | 31.770.000.000 |
| 232 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (1.059.000.000) | (529.500.000) |
| **240** | **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | | **469.320.560.866** | **757.797.505.713** |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 16 | 469.320.560.866 | 757.797.505.713 |
| **250** | **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | | **864.078.846.416** | **410.312.533.946** |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 17.1 | 837.442.426.156 | 356.459.469.066 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 17.2 | 3.856.420.260 | 23.822.664.880 |
| 255 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 17.3 | 22.780.000.000 | 30.030.400.000 |
| **260** | **VI. Tài sản dài hạn khác** | | **355.783.486.745** | **409.153.384.257** |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 129.008.282.911 | 141.266.739.624 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 31.3 | 16.152.049.084 | 5.288.911.278 |
| 269 | 3. Lợi thế thương mại | 18 | 210.623.154.750 | 262.597.733.355 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **16.076.744.988.485** | **16.528.853.135.802** |

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **C. NỢ PHẢI TRẢ** | | **11.418.246.619.352** | **11.967.966.735.954** |
| **310** | **I. Nợ ngắn hạn** | | **6.098.814.338.312** | **6.177.796.816.195** |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 19 | 968.912.918.321 | 1.302.711.720.775 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 20 | 24.251.626.769 | 68.254.463.810 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 21 | 118.852.085.726 | 95.866.601.819 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 85.744.668.990 | 97.377.780.416 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 22 | 151.534.846.681 | 179.813.578.524 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 23 | 602.002.870.582 | 438.287.809.529 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 24 | 4.138.443.683.104 | 3.982.590.534.962 |
| 321 | 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 2.499.739.999 | 6.618.785.443 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi | | 6.571.898.140 | 6.275.540.917 |
| **330** | **II. Nợ dài hạn** | | **5.319.432.281.040** | **5.790.169.919.759** |
| 331 | 1. Phải trả dài hạn người bán | 19 | 1.311.643.977 | 36.211.893.420 |
| 332 | 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 20 | 54.154.131.396 | 47.800.121.020 |
| 333 | 3. Chi phí phải trả dài hạn | | 641.794.521 | 586.726.137 |
| 336 | 4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | | 152.180.199 | 373.780.362 |
| 337 | 5. Phải trả dài hạn hác | 23 | 1.625.080.875.266 | 1.526.263.845.128 |
| 338 | 6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 24 | 3.254.612.161.324 | 3.769.647.764.949 |
| 341 | 7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 31.3 | 381.301.125.156 | 409.285.788.743 |
| 342 | 8. Dự phòng phải trả dài hạn | | 2.178.369.201 | - |
| **400** | **D.VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **4.658.498.369.133** | **4.560.886.399.848** |

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **410** | **I. Vốn chủ sở hữu** | **25.1** | **4.658.498.369.133** | **4.560.886.399.848** |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 1.189.099.130.000 | 1.189.099.130.000 |
| 411 | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.189.099.130.000 | 1.189.099.130.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 270.847.905.480 | 270.847.905.480 |
| 414 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 45.780.003.942 | 45.780.003.942 |
| 415 | 4. Cổ phiếu quỹ | | (28.342.000) | (28.342.000) |
| 418 | 5. Quỹ đầu tư phát triển | | 3.513.332.924 | 20.084.402.078 |
| 421 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 60.583.409.261 | 1.545.485.916 |
| 421a | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế) đến cuối năm trước | | 20.128.017.010 | (42.215.487.429) |
| 421b | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm | | 40.455.392.251 | 43.760.973.345 |
| 429 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 3.088.702.929.526 | 3.033.557.814.432 |
| 400 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 16.076.744.988.485 | 16.528.853.135.802 |

**Phạm Thi Kim Thanh**
Người lập

**Phạm Thị Thu Hằng**
Kế toán trưởng

**Hoàng Anh Tuấn**
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 01 | 1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 7.769.672.257.671 | 7.752.284.820.719 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | (190.261.104.554) | (59.435.327.216) |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 7.579.411.153.117 | 7.692.849.493.503 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | | (6.257.448.475.376) | (6.407.795.505.075) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.321.962.677.741 | 1.285.053.988.428 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 26.2 | 592.409.303.157 | 511.313.705.975 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 28 | (808.443.399.835) | (772.380.048.089) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (658.318.044.478) | (619.346.322.003) |
| 24 | 8. Phần lãi trong công ty liên kết | 17.1 | 5.413.975.285 | 12.109.347.585 |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 29 | (475.804.884.772) | (444.843.263.796) |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29 | (442.837.070.749) | (434.151.250.448) |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 192.700.600.827 | 157.102.479.655 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | | 12.424.809.812 | 21.869.022.999 |
| 32 | 13. Chi phí khác | | (16.434.969.640) | (7.786.329.858) |
| 40 | 14. (Lỗ) lợi nhuận khác | | (4.010.159.828) | 14.082.693.141 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 188.690.440.999 | 171.185.172.796 |
| 51 | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 31.1 | (98.388.231.919) | (101.605.304.846) |
| 52 | 17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 31.1 | 37.632.366.437 | 25.272.280.544 |
| 60 | 18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | | 127.934.575.517 | 94.852.148.494 |
| 61 | 19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ | | 40.455.392.251 | 4.386.788.030 |
| 62 | 20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 87.479.183.266 | 90.465.360.464 |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 25.4 | 340 | 37 |
| 71 | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 25.4 | 340 | 37 |

**Phạm Thi Kim Thanh**
Người lập

**Phạm Thị Thu Hằng**
Kế toán trưởng

**Hoàng Anh Tuấn**
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| **01** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **188.690.440.999** | **171.185.172.796** |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại | 30 | 655.803.626.285 | 654.287.334.718 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | 29.306.965.036 | 12.668.698.235 |
| 04 | (Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (2.075.764.163) | 3.463.410.375 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (490.957.057.100) | (433.575.816.928) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 658.318.044.478 | 619.346.322.003 |
| **08** | **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | | **1.039.086.255.535** | **1.027.375.121.199** |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (321.946.207.231) | (945.975.228.372) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (36.685.000.443) | (241.785.750.066) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 46.661.768.041 | 1.024.606.568.399 |
| 12 | Giảm (tăng) chi phí trả trước | | 6.457.081.982 | (40.406.713.220) |
| 13 | Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh | | 541.911.500.000 | (504.320.410.000) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (663.901.812.758) | (582.105.780.539) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 21 | (95.939.054.748) | (50.396.607.469) |
| 16 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | 2.250.000.000 |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.286.832.272) | (2.769.198.570) |
| **20** | **Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh** | | **514.357.698.106** | **(313.527.998.638)** |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ | | (312.620.682.360) | (1.098.582.855.399) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý TSCĐ | | 8.061.368.578 | 102.369.468.743 |
| 23 | Tiền chi thuần cho vay và bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | (361.178.570.547) | (403.803.572.793) |
| 25 | Tiền chi thuần về đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (1.038.214.543.702) | (351.622.955.698) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 656.837.780.476 | 1.316.171.131.691 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia | | 304.112.547.534 | 128.570.601.557 |
| **30** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư** | | **(743.002.100.021)** | **(306.898.181.899)** |

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu/vốn góp của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của cổ đông không kiểm soát) | 25.1 | 30.997.520.000 | 90.744.760.000 |
| 32 | Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (11.040.033.600) | - |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 7.829.761.976.272 | 6.397.432.106.226 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (7.491.753.310.043) | (5.269.702.106.958) |
| 35 | Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | | (50.045.300.681) | (104.177.936.553) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát | | (20.564.250.192) | (22.059.256.358) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | | **287.356.601.756** | **1.092.237.566.357** |
| **50** | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | | **58.712.199.841** | **471.811.385.820** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | | **921.222.811.837** | **450.998.668.270** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 537.882.479 | (1.587.242.253) |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **5** | **980.472.894.157** | **921.222.811.837** |

**Phạm Thi Kim Thanh**
Người lập

**Phạm Thị Thu Hằng**
Kế toán trưởng

**Hoàng Anh Tuấn**
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. Thông tin công ty

Công ty Cổ phần DNP Holding ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004 và giấy GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 ngày 7 tháng 2 năm 2023.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Cổ phần DNP Holding. Việc thay đổi này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 vào ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã chứng khoán là DNP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét, hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.671 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.356 người).

### Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4) như sau:

| | | | Tỷ lệ lợi ích (%) | | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Tên công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | **Công ty con trực tiếp** | | | | | |
| 1. | Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung) | Sản xuất và kinh doanh ống nước | 99,33 | 99,33 | 99,33 | 99,33 |
| 2. | Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp | 51,01 | 51,01 | 51,01 | 51,01 |
| 3. | Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP | Đầu tư vào các Công ty/ dự án nước sạch | 51,15 | 51,15 | 51,15 | 51,15 |
| 4. | Công ty Cổ phần CMC | Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men | 51,14 | 51,14 | 51,14 | 51,14 |



Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 18 công ty con gián tiếp (31 tháng 12 năm 2022: 21) như sau:

| | | | Tỷ lệ lợi ích (%) | | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Tên công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | **Công ty con gián tiếp** | | | | | |
| 1. | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 51,15 | 51,15 | 99,998 | 99,998 |
| 2. | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An (Thuyết minh số 4.2) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | - | 44,06 | - | 87,82 |
| 3. | Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 45,41 | 44,17 | 89,24 | 86,36 |
| 4. | Công ty Cổ phần Bình Hiệp | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 44,95 | 41,65 | 97,04 | 89,38 |
| 5. | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 29,29 | 29,29 | 57,26 | 57,26 |
| 6. | Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 26,94 | 26,94 | 52,68 | 52,68 |
| 7. | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 28,99 | 28,68 | 59,47 | 59,47 |
| 8. | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Châu Thành (Thuyết minh số 4.3) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích | - | 49,13 | - | 96,06 |
| 9. | Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Tiền Giang) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 51,13 | 51,13 | 99,97 | 99,97 |
| 10. | Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 40,28 | 39,15 | 99,93 | 99,93 |
| 11. | Công ty Cổ phần DNP Hawaco | Kinh doanh vật tư ngành nước | 49,67 | 49,67 | 50,00 | 50,00 |
| 12. | Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam | Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện | 49,17 | 39,73 | 99,00 | 80,00 |
| 13. | Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện (Thuyết minh số 4.7) | Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện | - | 39,73 | - | 80,00 |
| 14. | Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa | Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích | 26,34 | 26,34 | 51,51 | 51,51 |

| | | | Tỷ lệ lợi ích (%) | | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Tên công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | **Công ty con gián tiếp (tiếp theo)** | | | | | |
| 15. | Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước | 26,34 | 26,34 | 100,00 | 100,00 |
| 16. | Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa | Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất | 26,34 | 26,34 | **100,00** | **100,00** |
| 17. | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước | Sản xuất và kinh 1. | 43,06 | 43,06 | 84,19 | 84,19 |
| 18. | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình (Thuyết minh số 4.9) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | - | 45,98 | - | 89,90 |
| 19. | Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam | Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải | 34,76 | 34,76 | 70,00 | 70,00 |
| 20. | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT | Hoạt động dịch vụ tài chính | 51,13 | 51,13 | 99,99 | 99,99 |
| 21. | Công ty Cổ phần Nước thô DNP - Sông Tiền | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 51,14 | 51,14 | 99,99 | 99,99 |
| 22. | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh (Thuyết minh số 4.5) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 28,13 | - | 55,00 | - |



Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có sáu (6) công ty liên kết gián tiếp (31 tháng 12 năm 2022: 9) như sau:

| | | | Tỷ lệ lợi ích (%) | | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Tên công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | **Công ty liên kết gián tiếp** | | | | | |
| 1. | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (Thuyết minh số 4.4) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | - | 19,00 | - | 37,15 |
| 2. | Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (Thuyết minh số 4.6) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | - | 12,41 | - | 24,27 |
| 3. | Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 7,32 | 7,32 | 25,01 | 25,01 |
| 4. | Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 7,32 | 7,32 | 25,00 | 25,00 |
| 5. | Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (Thuyết minh số 4.1) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | - | 12,78 | - | 25,00 |
| 6. | Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa (Thuyết minh số 4.8) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích | - | 24,68 | - | 48,25 |
| 7. | Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh | Dịch vụ công ích | 8,75 | 8,75 | 20,33 | 20,33 |
| 8. | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào (Thuyết minh số 4.11) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | - | 22,15 | - | 43,42 |
| 9. | Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 13,37 | 12,78 | 26,35 | 24,99 |
| 10. | Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Thuyết minh số 4.10) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 25,07 | - | 49,02 | - |
| 11. | Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện (Thuyết minh số 4.7) | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 12,17 | - | 24,50 | - |

## 2. Cơ sở trình bày

### 2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.



### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | Chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền. |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## 3.5 Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

## 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 2 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 2 - 30 năm |
| Phương tiện vận tải | 3 - 30 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2 - 20 năm |
| Quyền sử dụng đất | Theo thời gian thuê |
| Chương trình phần mềm | 3 - 8 năm |

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được tính theo thời hạn cho thuê tài sản được nêu trên hợp đồng như sau:

| | |
|---|---|
| Máy móc, thiết bị | 5 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 5 - 10 năm |

## 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

## 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí công cụ, dụng cụ;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Đồng hồ nước;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.



## 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất . Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## 3.11 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

## 3.12 Các khoản đầu tư

**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

**Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư**

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 3.14 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

## 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## 3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

## 3.19 Thuế

**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.20 Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh được chia thành ngành vật liệu xây dựng (ngành nhựa, vật tư và gạch ốp lát) và ngành nước sạch và môi trường trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chủ yếu của Tập đoàn theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



## 4. Các sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm

### 4.1 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình - công ty liên kết

Trong tháng 3 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 4.307.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình cho nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần cùng ngày với tổng giá trị là 57.713.800.000 VND. Sau giao dịch chuyển nhượng này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình.

### 4.2 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP Long An - công ty con

Trong tháng 4 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 24.600.840 cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP Long An cho nhà đầu tư khác theo các Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần với tổng giá trị là 432.236.758.800 VND. Sau giao dịch chuyển nhượng này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP Long An.

### 4.3 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Công trình đô thị Châu Thành - công ty con

Trong tháng 4 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 661.400 cổ phần trong Công ty Cổ phần Công trình đô thị Châu Thành cho nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần cùng ngày với tổng giá trị là 30.714.754.600 VND. Sau giao dịch chuyển nhượng này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Công trình đô thị Châu Thành.

### 4.4 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An - công ty liên kết

Trong tháng 4 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 4.532.440 cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An cho nhà đầu tư khác theo các Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần với tổng giá trị là 90.648.800.000 VND. Sau giao dịch chuyển nhượng này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.

### 4.5 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh - công ty con

Trong tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất mua 4.400.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh với tổng giá trị là 70.837.500.000 VND. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh là 55,00% dẫn đến Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh trở thành công ty con của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh là mua nhóm tài sản. Hoạt động chính của Công ty con này là xây dựng và phát triển nhà máy nước Sơn Thạnh nhằm cung cấp một hệ thống cấp nước sạch tiên tiến tại tỉnh Khánh Hòa.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình thực hiện việc đánh giá chính thức giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty này tại ngày mua. Việc kế toán ban đầu của giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh đang được xác định tạm thời trên báo cáo tài chính hợp nhất, dựa trên giá trị định giá tạm thời của nhóm tài sản tại ngày mua. Tập đoàn sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) khi hoàn thành đánh giá chính thức giá trị hợp lý của tài sản thuần mua về trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua.

**4.6 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau - công ty liên kết**

Trong tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 3.769.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau với tổng giá trị là 53.906.710.000 VND. Sau giao dịch chuyển nhượng này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau.

**4.7 Chuyển nhượng một phần cổ phần trong Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện - công ty con**

Trong tháng 7 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 693.750 cổ phần Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện với tổng giá trị là 6.937.500.000 VND. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện còn lại là 24,50% dẫn đến Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện không còn là công ty con và trở thành công ty liên kết của Tập đoàn từ tháng 7 năm 2023.

**4.8 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa - công ty liên kết**

Trong tháng 8 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 437.247 cổ phần trong Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa với tổng giá trị là 20.651.175.810 VND. Sau giao dịch chuyển nhượng này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa.

**4.9 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình - công ty con**

Trong tháng 10 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 5.394.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình cho nhà đầu tư khác theo các Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần với tổng giá trị là 55.137.468.000 VND. Sau giao dịch chuyển nhượng này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình.

**4.10 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (HOSE: SII) - công ty liên kết**

Trong tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất mua 12.259.200 cổ phần trong SII với tổng giá trị là 263.651.871.840 VND. Theo đó, Tập đoàn sở hữu 19% cổ phần trong SII.

Trong tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất mua bổ sung 19.367.550 cổ phần trong SII với tổng giá trị là 416.031.414.862 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong SII tăng lên thành 49,02%. SII trở thành công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**4.11 Xóa sổ khoản đầu tư Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - công ty liên kết**

Trong tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã xóa sổ toàn bộ giá trị khoản đầu tư trong Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào theo quyết định số 520/2023/QĐ-TPP.



## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 5.836.862.322 | 4.761.681.518 |
| Tiền gửi ngân hàng | 247.463.748.335 | 257.522.867.173 |
| Tương đương tiền (*) | 727.172.283.500 | 658.938.263.146 |
| **TỔNG CỘNG** | **980.472.894.157** | **921.222.811.837** |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi và đầu tư có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng tối đa 6%/năm. Một phần khoản tương đương tiền đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24).

## 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| Tên công ty con | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 325.709.359.310 | 325.709.359.310 | 320.750.932.551 | 320.750.932.551 |
| Các khoản đầu tư khác | - | - | 17.029.496.923 | 17.029.496.923 |
| **Công ty con gián tiếp** | **325.709.359.310** | **325.709.359.310** | **337.780.429.474** | **337.780.429.474** |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng từ 3%/năm đến 7,5%/năm. Một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn giá trị khoảng 288,33 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24).

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Phải thu các bên khác | 1.561.052.493.205 | 1.337.326.760.905 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh ống và phụ kiện | 736.857.918.770 | 721.762.842.059 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng | 465.512.501.989 | 355.941.921.125 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh gạch ốp lát | 236.695.299.820 | 80.067.385.128 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh nước sạch | 45.622.663.995 | 38.712.907.406 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì | 31.154.094.528 | 29.273.550.776 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước | 20.726.057.831 | 85.535.485.589 |
| Khách hàng khác | 24.483.956.272 | 26.032.668.822 |
| Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32) | 9.257.760.000 | 11.660.733.874 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.570.310.253.205** | **1.348.987.494.779** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (128.581.886.840) | (97.537.168.010) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN (*)** | **1.441.728.366.365** | **1.251.450.326.769** |

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản phải thu giá trị khoảng 643 tỷ VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng (Thuyết minh số 24).

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm trên 10% tổng phải thu ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|---|---|---|
| Phải thu từ đối tượng khách hàng 1 | 164.506.674.983 | 161.999.794.943 |
| Phải thu từ đối tượng khách hàng 2 | 162.337.473.006 | 176.509.065.777 |
| Phải thu từ đối tượng khách hàng 3 | 91.917.999.579 | 135.165.754.112 |



## 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Trả trước cho nhà cung cấp khác | 754.638.789.730 | 823.495.489.009 |
| Trả trước cho người bán hoạt động kinh doanh ngành nước | 303.962.904.759 | 221.574.709.478 |
| Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát | 164.615.478.148 | 289.481.680.295 |
| Trả trước cho người bán hoạt động kinh doanh ngành nhựa | 161.319.811.885 | 263.243.291.964 |
| Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước | 121.982.763.355 | 32.621.742.061 |
| Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa | 581.171.300 | 11.648.603.058 |
| Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành gạch ốp lát | - | 2.413.800.000 |
| Các khoản khác | 2.176.660.283 | 2.511.662.153 |
| Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 32) | 63.096.592 | 929.146.861 |
| **TỔNG CỘNG** | **754.701.886.322** | **824.424.635.870** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (3.378.490.389) | (4.264.737.024) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **751.323.395.933** | **820.159.898.846** |

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm trên 10% tổng phải thu ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|---|---|---|
| Trả trước cho nhà cung cấp số 1 | 158.336.517.814 | 196.292.026.624 |
| Trả trước cho nhà cung cấp số 2 | 117.272.929.680 | 177.469.730.350 |
| Trả trước cho nhà cung cấp số 3 | 107.000.000.000 | - |
| Trả trước cho nhà cung cấp số 4 | 106.716.358.074 | 198.226.868.135 |
| Trả trước cho nhà cung cấp số 5 | 60.639.383.376 | 108.056.841.909 |

## 9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Cho vay bên khác (*) | 12.270.000.000 | 187.945.231.000 |
| Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 32) | 339.474.793.000 | 610.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **351.744.793.000** | **188.555.231.000** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (200.000.000) | (810.000.000) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **351.544.793.000** | **187.745.231.000** |

(*) Các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay tín chấp thời hạn tối đa mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất áp dụng thỏa thuận từ 7% - 12%/năm.

## 10. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **2.871.807.115.783** | **1.900.656.583.676** |
| Các bên khác | 2.871.165.368.914 | 1.896.884.097.169 |
| Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*) | 1.888.309.661.521 | 1.531.650.807.995 |
| Phải thu liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu (**) | 706.947.847.222 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay | 111.218.795.008 | 112.890.511.918 |
| Ký quỹ, ký cược | 53.441.110.432 | 24.041.483.564 |
| Các khoản tạm ứng | 36.328.442.672 | 59.116.387.990 |
| Đặt cọc mua cổ phần | - | 145.844.511.400 |
| Phải thu khác | 74.919.512.059 | 23.340.394.302 |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 32) | 641.746.869 | 3.772.486.507 |
| **Dài hạn** | **191.230.511.457** | **342.049.741.177** |
| Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*) | 150.333.156.855 | 297.648.567.814 |
| Ký quỹ, ký cược | 14.811.703.808 | 21.954.150.130 |
| Thuế GTGT của tài sản cố định thuê tài chính | 4.641.371.319 | 8.164.315.738 |
| Phải thu khác | 21.444.279.475 | 14.282.707.495 |
| **TỔNG CỘNG** | **3.063.037.627.240** | **2.242.706.324.853** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (1.050.846.167) | (2.958.462.712) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **3.061.986.781.073** | **2.239.747.862.141** |

(*) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác doanh nghiệp, lợi nhuận được chia cho các bên theo tỷ lệ thỏa thuận tại thời điểm thanh lý hợp đồng. Các khoản này được đảm bảo bằng cổ phần của một bên liên quan.

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Công ty đang được nắm giữ bởi AEP II Holdings Pte. Ltd. (Thuyết minh số 23, Thuyết minh số 24.6).



## 11. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| **Tên công ty con** | **Giá gốc** | **Dự phòng** | **Giá gốc** | **Dự phòng** |
| Nguyên liệu, vật liệu | 571.432.272.499 | (4.809.948.630) | 552.193.673.700 | (5.885.441.599) |
| Thành phẩm | 529.425.736.283 | (2.093.782.218) | 577.276.076.507 | (6.942.294.192) |
| Hàng hóa | 219.889.390.874 | (7.347.141.651) | 203.238.018.886 | (215.661.756) |
| Công cụ dụng cụ | 113.714.796.842 | (18.917.132) | 88.169.963.351 | (4.005.531) |
| Hàng mua đang đi đường | 61.392.169.071 | - | 28.094.440.275 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 8.946.547.163 | – | 18.039.248.477 | - |
| Hàng gửi đi bán | 12.732.163.541 | - | 33.639.762.795 | - |
| **TỔNG CỘNG (*)** | **1.517.533.076.273** | **(14.269.789.631)** | **1.500.651.183.991** | **(13.047.403.078)** |

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho giá trị khoảng 621 tỷ VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | (13.047.403.078) | (17.314.198.706) |
| (Trích lập) hoàn nhập dự phòng trong năm | (1.222.386.553) | 4.266.795.628 |
| Số cuối năm | (14.269.789.631) | (13.047.403.078) |

## 12. Chi phí trả trước

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **24.623.868.488** | **16.897.224.367** |
| Chi phí nước mua buôn | 5.041.559.520 | - |
| Thuê văn phòng, kho | 4.975.556.861 | 4.721.474.916 |
| Công cụ, dụng cụ | 4.655.992.508 | 4.717.107.373 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 1.181.655.949 | 481.808.703 |
| Chi phí khác | 8.769.103.650 | 6.976.833.375 |
| **Dài hạn** | **129.008.282.911** | **141.266.739.624** |
| Chi phí sửa chữa tài sản và thay thế đồng hồ nước định kỳ | 51.593.865.744 | 47.092.035.432 |
| Công cụ, dụng cụ | 39.111.399.802 | 49.918.215.369 |
| Chi phí thuê biển quảng cáo | 23.783.978.934 | 23.581.057.977 |
| Chi phí khác | 14.519.038.431 | 20.675.430.846 |
| **TỔNG CỘNG** | **153.632.151.399** | **158.163.963.991** |

## 13. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | | |
| Số đầu năm | 1.982.793.593.348 | 3.127.027.317.653 | 3.944.880.080.725 | 26.217.713.924 | 9.080.918.705.650 |
| Mua mới trong năm | 1.229.215.489 | 44.038.142.795 | 14.787.013.251 | 538.669.806 | 60.593.041.341 |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | 212.814.163.946 | 33.007.986.319 | 100.465.342.975 | 8.223.919.493 | 354.511.412.733 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | - | 954.023.637 | 53.790.909 | 1.007.814.546 |
| Mua lại tài sản thuê tài chính | - | 73.121.225.674 | 2.354.197.209 | - | 75.475.422.883 |
| **Thanh lý, nhượng bán** | (83.500.373) | (8.851.218.739) | (15.671.741.808) | (301.176.413) | (24.907.637.333) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (356.822.635.878) | (160.216.921.814) | (531.951.215.674) | (2.089.961.702) | (1.051.080.735.068) |
| Giảm khác | (294.244.323) | (254.096.804) | (955.895.144) | | (1.504.236.271) |
| Số cuối năm | 1.839.636.592.209 | 3.107.872.435.084 | 3.514.861.805.171 | 32.642.956.017 | 8.495.013.788.481 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 334.974.224.909 | 1.198.974.421.534 | 379.035.063.797 | 8.252.771.420 | 1.921.236.481.660 |
| **Giá trị khấu hao lũy kế** | | | | | |
| Số đầu năm | (870.990.637.881) | (1.766.448.164.330) | (1.299.589.243.112) | (14.483.419.159) | (3.951.511.464.482) |
| Khấu hao trong năm | (103.237.748.244) | (254.921.179.038) | (170.804.269.985) | (3.518.475.570) | (532.481.672.837) |
| Mua lại tài sản thuê tài chính | - | (38.183.816.846) | (971.815.857) | - | (39.155.632.703 ) |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | - | (445.211.032) | (8.068.635) | (453.279.667) |
| Thanh lý, nhượng bán | 83.500.373 | 3.376.320.587 | 12.810.148.356 | 301.176.413 | 16.571.145.729 |
| Giảm do thoái vốn công ty con | 27.196.188.943 | 41.272.749.566 | 55.558.109.884 | 763.094.200 | 124.790.142.593 |
| Giảm khác | 14.712.216 | 250.472.161 | 517.485.499 | - | 782.669.876 |
| **Số cuối năm** | (946.933.984.593) | (2.014.653.617.900) | (1.402.924.796.247) | (16.945.692.751) | (4.381.458.091.491) |
| **Giá trị còn lại** | | | | | |
| Số đầu năm | 1.111.802.955.467 | 1.360.579.153.323 | 2.645.290.837.613 | 11.734.294.765 | 5.129.407.241.168 |
| Số cuối năm | 892.702.607.616 | 1.093.218.817.184 | 2.111.937.008.924 | 15.697.263.266 | 4.113.555.696.990 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định giá trị còn lại là 2.857.530.024.111 VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24).

## 14. Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

| | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | |
| Số đầu năm | 228.160.688.062 | 14.526.369.839 | 242.687.057.901 |
| Thuê mới trong năm | 1.206.527.119 | - | 1.206.527.119 |
| Mua lại tài sản thuê tài chính | (72.417.423.591) | (3.057.999.292) | (75.475.422.883) |
| Số cuối năm | 156.949.791.590 | 11.468.370.547 | 168.418.162.137 |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết | 732.500.000 | | 732.500.000 |
| **Giá trị khấu hao lũy kế** | | | |
| Số đầu năm | (46.815.092.229) | (5.358.607.421) | (52.173.699.650) |
| Khấu hao trong năm | (16.865.772.964) | (1.446.243.430) | (18.312.016.394) |
| Mua lại tài sản thuê tài chính | 37.772.211.614 | 1.383.421.089 | 39.155.632.703 |
| Số cuối năm | (25.908.653.579) | (5.421.429.762) | (31.330.083.341) |
| **Giá trị còn lại** | | | |
| Số đầu năm | 181.345.595.833 | 9.167.762.418 | 190.513.358.251 |
| Số cuối năm | 131.041.138.011 | 6.046.940.785 | 137.088.078.796 |

## 15. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm | Khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | |
| Số đầu năm | 1.724.956.483.117 | 18.120.421.244 | 18.189.997.689 | 1.761.266.902.050 |
| Mua mới trong năm | - | 6.130.818.182 | - | 6.130.818.182 |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | - | 805.865.000 | - | 805.865.000 |
| Giảm do thoái vốn ở công ty con | (894.800.000) | (595.000.000) | - | (1.489.800.000) |
| Số cuối năm | 1.724.061.683.117 | 24.462.104.426 | 18.189.997.689 | 1.766.713.785.232 |
| Trong đó: | | | | |
| Đã khấu hao hết | - | 3.292.864.644 | 4.217.452.990 | 7.510.317.634 |
| **Giá trị khấu hao lũy kế** | | | | |
| Số đầu năm | (91.255.669.324) | (8.631.267.749) | (6.843.975.701) | (106.730.912.774) |
| Khấu hao trong năm | (48.183.117.363) | (2.817.161.528) | (1.505.579.558) | (52.505.858.449) |
| Giảm do thoái vốn ở công ty con | - | 170.222.783 | - | 170.222.783 |
| Số cuối năm | (139.438.786.687) | (11.278.206.494) | (8.349.555.259) | (159.066.548.440) |
| **Giá trị còn lại** | | | | |
| Số đầu năm | 1.633.700.813.793 | 9.489.153.495 | 11.346.021.988 | 1.654.535.989.276 |
| Số cuối năm | 1.584.622.896.430 | 13.183.897.932 | 9.840.442.430 | 1.607.647.236.792 |



## 16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

| | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 757.797.505.713 | 427.990.700.595 |
| Mua trong năm | 207.248.131.490 | 992.269.714.615 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 89.332.663.425 | - |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (354.511.412.733) | (570.203.713.808) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (216.395.308.595) | (17.888.012.971) |
| Chuyển sang chi phí trả trước | (5.255.298.429) | (4.910.346.448) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (805.865.000) | - |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | (31.770.000.000) |
| Bán cho công ty cho thuê tài chính | - | (25.786.775.690) |
| Giảm khác | (8.089.855.005) | (11.904.060.580) |
| Số cuối năm | 469.320.560.866 | 757.797.505.713 |

Trong đó:

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Mua sắm tài sản cố định** | **68.711.086.040** | **56.818.207.437** |
| Máy móc thiết bị | 68.711.086.040 | 56.818.207.437 |
| **Xây dựng cơ bản** | **400.609.474.826** | **700.979.298.276** |
| Nhà máy nước tại Bắc Giang | 199.572.527.715 | 184.673.917.171 |
| Nhà máy nước Sơn Thạnh | 90.389.408.033 | - |
| Dự án CMC Việt Trì | 62.134.336.113 | 43.344.881.786 |
| Đường ống nước tại Bình Thuận | - | 47.664.814.819 |
| Nhà máy nước tại Quảng Bình | - | 202.028.570.596 |
| Nhà máy nước tại Long An | - | 172.450.476.180 |
| Các công trình khác | 48.513.202.965 | 50.816.637.724 |
| **TỔNG CỘNG** | **469.320.560.866** | **757.797.505.713** |

# 17. Đầu tư tài chính dài hạn

## 17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

| | Giá trị |
|---|---|
| **Giá gốc đầu tư:** | |
| Số đầu năm | 334.852.384.995 |
| Tăng trong năm | 682.745.786.701 |
| Giảm trong năm | (193.557.702.644) |
| Số cuối năm | 824.040.469.052 |
| **Phần lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:** | |
| Số đầu năm | 21.607.084.071 |
| Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm | 5.413.975.285 |
| Giảm trong năm | (13.619.102.252) |
| Số cuối năm | 13.401.957.104 |
| **Giá trị còn lại** | |
| Số đầu năm | 356.459.469.066 |
| Số cuối năm | 837.442.426.156 |

## 17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | |
|---|---|---|---|---|
| | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%) | Giá gốc (VND) | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%) | Giá gốc (VND) |
| Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Bình Thuận (Dự án KDC Hùng Vương) | 7,13 | 2.020.420.260 | 7,13 | 2.020.420.260 |
| Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam - CTCP | 0,03 | 1.836.000.000 | 0,03 | 1.836.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cần Đước | - | - | 99,80 | 19.966.244.620 |
| **TỔNG CỘNG** | | 3.856.420.260 | | 23.822.664.880 |



## 17.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Trái phiếu (*) | 22.600.000.000 | 22.600.000.000 | 28.100.000.000 | 28.100.000.000 |
| Các khoản đầu tư khác | 180.000.000 | 180.000.000 | 1.930.400.000 | 1.930.400.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **22.780.000.000** | **22.780.000.000** | **30.030.400.000** | **30.030.400.000** |

(*) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn trên một (1) năm với lãi suất từ 4,8% đến 7,6% hoặc lãi suất tham chiếu cộng (+) 0,8% hoặc 0,9% được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24).

# 18. Lợi thế thương mại

Đơn vị tính: VND

| | Giá trị |
|---|---|
| **Nguyên giá** | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 519.854.628.837 |
| Giá trị phân bổ lũy kế | |
| Số đầu năm | (257.256.895.482) |
| Phân bổ trong năm | (51.974.578.605) |
| Số cuối năm | (309.231.474.087) |
| **Giá trị còn lại** | |
| Số đầu năm | 262.597.733.355 |
| Số cuối năm | 210.623.154.750 |

# 19. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **968.912.918.321** | **1.302.711.720.775** |
| Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh | 880.291.256.974 | 1.202.178.349.446 |
| Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh ngành nhựa | 486.835.202.713 | 666.422.502.797 |
| Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát | 343.048.275.883 | 439.816.807.491 |
| Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước | 33.579.971.686 | 48.131.504.274 |
| Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước | 16.827.806.692 | 47.807.534.884 |
| Phải trả cho người bán phục vụ mua sắm tài sản cố định | 51.411.439.050 | 75.036.738.474 |
| Phải trả cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước | 48.205.658.260 | 74.629.499.188 |
| Phải trả cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa | 3.205.780.790 | 407.239.286 |
| Phải trả cho người bán khác | 20.995.797.595 | 22.196.632.855 |

## 19. Phải trả người bán ngắn hạn (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 32) | 16.214.424.702 | 3.300.000.000 |
| **Dài hạn** | **1.311.643.977** | **36.211.893.420** |
| Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh | 1.311.643.977 | 36.211.893.420 |
| Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh và mua sắm TSCĐ ngành nước | 1.311.643.977 | 17.715.240.220 |
| Phải trả cho người bán - Mua sắm TSCĐ ngành nhựa | - | 10.299.572.000 |
| Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa | - | 8.197.081.200 |
| **TỔNG CỘNG** | **970.224.562.298** | **1.338.923.614.195** |

Chi tiết các khoản phải trả người bán chiếm trên 10% tổng phải trả ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|---|---|---|
| **Phải trả cho một tổ chức tín dụng** | **55.742.073.600** | **194.390.453.566** |

## 20. Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **24.251.626.769** | **68.254.463.810** |
| Ứng trước tiền mua ống nhựa và phụ kiện ngành nước | 8.070.939.991 | 23.548.740.756 |
| Ứng trước tiền cung cấp nước sạch | 7.178.000.255 | 7.797.179.321 |
| Ứng trước tiền mua nhựa công nghiệp và gia dụng | 4.554.933.162 | 2.325.652.947 |
| Ứng trước tiền mua gạch ốp lát | 2.381.301.649 | 29.183.310.940 |
| Ứng trước tiền khác | 2.066.451.712 | 5.399.579.846 |
| **Dài hạn** | **54.154.131.396** | **47.800.121.020** |
| Ứng trước tiền cung cấp nước sạch | 33.782.573.400 | 33.869.636.818 |
| Ứng trước tiền bên liên quan (Thuyết minh số 32) | 20.371.557.996 | 13.930.484.202 |
| **TỔNG CỘNG** | **78.405.758.165** | **116.054.584.830** |

Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước chiếm trên 10% tổng người mua trả tiền trước:

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|---|---|---|
| Đối tượng khách hàng số 1 | 5.088.545.779 | 11.204.332.103 |
| Đối tượng khách hàng số 2 | - | 27.244.273.000 |
| Đối tượng khách hàng số 3 | - | 13.930.484.202 |
| Đối tượng khách hàng số 4 | - | 8.899.146.794 |



## 21. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu nhà nước

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | Số phải thu trong năm | Số đã thu trong năm | Thoái vốn công ty con | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **Phải thu** | | | | | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 11.602.936.930 | 2.078.032.226 | (13.597.879.513) | - | 83.089.643 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.207.987.607 | 5.037.403.532 | (4.713.162.305) | - | 2.532.228.834 |
| Thuế giá trị gia tăng | 576.608.819 | 11.719.970.637 | (10.691.265.459) | - | 1.605.313.997 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 242.227.575 | - | (242.227.575) | - | - |
| Các loại thuế khác | 164.551.701 | 259.071.551 | (410.919.902) | - | 12.703.350 |
| **TỔNG CỘNG** | **14.794.312.632** | **19.094.477.946** | **(29.655.454.754)** | - | **4.233.335.824** |

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Thoái vốn công ty con | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **Phải nộp** | | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 78.717.916.983 | 98.146.004.343 | (95.939.054.748) | (704.684.011) | 80.220.182.567 |
| Thuế giá trị gia tăng | 4.932.599.804 | 98.751.384.308 | (81.906.637.099) | (572.443.936) | 21.204.903.077 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.082.870.713 | 10.696.639.524 | (10.123.520.898) | (21.692.286) | 1.634.297.053 |
| Thuế tài nguyên | 370.757.570 | 4.522.213.915 | (4.476.264.065) | (49.542.560) | 367.164.860 |
| Các loại thuế khác | 10.762.456.749 | 55.410.497.298 | (48.649.915.087) | (2.097.500.791) | 15.425.538.169 |
| **TỔNG CỘNG** | **95.866.601.819** | **267.526.739.388** | **(241.095.391.897)** | **(3.445.863.584)** | **118.852.085.726** |

## 22. Chi phí phải trả ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 82.097.230.772 | 105.574.280.542 |
| Chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư (*) | 21.000.000.000 | 31.500.000.000 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 15.953.095.950 | 10.472.623.583 |
| Trích trước lương tháng 13 | 12.167.905.113 | 10.596.069.535 |
| Cước vận chuyển | 2.419.736.961 | 1.504.823.294 |
| Các khoản phải trả khác | 17.896.877.885 | 20.165.781.570 |
| **TỔNG CỘNG** | **151.534.846.681** | **179.813.578.524** |

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể hoặc khi các bên quyết toán các khoản đầu tư.

## 23. Phải trả khác

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **602.002.870.582** | **438.287.809.529** |
| Phải trả liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu (**) | 288.000.000.000 | - |
| Lãi vay phải trả | 189.923.923.289 | 166.542.575.933 |
| Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*) | 58.973.900.000 | 75.161.900.000 |
| Phải trả đại lý tiền chiết khấu đặt cọc | 18.512.845.902 | 26.591.881.829 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 7.500.000.000 | 18.000.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 4.139.902.758 | 3.658.189.970 |
| Phải trả cổ tức | 2.294.124.636 | 2.292.792.921 |
| Phải trả từ nhận đặt cọc mua bán cổ phần (**) | - | 100.000.000.000 |
| Phải trả khác | 32.658.173.997 | 46.040.468.876 |
| **Dài hạn** | **1.625.080.875.266** | **1.526.263.845.128** |
| Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*) | 908.500.000.000 | 1.129.679.000.000 |
| Phải trả liên quan đến chuyển nhượng trái phiếu (**) | 456.700.000.000 | 100.000.000.000 |
| Lãi vay phải trả | 160.518.428.519 | 172.765.012.119 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 8.143.089.359 | 5.246.748.359 |
| Phải trả khác | 91.219.357.388 | 118.573.084.650 |
| **TỔNG CỘNG** | **2.227.083.745.848** | **1.964.551.654.657** |

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi 2 bên quyết toán các khoản đầu tư.

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến việc chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi phát hành cho AEP II HOLDINGS PTE. LTD., (Thuyết minh số 24.6)



## 24. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| **Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn** | **4.138.443.683.104** | **3.982.590.534.962** |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.1) | 2.891.321.387.226 | 2.449.150.599.702 |
| Trái phiếu ngắn hạn (Thuyết minh số 24.2) | 50.000.000.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.3) | 299.021.014.061 | 303.984.776.787 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4) | 36.848.281.838 | 48.106.312.519 |
| Các khoản nợ khác đến hạn trả (Thuyết minh số 24.5) | 31.535.292.913 | - |
| Nợ trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.6) | 829.717.707.066 | 1.181.348.845.954 |
| **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** | **3.254.612.161.324** | **3.769.647.764.949** |
| Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.3) | 1.346.086.021.135 | 2.100.405.403.987 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 24.4) | 40.708.011.376 | 65.594.941.764 |
| Các khoản nợ khác (Thuyết minh số 24.5) | 548.464.707.087 | - |
| Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24.6) | 1.319.353.421.726 | 1.603.647.419.198 |
| **TỔNG CỘNG** | **7.393.055.844.428** | **7.752.238.299.911** |

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 7.752.238.299.911 | 7.276.634.477.340 |
| Vay trong năm | 7.529.761.976.272 | 5.910.136.876.866 |
| Phát hành trái phiếu dài hạn (Bao gồm: Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu) | 320.419.837.540 | 550.889.443.715 |
| Tăng do thuê tài chính | 15.001.493.637 | - |
| Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu | (446.127.946) | (23.815.909.091) |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | (50.045.300.681) | - |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (683.286.729.719) | (47.823.000.248) |
| Trả nợ gốc vay | (7.491.753.310.043) | (5.351.380.043.511) |
| Giảm do chuyển đổi vay thành vốn cổ phần ở Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (Thuyết minh số 25.1) | - | (562.161.900.000) |
| Khác | 1.165.705.457 | (241.645.160) |
| Số cuối năm | 7.393.055.844.428 | 7.752.238.299.911 |

Các khoản vay và trái phiếu này chịu lãi suất theo thông báo của bên cho vay từng thời điểm.

# 24. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

## 24.1 Vay ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành thư tín dụng, phát hành bảo lãnh chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

| Tên đối tượng | Số cuối năm | Thời hạn thanh toán | Tài sản đảm bảo |
|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 1.076.684.088.137 | Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng | Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, khoản phải thu, trái phiếu, hàng tồn kho, tài sản cố định, |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 568.553.659.518 | Theo từng khế ước nhận nợ | Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, tài sản cố định, tài sản hình thành trong tương lai |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 256.544.758.973 | Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng | Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | 191.899.937.352 | 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng | Các khoản phải thu |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 190.170.781.297 | Theo từng khế ước nhận nợ | Hàng tồn kho |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 159.324.091.259 | Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng | Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, tài sản cố định, tài sản hình thành trong tương lai |
| Ngân hàng Maybank Việt Nam | 132.394.710.490 | Theo từng khế ước nhận nợ | Tín chấp |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 96.542.202.345 | Theo từng khế ước nhận nợ | Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, khoản phải thu, trái phiếu, hàng tồn kho, tài sản cố định, |
| Ngân hàng SinoPac | 59.988.878.662 | 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng | Tín chấp |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | 53.647.458.975 | Theo từng khế ước nhận nợ | Tín chấp |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 48.141.603.747 | Theo từng khế ước nhận nợ | Tín chấp |
| Khoản vay cá nhân và tổ chức khác | 57.429.216.471 | Theo từng khế ước nhận nợ | Tín chấp |
| **TỔNG CỘNG** | **2.891.321.387.226** | | |





## 24.2 Trái phiếu ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

| Tổ chức thu xếp phát hành/ trái chủ | Kỳ hạn | Lãi suất | Số cuối năm | Mục đích | Tài sản đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect | Ngày 26 tháng 12 năm 2024 | 11% | 50.000.000.000 | Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh | Cổ phần của công ty tại một số công ty con và các công ty liên kết |

## 24.3 Vay dài hạn

| Tên đối tượng | Số cuối năm (VND) | Thời hạn thanh toán | Mục đích | Tài sản đảm bảo |
|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 793.893.683.335 | 24 tháng đến 162 tháng | Đầu tư xây dựng cơ bản và tài sản cố định | Nhà xưởng, máy móc, thiết bị, cổ phiếu, tài sản hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam | 225.372.623.947 | Từ 20 năm đến 25 năm | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất |
| Bộ Tài chính | 212.696.840.795 | 25 năm | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 168.392.750.030 | 36 tháng | Đầu tư tài sản cố định | Phương tiện vận tải được hình thành từ vốn vay |
| Quỹ Đầu tư và Phát triển | 82.609.041.613 | 120 tháng | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tín chấp |
| Ngân sách tỉnh Bình Thuận | 41.979.752.862 | 15 năm | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tín chấp |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | 37.064.420.643 | 60 tháng | Đầu tư tài sản cố định | Máy móc và thiết bị được hình thành từ vốn vay |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 24.271.407.549 | Từ 48 tháng đến 84 tháng | Đầu tư xây dựng cơ bản | Hợp đồng tiền gửi |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 11.867.623.976 | Từ 60 tháng đến 120 tháng | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tài sản cố định, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai, hàng hóa luân chuyển |
| Các cá nhân, tổ chức khác | 46.958.890.446 | Từ 13 tháng đến 240 tháng | Đầu tư xây dựng cơ bản, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh | Tài sản cố định, tài sản hình thành từ vốn vay |
| **TỔNG CỘNG** | **1.645.107.035.196** | | | |
| Trong đó: | | | | |
| Đến hạn trả | 299.021.014.061 | | | |
| Vay dài hạn | 1.346.086.021.135 | | | |

# 24. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

## 24.4 Nợ thuê tài chính

Tập đoàn hiện đang thuê máy móc, thiết bị, khuôn và các tài sản khác phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công ty con | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu | Lãi thuê tài chính | Nợ gốc | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu | Lãi thuê tài chính | Nợ gốc |
| **Nợ thuê tài chính ngắn hạn** | | | | | | |
| Từ 1 năm trở xuống | 42.574.638.773 | 5.726.356.935 | 36.848.281.838 | 55.396.580.046 | 7.290.267.527 | 48.106.312.519 |
| **Nợ thuê tài chính dài hạn** | | | | | | |
| Trên 1 - 5 năm | 43.919.331.213 | 3.211.319.837 | 40.708.011.376 | 71.496.313.635 | 5.901.371.871 | 65.594.941.764 |
| **TỔNG CỘNG** | **86.493.969.986** | **8.937.676.772** | **77.556.293.214** | **126.892.893.681** | **13.191.639.398** | 113.701.254.283 |

## 24.5 Các khoản nợ khác

Trong năm, Tập đoàn đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng tài sản phát sinh trong tương lai với một đối tác doanh nghiệp. Theo hợp đồng, Tập đoàn nhận trước khoản tiền và sẽ thanh toán lại trong tương lai bằng tiền thu được từ các hoạt động bán nước sạch. Ban Tổng Giám đốc cho rằng các hoạt động này bản chất là giao dịch tài chính, do đó ghi nhận các khoản nhận trước như một khoản nợ, phần chênh lệch giữa tổng khoản thanh toán trong tương lai và khoản tiền nhận trước được xem là chi phí lãi. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công ty con | Tổng khoản thanh toán trong tương lai | Lãi | Nợ gốc | Tổng khoản thanh toán trong tương lai | Lãi | Nợ gốc |
| **Nợ đến hạn trả** | | | | | | |
| Từ 1 năm trở xuống | 76.550.000.000 | 45.014.707.088 | 31.535.292.913 | - | - | - |
| **Nợ dài hạn** | | | | | | |
| Trên 1 - 12 năm | 830.440.000.000 | 281.975.292.912 | 548.464.707.087 | - | - | - |
| **TỔNG CỘNG** | **906.990.000.000** | **326.990.000.000** | **580.000.000.000** | - | - | - |





## 24.6 Trái phiếu dài hạn

| Tổ chức thu xếp phát hành/ trái chủ | Kỳ hạn | Lãi suất | Số cuối năm (VND) | Mục đích | Tài sản đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect | Từ 2 đến 5 năm | Từ 10% đến 11% | 1.290.195.888.881 | Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh - đầu tư | Cổ phần của công ty tại một số công ty con và các công ty liên kết |
| AEP II HOLDINGS PTE. LTD., (*) | 5 năm | 5% | 456.700.000.000 | Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh | Cổ phần của một số cổ đông tại công ty và cổ phần của công ty tại công ty con |
| Ngân hàng TMCP Việt Á | 3 năm | 11% | 203.615.239.911 | Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh | Cổ phần tại các công ty con |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 5 năm | 12,3% | 198.560.000.000 | Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh | Cổ phần tại một số công ty con |
| **TỔNG CỘNG** | | | **2.149.071.128.792** | | |
| Trong đó: | | | | | |
| Đến hạn trả | | | 829.717.707.066 | | |
| Vay dài hạn | | | 1.319.353.421.726 | | |

(*) Công ty và AEP II Holdings Pte. Ltd. đã ký Phụ lục hợp đồng số 1 của Thỏa thuận mua Trái phiếu chuyển đổi về việc Công ty có thể tìm đối tác để mua lại trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Công ty đang được nắm giữ bởi AEP II Holdings Pte. Ltd.

Công ty và một đối tác đã ký Hợp đồng đặt mua trái phiếu doanh nghiệp và phụ lục hợp đồng, theo đó đối tác sẽ thực hiện mua lại trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Công ty đang được nắm giữ AEP II Holdings Pte. Ltd và sẽ thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu này thành cổ phiếu của Công ty. (Thuyết minh số 23)

Công ty và AEP II Holdings Pte. Ltd. đã ký Phụ lục hợp đồng số 2, gia hạn thời hạn đáo hạn của trái phiếu và yêu cầu Công ty hoặc đối tác mua lại trái phiếu phải thanh toán chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc chuyển nhượng trái phiếu trên.

# 25. Vốn chủ sở hữu

## 25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của cổ đông | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Năm trước** | | | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.189.099.130.000 | 270.786.128.816 | 45.780.003.942 | (28.342.000) | 25.546.900.231 | 3.595.714.832 | 2.381.392.176.614 | 3.916.171.712.435 |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - | 90.744.760.000 | 90.744.760.000 |
| Tăng do chuyển đổi vay thành vốn cổ phần (*) | - | - | - | - | - | - | 562.161.900.000 | 562.161.900.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 4.386.788.030 | 90.465.360.464 | 94.852.148.494 |
| Chia cổ tức bằng tiền | - | - | - | - | - | - | (12.130.526.345) | (12.130.526.345) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác | - | - | - | - | - | (409.805.210) | (530.572.846) | (940.378.056) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 5.554.049.403 | (5.554.049.403) | - | - |
| Thoái vốn công ty con | - | - | - | - | (3.174.492.465) | 3.590.520.113 | (191.401.421.863) | (190.985.394.215) |
| Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con | - | - | - | - | (7.842.055.091) | (4.825.540.158) | 114.667.595.249 | 102.000.000.000 |
| Khác | - | 61.776.664 | - | - | - | 761.857.712 | (1.811.456.841) | (987.822.465) |
| Số cuối năm | 1.189.099.130.000 | 270.847.905.480 | 45.780.003.942 | (28.342.000) | 20.084.402.078 | 1.545.485.916 | 3.033.557.814.432 | 4.560.886.399.848 |

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của cổ đông | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Năm nay** | | | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.189.099.130.000 | 270.847.905.480 | 45.780.003.942 | (28.342.000) | 20.084.402.078 | 1.545.485.916 | 3.033.557.814.432 | 4.560.886.399.848 |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - | 30.997.520.000 | 30.997.520.000 |
| Tăng do hợp nhất công ty con | - | - | - | - | - | - | 59.207.320.240 | 59.207.320.240 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 40.455.392.251 | 87.479.183.266 | 127.934.575.517 |
| Chia cổ tức bằng tiền | - | - | - | - | - | - | (20.572.701.082) | (20.572.701.082) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | (470.159.098) | (1.072.037.637) | (1.542.196.735) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 1.009.034.282 | (1.009.034.282) | - | - |
| Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | (17.580.103.436) | 17.580.103.436 | - | - |
| Thoái vốn công ty con | - | - | - | - | - | (933.302.620) | (66.023.889.194) | (66.957.191.814) |
| Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con | - | - | - | - | - | 2.549.909.651 | (33.379.694.051) | (30.829.784.400) |
| Khác | - | - | - | - | - | 865.014.007 | (1.490.586.448) | (625.572.441) |
| Số cuối năm | 1.189.099.130.000 | 270.847.905.480 | 45.780.003.942 | (28.342.000) | 3.513.332.924 | 60.583.409.261 | 3.088.702.929.526 | 4.658.498.369.133 |

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP đã hoàn thành việc phát hành 56.216.190 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông International Finance Corporation thực hiện chuyển đổi khoản vay với số tiền 562.161.900.000 VND.

# 25. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

## 25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Vốn cổ phần** | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 1.189.099.130.000 | 1.189.099.130.000 |

## 25.3 Cổ phiếu phổ thông

Đơn vị tính: VND

| | Số lượng cổ phiếu | |
|---|---|---|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| **Cổ phiếu đã đăng ký phát hành** | 118.909.913 | 118.909.913 |
| **Cổ phiếu đã bán ra công chúng** | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 118.909.913 | 118.909.913 |
| **Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)** | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 8.810 | 8.810 |
| **Cổ phần đang lưu hành** | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 118.901.103 | 118.901.103 |

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

## 25.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 40.455.392.251 | 4.386.788.030 |
| **Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)** | 40.455.392.251 | 4.386.788.030 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 118.901.103 | 118.901.103 |
| **Lãi trên cổ phiếu (VND)** | | |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND) | 340 | 37 |
| Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (*) (Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND) | 340 | 37 |

(*) Khoản trái phiếu chuyển đổi của Công ty sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu trước ngày 30 tháng 6 năm 2024 có thể có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong tương lai nhưng chưa được đưa vào tính lãi suy giảm trên cổ phiếu ở trên vì các công cụ này có tác động suy giảm ngược cho các năm được trình bày.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.



# 26. Doanh thu

## 26.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Tổng doanh thu** | **7.769.672.257.671** | **7.752.284.820.719** |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa | 7.678.221.856.595 | 7.655.074.577.905 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 61.290.333.219 | 64.361.339.760 |
| Doanh thu khác | 30.160.067.857 | 32.848.903.054 |
| **Trừ:** | **190.261.104.554** | **59.435.327.216** |
| Chiết khấu thương mại | 180.147.480.861 | 45.316.601.978 |
| Giảm giá hàng bán | 1.657.122.840 | 3.373.531.506 |
| Hàng bán trả lại | 8.456.500.853 | 10.745.193.732 |
| **DOANH THU THUẦN** | **7.579.411.153.117** | **7.692.849.493.503** |

## 26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 296.523.073.466 | 203.942.904.659 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 279.223.615.994 | 289.255.085.443 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 12.934.201.609 | 11.894.897.392 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.728.412.088 | 6.220.818.481 |
| **TỔNG CỘNG** | **592.409.303.157** | **511.313.705.975** |

# 27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 6.188.965.670.512 | 6.335.278.981.206 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 53.765.489.501 | 54.688.757.489 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (875.711.620) | (150.497.347) |
| Giá vốn khác | 15.593.026.983 | 17.978.263.727 |
| **TỔNG CỘNG** | **6.257.448.475.376** | **6.407.795.505.075** |

## 28. Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 658.318.044.478 | 619.346.322.003 |
| Chi phí chuyển nhượng các khoản đầu tư | 45.160.983.977 | - |
| Chi phí hợp tác đầu tư | 28.898.759.722 | 43.063.631.923 |
| Phí thư tín dụng | 21.857.745.137 | 5.147.471.488 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 9.940.966.919 | 19.703.315.164 |
| Lỗ do thoái vốn các khoản đầu tư tài chính | 7.826.681.850 | 47.860.174.354 |
| Chi phí tài chính khác | 36.440.217.752 | 37.259.133.157 |
| **TỔNG CỘNG** | **808.443.399.835** | **772.380.048.089** |

## 29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Chi phí bán hàng** | **475.804.884.772** | **444.843.263.796** |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 238.320.800.207 | 217.602.492.677 |
| Chi phí nhân viên | 133.267.341.768 | 131.676.301.045 |
| Chi phí khấu hao | 30.094.227.502 | 27.771.639.775 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 22.404.634.470 | 14.070.792.854 |
| Chi phí bảo hành | 5.172.896.826 | 4.506.468.668 |
| Chi phí khác | 46.544.983.999 | 49.215.568.777 |
| **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | **442.837.070.749** | **434.151.250.448** |
| Chi phí nhân viên quản lý | 186.614.511.697 | 189.675.557.749 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 88.822.419.603 | 97.269.230.217 |
| Lợi thế thương mại phân bổ (Thuyết minh số 18) | 51.974.578.605 | 52.425.804.033 |
| Chi phí dự phòng | 32.540.284.379 | 17.808.792.000 |
| Chi phí khấu hao | 21.341.828.818 | 20.191.008.320 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 6.564.144.040 | 8.406.364.375 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.859.063.146 | 4.167.621.781 |
| Chi phí khác | 52.120.240.461 | 44.206.871.973 |
| **TỔNG CỘNG** | **918.641.955.521** | **878.994.514.244** |



## 30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ | 4.842.355.463.208 | 5.046.785.855.417 |
| Chi phí nhân công | 765.875.345.824 | 832.723.377.334 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 603.829.047.680 | 601.462.207.019 |
| Lợi thế thương mại phân bổ | 51.974.578.605 | 52.425.804.033 |
| Chi phí dự phòng | 32.243.653.510 | 24.468.861.551 |
| Thuế, phí, lệ phí | 2.373.964.871 | 6.768.191.734 |
| Chi phí khác | 877.438.377.199 | 722.155.722.231 |
| **TỔNG CỘNG** | **7.176.090.430.897** | **7.286.790.019.319** |

## 31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các trường hợp hưởng ưu đãi thuế sau đây:

- Các công ty gồm Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội ("NS3"), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận ("Bình Thuận"), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang ("Bắc Giang"), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh ("Tây Ninh"), Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa ("Ninh Hòa") và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước ("Bình Phước") được hưởng thuế suất là 10% đối với thu nhập từ sản xuất và kinh doanh nước sạch - hoạt động xã hội trong lĩnh vực môi trường trong suốt thời gian hoạt động;
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2016 đến 2019), giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028) và chịu thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế của dự án đầu tư mở rộng;
- Bắc Giang được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm năm tiếp theo;
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô Thị Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2020 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN;
- Công ty TNHH kiểm định đo lường Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

# 31. Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)

## 31.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí thuế TNDN năm nay | 95.762.838.922 | 96.376.685.154 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước | 2.625.392.997 | 5.228.619.692 |
| **Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **98.388.231.919** | **101.605.304.846** |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | (37.632.366.437) | (25.272.280.544) |
| **TỔNG CỘNG** | **60.755.865.482** | **76.333.024.302** |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **188.690.440.999** | **171.185.172.796** |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con | 38.997.862.997 | 34.237.034.559 |
| Điều chỉnh: | | |
| Thu nhập không chịu thuế | (24.066.803.304) | (16.158.224.663) |
| Chi phí không được khấu trừ | 32.120.066.512 | 12.939.911.926 |
| Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất | (11.923.413.032) | (7.821.677.712) |
| Chênh lệch do ảnh hưởng của các giao dịch hợp nhất kinh doanh | 19.331.966.740 | 58.252.786.428 |
| Thuế thu nhập hoãn lại do các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận | 4.084.650.348 | 1.393.266.784 |
| Thuế TNDN được giảm | (103.076.490) | (1.838.431.029) |
| Sử dụng lỗ thuế của các năm trước | (310.781.287) | (9.900.261.683) |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước | 2.625.392.998 | 5.228.619.692 |
| **Chi phí thuế TNDN** | **60.755.865.482** | **76.333.024.302** |

## 31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



## 31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | |
|---|---|---|---|---|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định | 12.376.737.806 | - | 12.376.737.806 | - |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 3.775.311.278 | 5.288.911.278 | (1.513.600.000) | 5.288.911.278 |
| **Tài sản thuế TNDN hoãn lại** | **16.152.049.084** | **5.288.911.278** | | |
| Chênh lệch từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh | (381.301.125.156) | (409.285.788.743) | 26.769.228.631 | 19.983.369.266 |
| **Thuế TNDN hoãn lại phải trả** | **(381.301.125.156)** | **(409.285.788.743)** | | |
| **Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất** | | | **37.632.366.437** | **25.272.280.544** |

## 31.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Đơn vị tính: VND

Tập đoàn được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

| Năm phát sinh | Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm (i) | Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh | Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023 | Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2023 |
|---|---|---|---|---|
| 2023 | 2028 | 120.244.764.625 | - | 120.244.764.625 |

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 32. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm và có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào | Công ty liên kết (đến tháng 12 năm 2023) |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình | Công ty liên kết (đến tháng 3 năm 2023) |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An | Công ty liên kết (đến tháng 4 năm 2023) |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau | Công ty liên kết (đến tháng 6 năm 2023) |
| Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Tasco Auto | Cùng Chủ tịch HĐQT với công ty mẹ |
| Công ty TNHH Tasco Land | Cùng Chủ tịch HĐQT với công ty mẹ |
| Công ty TNHH Thu phí tự động VETC | Cùng Chủ tịch HĐQT với công ty mẹ |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|
| **Phải thu ngắn hạn của khách hàng** | | | |
| Công ty TNHH Tasco Auto | Cung cấp dịch vụ | 6.480.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thu phí tự động VETC | Cung cấp dịch vụ | 2.777.760.000 | 187.268.820 |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An | Bán nước sạch | - | 9.237.147.325 |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào | Bán hàng hóa | - | 2.236.317.729 |
| | | **9.257.760.000** | **11.660.733.874** |
| **Trả trước cho người bán ngắn hạn** | | | |
| Công ty TNHH Thu phí tự động VETC | Mua dịch vụ | 63.096.592 | 70.400.226 |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào | Mua dịch vụ | - | 858.746.635 |
| | | **63.096.592** | **929.146.861** |
| **Phải thu về cho vay ngắn hạn** | | | |
| Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn | Cho vay | 339.474.793.000 | - |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào | Cho vay | - | 610.000.000 |
| | | **339.474.793.000** | **610.000.000** |
| **Phải thu ngắn hạn khác** | | | |
| Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn | Lãi cho vay | 641.746.869 | - |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào | Tạm ứng vốn | - | 1.637.500.000 |
| | Lãi cho vay | - | 152.404.445 |
| Nhân viên Tập đoàn | Tạm ứng công việc | - | 1.982.582.062 |
| | | **641.746.869** | **3.772.486.507** |
| **Phải trả người bán ngắn hạn** | | | |
| Công ty TNHH Tasco Land | Mua dịch vụ | 16.200.000.001 | 3.300.000.000 |
| Công ty TNHH Thu phí tự động VETC | Mua dịch vụ | 14.424.701 | - |
| | | **16.214.424.702** | **3.300.000.000** |
| **Người mua trả tiền trước dài hạn** | | | |
| Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang | Bán nước sạch | 20.371.557.996 | 13.930.484.202 |

Những nghiệp vụ trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn | Cho vay | 339.474.793.000 | - |
| | Lãi cho vay | 641.746.869 | - |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang | Bán nước sạch | 53.865.644.011 | 52.048.454.534 |
| | Cổ tức được chia | 1.820.413.014 | - |
| Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải | Mua nước sạch | 5.233.485.713 | 4.780.990.477 |
| | Cổ tức được chia | 85.664.857 | 101.149.701 |
| Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh | Cổ tức được chia | 1.757.393.892 | - |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An | Bán nước sạch | - | 101.179.543.917 |
| | Cổ tức được chia | - | 2.343.271.480 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau | Cổ tức được chia | - | 1.658.668.000 |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Bình | Cổ tức được chia | - | 710.655.000 |

## 32. Nghiệp vụ với các bên liên quan (Tiếp theo)

### Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

| | | Thu nhập, thưởng |
|---|---|---|
| Tên | Năm nay | Năm trước |
| **Hội đồng Quản trị** | | |
| Thành viên độc lập | 120.000.000 | 5.288.911.278 |
| **Ban Tổng Giám đốc** | | |
| Tổng Giám đốc | 720.000.000 | 720.000.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 2.401.950.000 | 840.000.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 1.266.049.558 | 840.000.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 1.080.000.000 | 901.200.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | - | 120.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **5.587.999.558** | **3.541.200.000** |

## 33. Các cam kết và khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Đến 1 năm | 55.628.303.862 | 64.408.213.165 |
| Từ 2 - 5 năm | 126.984.730.186 | 143.545.748.794 |
| Trên 5 năm | 1.628.839.872 | 1.722.113.400 |
| **TỔNG CỘNG** | **184.241.873.920** | **209.676.075.359** |

### Cam kết góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản cam kết nào liên quan tới việc góp vốn vào công ty con.



## 34. Thông tin theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng ngành vật liệu xây dựng.
- Sản xuất và kinh doanh ngành nước sạch và môi trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

## 33. Thông tin theo bộ phận (Tiếp theo)

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| | Ngành nhựa và vật liệu xây dựng | Ngành nước và môi trường | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | | |
| Doanh thu thuần bán hàng | 6.511.704.081.179 | 1.067.707.071.938 | 7.579.411.153.117 |
| Giá vốn hàng bán | 5.539.983.226.201 | 717.465.249.175 | 6.257.448.475.376 |
| Lợi nhuận gộp từ bán hàng | 971.720.854.978 | 350.241.822.763 | 1.321.962.677.741 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 6.442.230.441.394 | 1.865.099.129.029 | 8.307.329.570.423 |
| Tài sản dài hạn | 4.476.927.419.232 | 3.292.487.998.830 | 7.769.415.418.062 |
| Nợ ngắn hạn | 5.309.631.931.265 | 789.182.407.047 | 6.098.814.338.312 |
| Nợ dài hạn | 2.597.273.502.758 | 2.722.158.778.282 | 5.319.432.281.040 |
| Tài sản thuần | 3.012.252.426.603 | 1.646.245.942.530 | 4.658.498.369.133 |

Đơn vị tính: VND

| | Ngành nhựa và vật liệu xây dựng | Ngành nước và môi trường | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | | |
| Doanh thu thuần bán hàng | 6.625.342.672.166 | 1.067.506.821.337 | 7.692.849.493.503 |
| Giá vốn hàng bán | 5.647.652.498.041 | 760.143.007.034 | 6.407.795.505.075 |
| Lợi nhuận gộp từ bán hàng | 977.690.174.125 | 307.363.814.303 | 1.285.053.988.428 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 6.142.103.129.533 | 1.461.739.752.481 | 7.603.842.882.014 |
| Tài sản dài hạn | 4.889.967.609.647 | 4.035.042.644.141 | 8.925.010.253.788 |
| Nợ ngắn hạn | 4.862.790.801.916 | 1.315.006.014.279 | 6.177.796.816.195 |
| Nợ dài hạn | 3.099.660.866.775 | 2.690.509.052.984 | 5.790.169.919.759 |
| Tài sản thuần | 3.069.619.070.489 | 1.491.267.329.359 | 4.560.886.399.848 |







## 35. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Vào tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất mua bổ sung 1.027.000 cổ phần để nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (HOSE SII), một công ty liên kết lên 50,61%. Theo đó, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn trở thành công ty con của Tập đoàn từ tháng 1 năm 2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Phạm Thi Kim Thanh
Người lập

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

**Văn phòng Hà Nội**
Toà nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**Văn phòng TP. Hồ Chí Minh**
Tòa nhà Savico, 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Website: www.dnpcorp.vn

**Trụ sở chính**
Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang

**Trụ sở chính**
Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, P. An Bình, Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

**Trụ sở chính**
Tầng 18, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Tp. Hà Nội

**Trụ sở chính**
314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Trụ sở chính**
Lô B10 – B11, Khu công nghiệp Thụy Vân, Thụy Vân, Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ